

BÀN VỀ TÂY DU KÝ

Của

Ngô Thừa Ân



HT.Chơn Thiện

Nhà Xuất Bản Tôn Giáo Hà Nội 2000

---o0o---

Nguồn

<http://thuvienhoasen.org>

Chuyển sang ebook 8-8-2009

Người thực hiện : Nam Thiên – namthien@gmail.com

[Link Audio Tại Website http://www.phatphaponline.org](http://www.phatphaponline.org)

Mục Lục

CHƯƠNG MỘT

I. TỔNG QUÁT

II. HÌNH ẢNH GIÁO LÝ PHẬT GIÁO BẮC TRUYỀN ĐƯỢC PHẢN ẢNH QUA TÂY DU KÝ.

III. CÁC HÌNH ẢNH BIỂU TƯỢNG KHÁC NHAU GIỚI THIỆU PHẬT HỌC TRONG TÂY DU KÝ

IV. KẾT LUẬN

CHƯƠNG HAI

Hồi thứ 1

I. Tư tưởng Phật học

II. Quan niệm của Ngô Thừa Ân về con người

III. Quan của tác giả về xã hội.

Hồi thứ 2

I. Về tư tưởng Phật học.

II. Quan niệm về con Người

III. Quan niệm về xã hội.

Hồi thứ 3

I. Tư tưởng Phật học

II. Quan niệm về con người

III. Quan niệm về xã hội

Hồi thứ 4, 5, 6 và 7

I. Tư tưởng Phật học

II. Quan niệm về con người

III. Quan niệm về xã hội

Hồi thứ 8

I. Tư tưởng Phật học

II. Quan niệm về con Người

- III. Quan niệm về xã hội
- Hỏi thứ 9, 10, 11 và 12
 - I. Tư tưởng Phật học
 - II. Quan niệm về con người
 - III. Quan niệm về xã hội
- Hỏi thứ 13 và 14
 - I. Tư tưởng Phật học
 - II. Quan niệm về con người
 - III. Quan niệm về xã hội
- Hỏi thứ 15, 16 và 17
 - I. Tư tưởng Phật học
 - II. Quan niệm về con người
 - III. Quan niệm về xã hội
- Hỏi 18 và 19
 - I. Tư tưởng Phật học
 - II. Quan niệm về con người
 - III. Quan niệm về xã hội
- Hỏi thứ 20, 21 và 22
 - I. Tư tưởng Phật học
 - II. Quan niệm về con người
 - III. Quan niệm về xã hội
- Hỏi thứ 23
 - I. Tư tưởng Phật học
 - II. Quan niệm về con người
 - III. Quan niệm về xã hội
- Hỏi thứ 24, 25 và 26
 - I. Tư tưởng Phật học
 - II. Quan niệm về con người
 - III. Quan niệm về xã hội
- Hỏi thứ 27, 28, 29, 30 và 31
 - I. Tư tưởng Phật học
 - II. Quan niệm về con người
 - III. Quan niệm về xã hội
- Hỏi thứ 32, 33, 34 và 35
 - I. Tư tưởng Phật học
 - II. Quan niệm về con người
 - III. Quan niệm về xã hội
- Hỏi thứ 36, 37, 38 và 39
 - I. Tư tưởng Phật học
 - II. Quan niệm về con người
 - III. Quan niệm về xã hội
- Hỏi thứ 40, 41, 42
 - I. Tư tưởng Phật học
 - II. Quan niệm về con người
 - III. Quan niệm về xã hội
- Hỏi thứ 43

- I. Tư tưởng Phật học
 - II. Quan niệm về con người
 - III. Quan niệm về xã hội
- Hồi thứ 44, 45 và 46
- I. Tư tưởng Phật học
 - II. Quan niệm về con người
 - III. Quan niệm về xã hội.
- Hồi thứ 47, 48 và 49
- I. Tư tưởng Phật học
 - II. Quan niệm về con người
 - III. Quan niệm về xã hội
- Hồi thứ 50,51 và 52
- I. Tư tưởng Phật học
 - II. Quan niệm về con người
 - III. Quan niệm về xã hội
- Hồi thứ 53, 54 và 55
- I. Tư tưởng Phật học
 - II. Quan niệm về con người
 - III. Quan niệm về xã hội
- Hồi thứ 56, 57 và 58
- I. Tư tưởng Phật học
 - II. Quan niệm về con người
 - III. Quan niệm về xã hội
- Hồi thứ 59, 60 và 61
- I. Tư tưởng Phật học
 - II. Quan niệm về con người
 - III. Quan niệm về xã hội
- Hồi thứ 62 và 63
- I. Tư tưởng Phật học
 - II. Quan niệm về con người
 - III. Quan niệm về xã hội
- Hồi thứ 64
- I. Tư tưởng Phật học
 - II. Quan niệm về con người
 - III. Quan niệm về xã hội
- Hồi thứ 65 và 66
- I. Tư tưởng Phật học
 - II. Quan niệm về con người
 - III. Quan niệm về xã hội
- Hồi thứ 67
- I. Tư tưởng Phật học
 - II. Quan niệm về con người
 - III. Quan niệm về xã hội
- Hồi thứ 68, 68, 70 và 71
- I. Tư tưởng Phật học
 - II. Quan niệm về con người

III. Quan niệm về xã hội
Hồi thứ 72 và 73

- I. Tư tưởng Phật học
- II. Quan niệm về con người
- III. Quan niệm về xã hội

Hồi thứ 74, 75, 76, và 77

- I. Tư tưởng Phật học
- II. Quan niệm về con người
- III. Quan niệm về xã hội

Hồi thứ 78 và 79

- I. Tư tưởng Phật học
- II. Quan niệm về con người
- III. Quan niệm về xã hội

Hồi thứ 80, 81, 82 và 83

- I. Tư tưởng Phật học
- II. Quan niệm về con người
- III. Quan niệm về xã hội

Hồi thứ 84, 85 và 86

- I. Tư tưởng Phật học
- II. Quan niệm về con người
- III. Quan niệm về xã hội

Hồi thứ 87

- I. Tư tưởng Phật học
- II. Quan niệm về con người
- III. Quan niệm về xã hội

Hồi thứ 88, 89 và 90

- I. Tư tưởng Phật học
- II. Quan niệm về con người
- III. Quan niệm về xã hội

Hồi thứ 91, 92, 93, 94 và 95

- I. Tư tưởng Phật học
- II. Quan niệm về con người
- III. Quan niệm về xã hội

Hồi thứ 96 và 97

- I. Tư tưởng Phật học
- II. Quan niệm về con người
- III. Quan niệm về xã hội

Hồi thứ 98, 99 và 100

- I. Tư tưởng Phật học
- II. Quan niệm về con người
- III. Quan niệm về xã hội

CHƯƠNG BA

- I. Nhìn chung
- II. Sự thật của con người và cuộc đời.
- III. Một nền giáo dục Duyên khởi.
- IV. Triết lý Giáo dục

V. Mẫu người giáo dục của nền giáo dục mới “hậu hiện đại”

---o0o---

CHƯƠNG MỘT

I. TỔNG QUÁT

Gần đây Đài truyền hình hình Thành phố Hồ Chí Minh chiếu bộ phim Tây Du Ký, Dương Khiết đạo diễn, đã đem lại nhiều cảm giác sinh thú cho người xem. Nhiều bài báo, nhiều lời bình phẩm và dư luận và dư luận của quần chúng về bộ phim sôi nổi, đặc biệt của luồng dư luận là sự lẫn lộn giữa giá trị của pháp sư Huyền Trang, thiền sư vừa là nhà Phật học, nhà dịch thuật, với giá trị của Đường Huyền Trang trong bộ phim Tây Du Ký và Đường Huyền Trang trong tiểu thuyết Tây Du Ký của Ngô Thừa Ân. Dư luận cũng lẫn lộn giữa giáo lý Phật giáo đích thực với giáo lý Phật giáo được phản ánh qua bộ phim hay qua tiểu thuyết Tây Du Ký.

Người viết bài này thiên nghĩ người Phật tử cần xác định nhận thức rằng:

Pháp sư Huyền Trang của lịch sử Phật giáo Trung Hoa là có thực, là một thiền sư thông rõ Kinh, Luật, Luận Phật giáo, là một nhà Phật học lỗi lạc, là một nhà dịch thuật tài danh, đã du học ở Ấn Độ và chiêm bái Phật tích tại đó suốt 17 năm, sau đó trở về Trung Quốc dịch các Kinh, Luận trong suốt 18 năm thì mất. Cuộc đời và sự nghiệp xuất thế của Pháp sư có giá trị độc lập với Trần Huyền Trang trong phim ảnh, và độc lập với Trần Huyền Trang trong tiểu thuyết Tây Du Ký.

Không thể căn cứ vào Trần Huyền Trang trong tiểu thuyết hay phim ảnh với nhiều tình tiết hư cấu để đánh giá Pháp sư Trần Huyền Trang có thực trong lịch sử. Ôn định nhận thức như thế để người Phật tử khỏi phải phiền não trước những diễn xuất hay diễn đạt kém phần giải thoát của nhân vật Trần Huyền Trang trong phim ảnh hay trong tiểu thuyết.

- Tương tự, người Phật tử cần ôn định nhận thức của mình về sự khác biệt giữa giáo lý Phật giáo đích thực với giáo lý Phật giáo được phản ánh có chỗ thiếu trung thực qua phim ảnh hay tiểu thuyết để khỏi phải băn khoăn trong việc tìm lời lẽ biện minh thế này thế khác.

- Người viết cũng cảm thấy rằng ngay cả khi người Phật tử đã ổn định nhận thức của mình về Pháp sư Huyền Trang đích thực thì vẫn không tránh được cảm nhận khó chịu trước hình ảnh Đức Phật (diễn xuất trong phim) chụp Ngũ hành sơn xuống mình Tôn Ngô Không (bấy giờ đã là Tôn Ngô Không sau ngày thụ giáo với Tôn giả Tu Bồ Đề) hơi nặng nề (thiếu nét từ bi) rồi liền xoay lại vui vẻ nhìn Hằng Nga hát múa, và trước hình ảnh Tôn giả Đại Ca Diếp, Tôn giả A Nan, đại đệ tử của Đức Phật, lời thôi độ trái cây và lời thôi đòi “hồi lộ” đầy nét phàm phu. Hai hình ảnh ấy thật là xa lạ đối với Phật giáo và thật khó hiểu đối với người Phật tử hiểu đạo! Hình ảnh hồi lộ ấy diễn ra hệt như trong tiểu thuyết của Ngô Thừa Ân, điều mà người viết bài này nghi ngờ không phải là đoạn sáng tác của Ngô Thừa Ân, một tiểu thuyết gia nổi danh có một kiến thức Phật học sâu sắc đã được biểu hiện qua bản truyện Tây Du Ký.

- Trở về tiểu thuyết Tây Du Ký của Ngô Thừa Ân. Đọc xong Tây Du Ký, người viết liền khởi tưởng:

* Sự nghiệp du học, phiên dịch và tu hành của pháp sư Huyền Trang là vĩ đại, đã để lại nhiều sự ngưỡng mộ trong quần chúng Phật tử hậu lai, và nhiều hứng khởi trong các nhà nghiên cứu, dịch thuật và sáng tác văn học về sau. Quần chúng ngưỡng mộ pháp sư qua văn học truyền khẩu NGÔ THỪA ÂN đã hứng khởi đến độ dựng thành bộ tiểu thuyết Tây Du Ký bất hủ.

* Ngô Thừa Ân hãnh và viết về những gì trong giáo lý Phật giáo đã tạo nên pháp sư Trần Huyền Trang và sự nghiệp vĩ đại của người. Đó là con đường tu tập thoát ly mọi nỗi khổ đau trần thế, cái nỗi khổ đau đang đè nặng cuộc đời của Ngô Thừa Ân và xã hội Trung Hoa phong kiến đương thời.

* Tác giả đã biểu tượng hóa lộ trình tu tập giải thoát, theo Phật giáo, bằng hình ảnh bốn thầy trò Đường Tăng và con ngựa trắng đi Tây Trúc thỉnh kinh với tám mươi một khổ nạn.

Trong bài phiếm bàn này, người viết chỉ bàn đến các biểu hiện giáo lý Phật giáo tản mạn qua các nhân vật và các cảnh nạn, mà không đi vào các quan niệm nhân sinh, xã hội và lại càng không bàn đến văn phong bút pháp của tác giả.

II. HÌNH ẢNH GIÁO LÝ PHẬT GIÁO BẮC TRUYỀN ĐƯỢC PHẢN ẢNH QUA TÂY DU KÝ.

1/ Qua các nhân vật chính (tổng quan)

Bảng liệt kê các Kinh, Luật, Luận mà Đường Tăng thỉnh về Trung Quốc, theo Ngô Thừa Ân, là thuộc giáo lý Bắc truyền. Với các nhà nghiên cứu Phật học vững vàng như Ngô Thừa Ân mới nhận ra tư tưởng Bát Nhã là cột sống của giáo lý Bắc truyền. Các bản kinh tiêu biểu và phổ biến nhất của giáo lý Bát Nhã là Bát Nhã Tâm Kinh và Kim Cương Bát Nhã. Vì thế Ngô Thừa Ân đã chọn lựa và giới thiệu các nét giáo lý tinh yếu của hai bản Kinh ấy vào cuốn tiểu thuyết thời danh Tây Du Ký.

* Tạng Kinh Bát Nhã (ngót 700 cuốn) do pháp sư Huyền Trang dịch. Bản Bát Nhã Tâm Kinh là bản Kinh mà pháp sư thường đọc tụng, ngay cả những lúc cấp nạn như tại sa mạc Gobi - theo đúng sử liệu - Bản kinh này là tinh yếu của tư tưởng Bát Nhã đã được tác giả đưa vào tiểu thuyết làm triết lý cho cuộc Tây du.

Hồi thứ 19 (của Tây Du Ký) viết rằng:

“Đông Vân San, Ngô Không thu Bát Giới,

Núi Phù Đồ, Tam Tạng nhận Tâm Kinh”.

Đường Tăng tại đây được thiên sư Ô Sào (hóa thân của Bồ Tát) truyền dạy bài Bát Nhã Tâm Kinh (Nhà xuất bản Văn học, Hà Nội. 1982) như là vũ khí để chiến thắng vượt qua các ách nạn.

* Đọc cuộc hành trình Tây du, Đường Tăng thường tụng niệm bản Bát Nhã Tâm Kinh - và thường được Tôn Ngô Không nhắc nhở - để thắng vượt các sợ hãi, âu lo.

* Cuối đường Tây du, Đường Tăng được hóa thân Phật dùng chiếc thuyền Bát Nhã (không đáy) chở qua sông mê đến bờ bên kia của Phật cảnh. Bước vào thuyền, Đường Tăng liền thoát xác: được pháp thân thanh tịnh vô tướng, và để lại chiếc sắc thân, như một xác chết, nổi bênh bồng giữa sóng nước sinh tử.

* Suốt đường thỉnh kinh, phái đoàn Tây du luôn luôn được Bồ Tát Quán Thế Âm theo sát cứu độ. Quán Thế Âm theo là tên của vị Bồ Tát mở đầu bản Bát

Nhã Tâm Kinh, vị Bồ Tát do vì thấy rdox Năm uẩn (sắc, thọ, tưởng, hành, thức - nghĩa là con người và vũ trụ) là không có tự ngã mà vượt qua hết thầy khổ ách, đi vào sinh tử tự tại cứu độ chúng sinh.

Như thế, tại đây đã có thể kết luận rằng: Ngô Thừa Ân đã diễn lại nội dung Bát Nhã Tâm Kinh (hay tư tưởng tinh yếu của Bát Nhã) và hành trình để chứng đắc trí tuệ Bát Nhã qua toàn bộ tiểu thuyết Tây Du Ký mà mỗi bước đi của phái đoàn thầy trò Đường Tăng là mỗi bước đi tiến gần giải thoát.

2/ Các nhân vật chính của phái đoàn thỉnh kinh.

Nếu hiểu mỗi nhân vật của phái đoàn thỉnh Kinh là một biểu tượng độc lập, riêng lẻ thì khó mà nắm được toàn mạch tư tưởng nhất quán của Ngô Thừa Ân, chúng ta sẽ lúng túng trong việc tìm hiểu các ảnh tượng giáo lý Phật giáo trải khắp toàn truyện.

Thực sự cuộc hành trình Tây du là một hành trình giải thoát của mỗi người muốn thoát ra khỏi mọi nỗi khổ đau của sinh tử. Nhân vật thầy trò Đường Tăng là biểu tượng các phần tử tâm thức của một tâm hồn Đường Tăng.

Về Đường Tăng

Đường Tăng là tiếng nói của hạnh nguyện giải thoát, của bi nguyện độ sinh, và sau hết là tiếng nói của cho tim trần thế.

Tiếng nói ấy là linh hồn của nghĩa sống, như Đường Tăng là người dẫn đầu đoàn thỉnh kinh. Đây là không là tiếng nói của trí tuệ, của khối óc, nên thường thiếu khả năng phân biệt chánh tà, hư thực, thường bị mắc vào cạm bẫy của ác ma. Tiếng nói của con tim ấy cần được soi sáng bởi tiếng nói thiên định và giới đức như là Đường Tăng cần đến ba môn đồ phò tá (sẽ bàn tiếp)...

Về Tôn Ngộ Không (Tôn Hành Giả)

* Tôn Ngộ Không là biểu trưng cho Chánh kiến và Chánh tư duy (Thánh tuệ uẩn của mỗi hành giả, là trí tuệ Vô ngã thấy rõ mọi hiện hữu là Vô ngã, vô thường và dẫn đến tan rã, khổ đau. Trí tuệ ấy khác với trí tuệ sinh diệt. Nó là vô sinh nên tác giả Ngô Thừa Ân giới thiệu Mỹ hầu vương được sinh ra từ trứng đá, kết tinh của tú khí trời đất. Trí tuệ ấy tự biết tìm đường đi ra khỏi sinh tử như Mỹ hầu vương biết tìm đường đến với đại đệ tử của Đức Phật (Tôn giả Tu Bồ Đề) để học đạo bất sinh bất diệt.

* Tôn giả Tu Bồ Đề là đệ nhất ly dục, ly ái (còn có nghĩa là đệ nhất rời chấp thủ hết thấy các ngã tướng) trong hàng đệ tử của Đức Phật - theo Kinh Kim Cang Bát Nhã - Đạo và Mỹ hầu vương được truyền dạy thấy rõ Vô ngã tướng (hay không tướng) của vạn hữu và tự tâm rời xa mọi tham ái. Nắm được sở đắc ấy thì liền tự tại, ở ngoài mọi khổ đau. Sự kiện tự tại này đã được Ngô Thừa Ân biểu hiện qua 72 phép thần thông biến hóa của pháp môn Địa-sát.

Trí tuệ này là cao nhất để đi đến trí tuệ giải thoát sau cùng, không còn trí tuệ nào khác cao hơn, nên được gọi là Vô sư trí. Vì thế Tôn giả Tu Bồ Đề cấm Tôn Ngô Không tiết lộ danh tánh của Thầy dạy đạo cho Tôn Ngô Không.

Đạt được trí tuệ xa lìa khổ đau ấy, Mỹ hầu vương nhận được pháp danh Tôn Ngô Không. chữ Tôn theo lời cắt nghĩa của Tôn giả Tu Bồ Đề, nếu xóa bỏ khuyến bên cạnh thì thành chữ Tử (con) và chữ Hệ (trẻ con). Như thế trí tuệ giải thoát sau cùng, mà chưa là trí tuệ giải thoát sau cùng, trí tuệ này cần được tu tập thêm Giới và Định.

* Trí tuệ, tự thân nó là động, thác động, vì thế Tôn Ngô Không mang thân tướng giống khi. Cái động của trí tuệ cần được thuần hóa và nuôi dưỡng bằng định tâm và sự thực hành giới hạnh. Định tâm sẽ rửa sạch cái động của ý, giới đức sẽ rửa sạch cái động của trí tuệ cần được thuần hóa và nuôi dưỡng bằng định tâm và sự thực hành giới hạnh. Định tâm sẽ rửa sạch cái động của ý, giới đức sẽ rửa sạch cái động của thân, khẩu. Chưa đủ, có những thời điểm mạnh động của trí cần phải nhờ đến đại định để chế ngự như là Tôn Ngô Không cần phải đội trên đầu chiếc vòng “Khẩn cô nhi” (còn gọi là vòng “Kim cô” hay vòng “định tâm”) và cần được chế ngự bởi “định tâm chú” (hay chú Khẩn cô nhi) của Bồ Tát Quán Thế Âm.

* Khi mà trí tuệ ấy chưa được Giới, Định chế ngự và nuôi dưỡng thì nó sẽ bị Năm uẩn (hay vũ trụ, cuộc đời) khống chế với vô lượng phiền não. Đây là hình ảnh mà Tôn Ngô Không bị Ngũ hành sơn chụp lên mình năm trăm năm mà không trần trở được. Đó là cái họa đại não Thiên cung của Tề Thiên Đại Thánh, do vì Đại Thánh thấy rõ cái hư, cái rỗng (và cả dỏm nữa) của trên trời và dưới thế, không chịu được mà đại não, đập phá, đập đổ.

* Đường giải thoát chưa dừng lại ở đây. Ngô Không (hay trí tuệ) cần tiếp tục vào đại định và lòng đại bi, cần phải tu tập nhiều lần nữa. Nghĩa là Ngô Không phải tinh tấn lên đường thực hành giải thoát. Bây giờ Ngô Không có thêm một pháp hiệu nữa là Hành Giả.

* Trí tuệ của Tôn Hành Giả (nặng phần tự độ) cần phải được tu tập cùng với bi tâm độ sinh (phần độ tha của Đường Tăng) thì mới thiện xảo, mới tiến gần giải thoát tối hậu. Cũng thế, bi tâm cần được trí tuệ Vô ngã dẫn đường, nếu không thì dễ lạc đạo. Tác giả Ngô Thừa Ân diễn đạt điểm giáo lý này qua sự xây dựng hai nhân vật Đường Tăng và Tôn Hành Giả. Khi nào mà Đường Tăng không nghe Tôn Hành Giả thì phái đoàn Tây du trở nên buồn bã ảm đạm như một phái đoàn đưa ma (như cảnh quỷ Hoàng Bào hãm hại Đường Tăng sau khi Ngô Không bị đuổi về núi Hoa Quả).

* Người tu giải thoát rời xa trí tuệ một bước thì bị họa liền một bước. Cần phải thường xuyên giữ chánh niệm hay “như lý tác ý” để tránh các nạn ở am Mộc “Tiên (hồi 64): Đường Tăng mắc vào cảnh mê thờ, rượu và tình. Bấy giờ, khi Tôn Hành Giả xuất hiện kịp thời thì ma cảnh liền tan biến, Đường Tăng ra khỏi sự đăm trước nội thọ và ngoại thọ.

Về Trư bát Giới (Trư Ngô Năng)

* Theo Phật giáo Bắc và Nam truyền, thiên định để chế ngự cái động của tuệ và của tâm cần được tu tập trên căn bản phạm hạnh. Vì thế hành trình giải thoát cần có công phu thực hành Thánh giới uẩn, như phái đoàn Tây du cần có mặt Trư Bát Giới (bát giới là tám giới căn bản của người xuất gia).

* Trư Bát Giới vốn là Thiên Bồng Nguyên soái, do vì say men tiên tửu, dục ái trời dậy quấy rồi Hằng Nga mà bị đày xuống hạ giới với thân mình thô lậu. Trư Bát Giới quả là hiện thân của dục vọng, của sự buông lung thân, khẩu hành. khi Bát Giới trở thành môn đệ của Đường Tăng là khi đoàn Tây du thể hiện công phu hành trì giới uẩn để chế ngự dục vọng và tẩy trừ thân, khẩu nghiệp. Tác giả Tây Du Ký đã khéo xây dựng nhân vật Trư Bát Giới tham ăn, tham ngủ nghỉ và nói năng thô lậu như là tập khí sinh tử còn lại để trên con người xuất thế, tập khí này cần được tẩy rửa khỏi Tâm giải thoát và Tuệ giải thoát.

* Tánh của Trư Bát Giới thường không hợp với Tôn Hành Giả là cũng do vì sự có mặt của tập khí sinh tử ấy. Lúc nào Giới được tu tập cùng với Tuệ thì công phu giải thoát ổn định, lúc nào giới rời khỏi tuệ thì công phu giải thoát rối loạn. Hệt như những lúc Trư Bát Giới hòa thuận với Tôn Hành Giả thì phái đoàn Tây du êm ả, những lúc Trư Bát Giới nghịch ý Tôn Hành Giả thì phái đoàn Tây du lâm nạn lớn.

* Nhưng Trư Bát Giới cũng lập được nhiều công trên đường thỉnh Kinh. Đây là ý nghĩa Bồ Tát Quán Thế Âm đặt pháp danh Ngô Năng cho Bát Giới.

Khi mà dục vọng hướng về giải thoát, thì dục vọng trở thành một sức mạnh giải thoát cần thiết cho hành giả.

* Những đoạn đường tu để chiến thắng dục vọng là những đoạn đường dục ái, hữu ái và vô hữu ái mà hành giả phải vượt qua. Khi Trư Bát Giới theo phò Đường Tăng là khi dục vọng chuyển thành giải thoát mà khởi đầu là bỏ dục ái (Trư Bát Giới rời khỏi nhà nhạc gia Cao Lão) để tiến đến cắt lia dục ái, hữu ái và vô hữu ái. Tại đây, hình ảnh của Trư Bát Giới là hình ảnh ái nghiệp còn tồn đọng (tùy miên) trong tâm thức Đường Tăng hay trong tâm thức của một hành giả trên đường về giải thoát.

Ngô Thừa Ân xây dựng vai trò Trư Bát Giới là nói lên rằng, theo Phật giáo, khi có trí tuệ Vô ngã (chánh kiến và chánh tư duy) và bi nguyện giải thoát độ sinh, hành giả cần phải tu tập Giới uẩn, Định uẩn và Tuệ uẩn cho đến thời điểm giải thoát sau cùng, tan hết tập khí sinh tử (trừ hết các sanh y).

Về Sa Ngộ Tĩnh

* Vai trò của giới là chế ngự cái loạn động của thân hành và khẩu hành; riêng cái loạn động của tâm, trí thì phải cần đến công phu thiền định. Vì thế, phái đoàn Tây du cần kết nạp thêm nhân vật Sa Ngộ Tĩnh (Tĩnh có nghĩa là định tâm). Ngộ Tĩnh là biểu tượng của công phu tu tập Thánh định uẩn. Vì thế, nhân vật Ngộ Tĩnh trầm lặng, chuyên chú, cần mẫn và ổn định suốt cuộc hành trình Tây du.

* Nhân dịp tập Giới, hành giả mới có tâm định nên tác giả Tây Du Ký đã kết nạp Ngộ Tĩnh sau Ngộ Năng và làm sư đệ Ngộ Năng.

* Sa Ngộ Tĩnh vốn là Quyền Liêm đại tướng ở nhà trời, do vì chéch choáng rượu trời, đánh mất chánh niệm, làm đổ ly ngọc mà bị đày xuống trần gian (dục giới). Khi đi theo Đường Tăng là khi Ngộ Tĩnh thiết lập lại chánh niệm tỉnh giác, hành trì định uẩn.

* Định uẩn gắn liền với Tuệ uẩn, theo Phật giáo, không có định thì không có tuệ, không có tuệ thì không có định. Do vậy, Ngô Thừa Ân đã vẽ nên một tình huynh đệ thắm thiết giữa Ngộ Không và Ngộ Tĩnh. Sa Ngộ Tĩnh là hình ảnh biểu hiện trạng thái tâm lý ổn định của hành giả trên đường về giải thoát, tạo thêm sự sáng suốt của trí tuệ và tâm thức như có lần Ngộ Tĩnh đã mách nước cho Ngộ Không loại trừ Đường Tăng giả.

Về Tiểu Long Mã

* Tiểu Long Mã là con Tây Hải Ngao Nhuận (giữa Trời và Đất), do vì khởi niệm nghịch ý cha, châm lửa đốt ngọc minh châu trên điện, bị thiên đình xử tội chết, sau nhờ Bồ Tát Quán Thế Âm cứu vớt khỏi tội chờ ngày phò tá Đường Tăng sang Tây Trúc.

* Đây là một nhân vật ẩn kín của phái đoàn Tây du mà nếu thiếu sự chú tâm, chúng ta sản xuất không phát hiện ra. Khi Tiểu Long Mã lên đường đi Tây du là khi hiểu tâm bắt đầu được tu tập cho đến khi thành bi tâm và giải thoát tâm. Cấu trúc thêm nhân vật Tiểu Long Mã vào phái đoàn Tây du là Ngô Thừa Ân muốn giới thiệu công phu tu tập Giới, Định, Tuệ được thực hiện trên căn bản hiểu tâm, như giáo lý Phật giáo từng dạy: “Tâm hiểu là tam tu, hạnh hiểu là hạnh tu” và Điều thiện lớn nhất là chí hiểu, điều ác cùng cực là bất hiểu”.

Với Phật giáo, đại bi tâm chỉ là sự phát triển rộng, sâu của hiểu tâm, vì thế Tiểu Long Mã là con người cười của Đường Tăng cho đến Lôi Âm tự.

* Qua nhân vật thứ năm này, Ngô Thừa Ân đã nói lên được sự đề cao hiểu đạo của Phật giáo, và sự quan tâm của Phật giáo đến việc xây dựng một nhân cách đạo đức cho một xã hội tốt đẹp cho con người. Tại đây, chúng ta cũng thấy rằng cuộc đời đang cần đến Phật giáo như Tiểu Long Mã cần đến bàn tay cứu độ của Bồ Tát Quán Thế Âm.

Về Lôi Âm Tự và tám mươi một ách nạn

* Lôi Âm tự là một danh từ rất biểu tượng. Nó biểu tượng hạo một thế giới có ngôn ngữ chân thật nói lên được chân tướng của vạn hữu, như là tiếng sấm sét siêu vượt lên trên các âm thanh trần thế - thứ âm thanh của hữu niệm, hữu ngã. Vì thế Tôn giả Đại Ca Diếp và Tôn giả A Nan thoát đầu đã trao cho Đường Tăng các bản Kinh vô tự, bởi vì vô tự mới thực là Chân Kinh. Nhưng khó khăn thay, trần gian không đọc được Kinh vô tự: Như Lai đã phải dạy trao Kinh hữu tự do vậy không nói lên được thực tướng. Hành giả phải hành Giới, Định, Tuệ và tâm đại bi mới thể nhận được thực tướng. Đây là công phu đánh thức dậy giác tính vốn có trong mỗi hành giả như sấm sét đánh thức mình ra khỏi cơn mê của 81 cảnh giới tâm.

81 cảnh giới tâm ấy là gì?

Ngô Thừa Ân đã khéo dựng lên tám mươi một cảnh nạn phải vượt qua trên đường Tây du. Theo Phật giáo, có mười cảnh giới hiện hữu, đó là Phật, Bồ Tát, Duyên giác, Thinh văn, Trời, Người, A-tu-la, Địa ngục, Ngạ quỷ và Súc

sinh. Muốn đến cảnh giới Phật, hành giả phải đi qua chín cảnh giới còn lại. Mỗi cảnh giới có đủ chín cảnh giới tâm còn lại ấy, thành thử có tất cả 81 cảnh giới tâm sai biệt còn lại (9x9). Mỗi cảnh giới tâm này đều che mờ Phật trí, như con suối nước đổ xuống bao che động Thủy Liêm ở Hoa Quả sơn, mà hành giả cần tẩy rửa. Công việc tẩy rửa 81 cảnh giới tâm ấy chính là nỗ lực của phái đoàn Tây du vượt qua 81 ách nạn vậy.

---o0o---

III. CÁC HÌNH ẢNH BIỂU TƯỢNG KHÁC NHAU GIỚI THIỆU PHẬT HỌC TRONG TÂY DU KÝ

Đọc Tây Du Ký chúng ta bắt gặp rất nhiều hình ảnh biểu tượng và ngôn ngữ biểu tượng, biểu tượng hóa giáo lý Phật giáo. chúng ta sẽ có dịp thích thú chia sẻ với các hứng khởi sáng tác của tác giả.

Trong giới hạn của bài phiếm luận, người viết không có tham vọng trình bày xuyên suốt từ đầu đến cuối truyện các hình ảnh và ngôn ngữ biểu tượng ấy, mà chỉ điểm xuyết vài nét chấm phá gọi là để đáp lễ dư luận của đại chúng sau khi bộ phim Tây Du Ký được chiếu trên màn ảnh nhỏ của Đài truyền Hình thành phố vừa qua.

1. Về đôi mắt vàng của Tề Thiên Đại Thánh

- Mỹ hầu vương đặc biệt có đôi mắt vàng sáng chói, chiếu suốt qua các cung Trời làm Ngọc Hoàng rững động, kinh ngạc. Đôi mắt vàng ấy phân biệt rõ chính tà, hư thật. Đôi mắt vàng ấy đã ràn rụa nước mắt trước cảnh đời vô thường, khổ đau đi tìm đường học đạo bất sinh bất diệt từ Tôn giả Tu Bồ Đề tại một trú xứ xa xăm. Đôi mắt vàng ấy đã là linh hồn của cuộc hành trình thỉnh Kinh mà thiếu nó thì tức thời phái đoàn rơi vào ma nạn.

Đôi mắt vàng ấy là gì, nếu không phải là biểu tượng của trí tuệ Bát Nhã, của giáo lý trí tuệ Bát Nhã của Phật giáo?

- Như giáo lý Phật giáo đã “dụng đứng dậy những gì bị quăng ngã xuống, mở ra những gì bị che kín”, đôi mắt vàng của Mỹ hầu vương đã thấy và đã làm cho chúng ta thấy cái sự thật mộng mị, bất toàn, hư dối từ âm phủ đến Thiên cung. Cuộc đại náo của Tề Thiên Đại Thánh tại Long cung và Thiên cung là sự đánh thức dậy sự thật ấy cho chúng sinh tại đó thấy rõ lối ra khỏi vô thường, không thật để đi vào nguồn giải thoát chân thật. Vì vậy chiếc thiết bồng nặng nghìn cân của Đại Thánh Tề Thiên, biểu hiện sức mạnh của

đôi mắt vàng, là chiếc gậy đánh thức mà không phải nổi loạn, là xây dựng mà không phải đập phá. Chiếc gậy sắt ấy đập phá các nguyên nhân gây ra đau khổ cho cuộc đời và xây dựng an lạc, hạnh phúc của vô sinh. Chỉ đôi mắt vàng tuyệt vời kia xuất hiện trong tiểu thuyết hay truyện phim là đủ để chúng ta đánh giá cao tiểu thuyết ấy, phim ấy.

Hầu như suốt thời gian theo dõi cuộc hành trình thỉnh Kinh, chúng ta đã bị cuốn hút bởi cái nhìn chính xác và bởi thái độ tự chủ trước các hiểm nạn và trước mọi cám dỗ của Tôn Hành Giả. Mỗi cái nhìn, mỗi bước đi của Hành Giả như vang vọng lời Kinh Bát Nhã:

“...Dĩ vô sở đắc, cố Bồ-đề-tát-đoa y Bát Nhã Ba La Mật-đa, cố tâm vô quái ngại, vô quái ngại cố, vô hữu khủng bố, viễn ly điên đảo mộng tưởng, cứu cánh Niết bàn’.

2. Biểu tượng của hồi thứ 14

Ở hồi thứ 14 này, sáu tên cướp đường là “mắt nhìn mừng”, “tai nghe giận”, “mũi ngửi thích”, “lưỡi nếm nghĩ”. “thân vốn lo”, và “ý thấy muốn” đón Đường Tăng và Tôn Hành Giả. Tôn Hành Giả đã dễ dàng đánh chết chúng, và đã thẳng thừng thừa sư phụ Đường Tăng: “Thừa sư phụ, đệ tử không đánh chết chúng thì chững sẽ đánh chết sư phụ”. Câu này có nghĩa là:

“Nếu đệ tử không đánh chết các tâm phiền não (mừng, giận, ưa thích, ham muốn, lo buồn....) khởi lên từ sáu căn thì đệ tử sẽ đánh mất lý tưởng giải thoát độ sinh”.

Sáu tên cướp đường kia là biểu tượng cho sắc, thanh, hương, vị, xúc và pháp. Nếu thiếu giác tỉnh chế ngự chúng, thì chúng sẽ đột nhập sáu căn (tai, mắt, mũi, lưỡi, thân và ý) gây ra giặc phiền não, khổ đau. Đánh chết chúng là biểu hiện mạnh mẽ quyết tâm giải thoát và nhiếp được phần thô động của thân hành, khẩu hành và ý hành. Đây là công phu giải thoát bước đầu vậy.

3. Biểu tượng của hồi thứ 26

Tại Ngũ Trang Quán, trú xứ của vị đại Địa tiên Trần Nguyên Tử, Tôn Hành Giả ăn trộm ba quả nhân sâm và nổi cơn thịnh nộ đánh bật gốc rễ cây nhân sâm vô cùng quý báu của người. Cây nhân sâm là loại kinh căn có mặt từ khi thiên địa mới khai tích, quý nhất trong vườn cây của vị đại Địa tiên. Vì thế, Trần nguyên tử, với thần thông vô lượng, đã bắt giữ trọn phái đoàn Tây du.

Tôn Hành Giả phải nhiều phen chiến đấu vất vả, rồi đến Đông Hải cầu Bồ Tát Quán Thế Âm dùng Cam lồ thủy hồi sinh cây nhân sâm mới thoát nạn.

Tại đây, Ngũ Trang Quán là biểu tượng của Ngũ hành, lúc thiên đại khai tích là biểu tượng lúc âm dương mới tượng. Âm dương phối hợp với ngũ hành, theo đạo Nho, sinh ra vạn hữu. Cây nhân sâm vì thế là biểu tượng cho nguồn gốc của các pháp hữu vi. Thế là, ở đây Tôn Hành Giả, với trí tuệ Vô ngã của mình, đã có khả năng làm bật gốc các pháp hữu vi (Tam giới), nhưng vì tập khí sinh tử còn nhiều nên thân tâm còn phải chịu hệ lụy trong sinh tử, như phái đoàn Tây du đang bị giam giữ tại Ngũ Trang Quán.

Nước Cam lồ của Bồ Tát Quán Thế Âm là biểu tượng cho nước phạm hạnh lấy từ trí tuệ Bát Nhã Ba La Mật của Bồ Tát, là thứ nước dập tắt lửa ái, lửa thù, vô minh, là thứ nước của vô sinh, siêu vượt sinh diệt. Do vì siêu vượt sinh diệt nên nó thiết lập được sinh diệt, làm hồi sinh được cây nhân sâm.

Pháp Phật cao là ở chỗ này. Pháp Phật thoát ly sinh tử là ở chỗ này.

Xây dựng cảnh nạn Ngũ Trang Quán là Ngô Thừa Ân muốn giới thiệu nét giáo lý đặc thù vô tỉ của Phật giáo và vừa chỉ đường cho hành giả phá đổ tâm sinh diệt của các ngã tướng (ngã tướng, nhơn tướng, chúng sinh tướng, thọ giả tướng, pháp tướng, phi pháp tướng, tướng và phi tướng).

4. Biểu tượng của hồi thứ 27

Tại đây, nữ yêu tinh Bạch Cốt ba lần quyết hại Đường Tăng, ba lần hóa hiện dân lành để đánh lừa lòng từ bi của Đường Tăng, nhưng cả ba lần đều bị Tôn Hành Giả phát hiện đánh chết. Sự kiện này khiến Đường Tăng phần nộ Hành Giả. Bát Giới lại xúc siểm với Đường Tăng, bảo rằng Tôn Hành Giả đã ác ý giết chết ba người lương thiện mà thừa dối với Đường Tăng là ba con quỷ. Đường Tăng quyết định đuổi Tôn Hành Giả về Hoa Quả sơn. Đọc truyện và xem phim đến hồi này ai cũng xúc động đến chảy nước mắt, cũng thở ngắn than dài: Ôi! thật là bi thương! Thật là bi kịch!

Hậu quả của bi kịch trên do Đường Tăng mê mờ không thấy rõ hư, thật, và do lòng ganh ghét, đố kỵ, xúc siểm của người sư đệ còn đầy vô minh, Tru Bát Giới.

Đây là chỗ diễn đạt tài tình của Ngô Thừa Ân và diễn xuất tuyệt vời của phim ảnh.

- Nữ ma Bạch Cốt là biểu tượng của các vọng tâm sinh khởi từ tham, sân, si mà giáo lý có khi chỉ nói vắn tắt là ái tâm.

Lần thứ ba, Tôn Hành Giả đánh chết Bạch Cốt Tinh là biểu tượng cho việc tu tập đoạn trừ vọng tâm phải thực hiện nhiều lần (ở Phạm Văn, số ba mới là số nhiều). Lại nữa, trong thiền quán, hành giả chỉ thấy và đoạn vọng tâm khi nó diệt, chưa đủ; thấy và đoạn vọng tâm khi nó tồn tại, cũng chưa ổn; khi cần phải thấy và đoạn vọng tâm khi nó khởi nữa, cho đến lúc này vọng tâm mới thật sự được diệt trừ. Đây là ý nghĩa rất chuyên môn về Phật học (thiền định Phật giáo).

Dựng nên cảnh bi kịch này, Ngô Thừa Ân muốn nói lên một sự thật giáo lý Phật giáo rằng: nếu hành giả tu tập Giới và tu tập từ tâm mà thiếu trí tuệ giải thoát thì công phu tu tập giải thoát chỉ là các xác sống không hồn, âm đạm, vô cùng âm đạm: Không có trí tuệ Vô ngã thì sẽ không có giải thoát và không có đạo Phật.

Tại đây, chúng ta đâu dám nghĩ rằng tiểu thuyết Tây Du Ký của Ngô Thừa Ân đầy hư cấu là thần thoại, nhằm nhí?

5. Biểu tượng về Hồng Hải Nhi, La sát và Ngưu Ma Vương (Hồi 42, 60 và 61)

Theo dõi hành trình của phái đoàn Tây du, chúng ta thấy rằng cứ mỗi lần vượt qua được một ma nạn, là mỗi lần phái đoàn tiến thêm một bước gần giải thoát sinh tử; mỗi lần kẹt vào một ma nạn là mỗi lần phát hiện ra chỗ ngưng trệ của tâm thức giải thoát của phái đoàn, cũng là chỗ ngưng trệ tâm thức của hành giả tu tập.

- Hồng Hải Nhi đã bắt giam Đường Tăng, Ngô Năng, Ngô Tịnh và Tiểu Long mã. Ngô Không cũng chiến bại trước vòng xe lửa của Hồng Hải Nhi. Vòng xe lửa ấy biểu tượng của lửa tham và lửa sân, thế lực mạnh nhất của ma giáo. Ngô Không thì không tham, có trí tuệ, nhưng còn cái động của sân nên đã bị vòng lửa của Hồng Hải Nhi đốt sém, mà không thể dập tắt được vòng xe lửa, dù đã vận dụng nhiều thứ thần thông. Ngô Không đã phải cầu viện Bồ Tát Quán Thế Âm thu phục Hồng Hải Nhi mới thoát nạn.

Ngang đây, Ngô Thừa Ân đã giới thiệu với người học Phật và hành giải thoát rằng: cần phải vận dụng thiền quán sâu xa về trí tuệ Vô ngã thì hành giả mới dập được tham, sân, si và quyến thuộc của chúng. Cái ngưng trệ của giải thoát tại đây là do hành giả hành Giới chưa thuần (ý nghĩa Bát Giới bị

trói), Định chưa vững (ý nghĩa Ngô Tịnh bị giam) và Tuệ chưa ổn (ý nghĩa Ngô Không suýt bị đốt). Từ đây hành giả cần tu tập phát triển mạnh thêm Giới, Định, và Tuệ.

- Ở hồi mượn quạt Ba tiêu để dập tắt hỏa diệm sơn trên đường Tây du, Ngô Không bị bà La-sát phát một quạt bị đẩy đi xa mười vạn dặm. Sau nhờ Bồ Tát Văn Thù cho uống “định phong đơn” mới vô hiệu hóa tác dụng của quạt Ba tiêu, mới vận dụng được kế sách chế ngự bà La-sát.

Quạt Ba tiêu là tượng trưng bát phong ở đời (khen, chê, mừng, giận, danh vọng, lợi dưỡng, được mất). Tám thứ ấy thường làm giao động tâm thức người tu, nếu thiếu giác tỉnh và thiếu định lực. Vì vậy khi uống vào “định phong đơn” nghĩa là khi tâm định đã vững, thì hành giả thoát được nạn quạt Ba tiêu, hàng phục được nhiều thứ vọng tâm.

Qua được nạn này là phái đoàn Tây du đi được nửa đoạn đường giải thoát về Tây Trúc, tự tại được trước các thị phi, bỉ, thử, danh vọng và lợi dưỡng ở đời. Thành quả giải thoát này thật là đáng kể!

- Cũng ở hồi này (60 và 61), sách lược chiến đấu của Tôn Hành Giả là đánh thẳng vào đầu não của ma quân, chui ngay vào bụng La-sát mà quậy phá. La-sát chỉ còn một cách chọn lựa: đầu hàng. Đây là ý nghĩa thiện xảo của các pháp tu của đạo Phật, luôn luôn loại trừ vọng niệm từ gốc rễ, từ đầu nguồn.

- Đối với nhân vật Ngưu Ma Vương, Tôn Hành Giả đã hóa ra Ngưu Ma Vương giả để gạt La-sát lấy quạt Ba tiêu, nhưng chính Ngưu Ma Vương đã tương kế tựu kế biến hóa ra Ngô Năng giả để lấy lại quạt Ba tiêu từ tay Hành Giả. Hành Giả đã phải buông lời than: “mình là người bắt rận thiện xảo lại xui xẻo để bị rận cắn”.

Đây là biểu tượng của pháp tu hành “Tùy quán” của thiền định. Hành pháp này hành giả cần cẩn trọng giữ chánh niệm, hễ thất niệm thì rơi vào vọng tâm và bị trói buộc vào vọng tâm. Cần phải luôn luôn biết rõ tâm mình đang ở đâu và nó là gì (quyển thuộc của tham, sân, si hay vô tham, vô sân, vô si).

6. Biểu tượng của hồi thứ 54, 64 và 72

Một nhà quân sự, khi đánh một đồn, bót địch thì thường phải có kế sách: công đồn, chặn viện. Sau khi chặn viện xong thì công hãm đồn, nếu không thì sẽ lưỡng đầu thọ địch. Cũng vậy, hành giả trên đường giải thoát cần phải

đẹp giặc trong và đánh giặc ngoài. Khi hàng phục được giặc “Lục tặc” và “Bát phong” ở ngoài thì hành giả tập trung vào trong để diệt giặc nội. Đây là công việc chế phục, loại trừ dục ái, hữu ái và vô hữu ái. Về dục ái, thì có thể dùng định tâm để nhiếp, nhưng còn hữu ái và vô hữu ái, thì phải dùng trí tuệ để trừ. Chúng ta hãy tiếp tục theo dõi cuộc hành trình Tây du.

- Hồi thứ 54 diễn ra cảnh nữ vương nước Tây Lương thiết tha yêu Đường Tăng. Đường Tăng đã hoàn toàn tự chủ trước mối tình đẹp và lạ này. Đây là biểu tượng Đường Tăng chế phục được Dục ái.

- Hồi thứ 64 xảy ra cuộc tình thơ mộng giữa thơ, nhạc và tiên tử của Hạnh Tiên. Mối tình nhẹ nhàng như mối tình ở Thiên giới, nhưng hiểm họa cũng khốc liệt. Tại đây Đường Tăng vẫn tỉnh táo, nhưng xem dra thế tự vệ đã có chiều nguy hiểm, sinh tử thày gần kề. May nhờ Tôn Hành Giả cứu giá. Đây là ý nghĩa biểu tượng: chỉ có trí tuệ Vô ngã ở trong thiền định mới cắt đứt được hữu ái. Am mộc tiên (ở hồi 64 này) quả là nơi đáng nhớ của Đường Tăng!

- Hồi thứ 72 xảy ra ở động Bà Ty. Tại đây Đường Tăng một mình tự dẫn thân vào sào huyệt của bảy tiên cô nhen nhện tuyệt đẹp, những tiên nương thường tắm gội ở suối trời Trạc Cầu (suối rửa sạch các cấu bẩn của dục ái). Các tiên nương này không nghĩ gì đến chuyện mây mưa mà chỉ muốn ăn thịt Đường Tăng.

Bảy yêu nhen nhện là biểu tượng cái tinh tế của ái, đó là vô hữu ái. Vì thế, chúng chiến thắng được Ngộ Năng, nhưng bị tiêu diệt bởi Hành Giả.

Bảy yêu nhen nhện cũng là biểu tượng của thất tình (hỷ, nộ, ai, lạc, ái, ố, dục). Với thất tình, công phu của Giới không thể chiết phục (nên Bát Giới bị trói) mà chỉ có trí tuệ loại trừ.

Bảy yêu nhen nhện lại dựa vào sức mạnh của người sư huynh Bách Nhõn ma quân mà tác quái. Bách Nhõn ma quân có tà pháp phun ra sức nóng và khói mù che kín cả trời đất khiến Ngộ Không thúc thủ. Ngộ Không phải cầu cứu Bồ Tát Tỳ Lam dục độc Kim luyện từ ánh sáng mặt trời để chế trị Bách Nhõn ma quân.

Bách Nhõn ma quân vì thế là ý nghĩa biểu tượng của vô minh (si mê, phóng ra khói mù chấp ngã và lừa dục, chỉ chịu khuất phục trước trí tuệ thuần phục của Tỳ Lam Bồ Tát (biểu tượng bằng cây kim luyện từ mặt trời).

Đây là hiểm nạn khó qua của Tôn Hành Giả.

7. Biểu tượng của hồi thứ 58

“Hai lòng xáo trộn cả Càn khôn

Một thể khó tu thành tịch diệt”

Cái cảnh hai Tôn Hành Giả xuất hiện trong ngôn ngữ và hành động giống hệt nhau gây xáo trộn cả trời đất, thiên đình và Bồ Tát đều không phân biệt được, chỉ có Như Lai mới vạch rõ chân tướng của Tôn Hành Giả giả.

Đây là một cảnh diễn đạt về một cảnh tâm rất tế nhị.

Ngô Thừa Ân tại đây đang giới thiệu rằng chân tướng của các pháp chỉ có thể đạt được bằng thật trí, Phật trí và sự thật luôn luôn ở ngoài các ngã tướng, như Kinh Kim Cang dạy: “Phàm cái gì là ngã tướng thì hư vọng” (Phàm sở hữu tướng gia thị hư vọng). Hệt như trường hợp trước hai chú tiêu cuốn sáo, một thiên sư kêu lên: “Một được, một mất”.

Hồi thứ 58 này cũng nói lên rằng giá trị chân thật của con người cũng ở ngoài các tướng trạng, rời khỏi tướng “nhị thủ” (chấp có năng và sở). Chấp vào trí tuệ Vô ngã cũng là chấp thủ, sẽ ngăn ngại giải thoát, như phái đoàn Tây du khó xử trước hai Tôn Hành Giả vậy.

8. Kế sách đối trị ác ma.

Dọc cuộc hành trình Tây du, Tôn Hành Giả phải đương đầu với nhiều loại ác ma, đương đầu với nhiều loại vũ khí tàn độc, Tôn Hành Giả vận dụng đủ 72 phép thần thông dựa vào bốn kế sách chính:

- Kế sách khắc chế: Dùng khắc chế để đối trị như dùng nước để dập tắt lửa, dùng gà để diệt rắn.
- Vào tận hang cộp để bắt cộp con: Tôn Hành Giả thường chui ngay vào bụng ác ma để quấy phá.
- Tận diệt ác ma để trừ hậu hoạn.
- Khi sử dụng thần thông thất bại thì cầu viện Như Lai, Bồ Tát.

(đây là ý nghĩa vận dụng trí tuệ Bát Nhã thâm sâu).

Bốn kể sách trên cũng là bốn phương pháp mà người tu sử dụng để loại trừ các vọng niệm.

9. Về đạo đức Phật giáo.

- Suốt tập truyện Tây Du Ký, bên cạnh các giáo lý Phật giáo vừa được đề cập ở trên, Ngô Thừa Ân thường nói đến nhân quả, nghiệp báo và khuyến khích hành thiện như trong cảnh vu Đường du địa phủ, trong hồi 71, vua Chu Tử bị nạn, trong hồi 87 nói về chuyện công chúa bị yêu ma đánh tráo.v.v...

- Tác giả, dưới hình thức nhận diện bốn sinh, thường vạch rõ chân tướng của các yêu, ma, quỷ, quái đều là gốc thú vật cả, là những gì gồm tởm cần được tránh xa.

10. Thêm vài điểm phiếm luận

- Có ý kiến đánh giá rất thấp tiểu thuyết Tây Du Ký chỉ vì tác giả Ngô Thừa Ân xây dựng các nhân vật hoàn toàn là huyền hoặc hư cấu.

Người viết bài phiếm luận này thì đánh giá ngược lại. Không phải vì tính huyền hoặc và hư cấu mà đánh giá thấp cuốn truyện, bởi vì chính huyền hoặc và hư cấu là chất liệu của sáng tác văn học, tiểu thuyết. Điều quan trọng là tìm xem cuốn tiểu thuyết có nói lên được những giá trị sống nào không? Câu chuyện lịch sử Việt Nam về Lạc Long Quân và Âu Cơ.v.v... không phải đầy hư cấu, thần thoại đó sao? Các tập Việt Điện U Linh Tập và Lĩnh Nam Chích Quái của văn học Việt Nam cũng cùng tính chất hư cấu và thần thoại ấy, ai dám bảo rằng không có giá trị?

- Có ý kiến cho rằng Tây Du Ký là chuyện hoang tưởng, cấu trúc rối rắm, khó nhận ra những gì tác giả muốn nói.

Như chúng ta điều biết, mỗi loại ngôn ngữ chuyên chở một ý nghĩa riêng và một cách diễn đạt riêng. Ngôn ngữ khoa học thì khác ngôn ngữ ngoại giao, khác với ngôn ngữ thi ca, và hiển nhiên là khác với ngôn ngữ tiểu thuyết. Ngôn ngữ tiểu thuyết hiện thực; ngôn ngữ tiểu thuyết Quỳnh Giao thì khác với ngôn ngữ tiểu thuyết kiếm hiệp của Kim Dung, và khác với ngôn ngữ biểu tượng của Tây Du Ký.

Chính dựa vào ngôn ngữ và hình ảnh biểu tượng mang ý nghĩa, Ngô Thừa Ân mới cùng lúc nói lên được nhiều ý nghĩa tôn giáo, xã hội và con người.

Đây là thứ ngôn ngữ phong phú ý tưởng làm cho cuốn tiểu thuyết trở nên hấp dẫn hơn. Cũng chính từ thứ ngôn ngữ này mà dư luận đã dấy lên nhiều cuộc trao đổi, tranh cãi sôi nổi về Tây Du Ký trong mấy tháng qua, và có thể kéo dài trong nhiều tháng đến. Mỗi người có một cái nhìn riêng về Tây Du Ký, và biến hóa bộ truyện Tây Du Ký của Ngô Thừa Ân thành Tây Du Ký của mình, như là Tôn Ngộ Không phù phép thổi lông biến hóa ra vô số Tôn Ngộ Không vậy. Nói theo thuật ngữ của Phật giáo, hiện nay có đến tám vạn bốn nghìn ý kiến khác nhau về Tây Du Ký.

---o0o---

IV. KẾT LUẬN

Phần bàn trên đây chỉ là vài nét chấm phá, điểm xuyết. Chúng ta có thể tìm thấy ở tiểu thuyết Tây Du Ký của Ngô Thừa Ân có nhiều phản ảnh tư tưởng Phật học có giá trị, nếu hiểu năm nhân vật của phái đoàn Tây du là biểu hiện của chính một con người trên đường về giải thoát sinh tử. Con người đó có thể là Đường Tăng, có thể là Tôn Ngộ Không, mà cũng có thể là bất cứ một người nào trong quá khứ, trong hiện tại hay trong tương lai. Tất cả các ma nạn đều là cảnh giới của tâm thức, xảy ra trong tâm thức của hành giả, do tác động từ nội tâm hoặc từ ngoại giới.

Tôn Ngộ Không sau khi học xong đạo vô sinh, từ giả Tôn giả Tu Bồ Đề trở về động Thủy Liêm là đắc đạo giải thoát ít nhất là quả thứ nhất của dòng Thánh (quả Tu Đà Hoàn). Quả vị giải thoát này mới đoạn trừ thân kiến, nghi và giới cấm thủ, còn phải tiếp tục tu hành để đoạn trừ bảy kiết sử còn lại: dục, sân, hữu ái, vô hữu ái, mạn, trạo cử và vô minh, như đã được biểu hiện qua các ma nạn trên đường phò Đường Tăng đến Lôi Âm tự. Với tâm thức này, Ngộ Không đã vượt qua chuyện tái sinh về địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh, và không rơi vào dục ái của cõi Người và cõi Trời (trời dục giới). Vì thế tác giả Ngô Thừa Ân diễn đạt quả chứng ấy bằng các cuộc tung hoành hiên ngang của Tề Thiên Đại Thánh ở Địa phủ, Long cung và Thiên đình. Ý nghĩa đại nào là thế chứ không phải là ý nghĩa đập phá mà người đời thường hiểu. Theo phò Đường Tăng là ý nghĩa Ngộ Không tiếp tục tu tập giải thoát để chứng đắc ba quả thánh còn lại và hành Bồ Tát hạnh theo giáo lý Bắc truyền.

Các hồi còn lại của bộ truyện mà người viết bài phiếm luận này chưa bàn đến cần được ghi nhận là chưa bàn đến. Những hồi ấy có thể lập lại những hồi cũ bằng các sự kiện mới, theo tinh thần huấn luyện tâm lý của Phật giáo:

mỗi quả vị chúng đấng cần được tu tập nhiều lần cho thuần thục trước khi đi đến một chứng đắc mới.

Lại nữa, dù bất cứ nội dung giải thoát nào mà Ngô Thừa Ân bàn đến đều được bao gồm vào con đường tu tập Giới, Định, Tuệ và bi nguyện độ sinh của hàng Bồ Tát, tất cả không thể đi ra khỏi con đường truyền thống giải thoát ấy, như Tề Thiên Đại Thánh không thể nhảy ra khỏi bàn tay của Đức Phật.

Để kết thúc phần phiếm luận này, người viết xin ghi lại cảm nhận của mình khi đọc truyện Tây du và khi xem phim Tây du rằng: Cả hai thời ấy tôi đều bị chụp phủ lên tâm thức nét buồn bã của Mỹ hầu vương trước cuộc sống vô thường, tôi đều bị ám ảnh bởi các ma nạn mạnh đến độ tôi cứ ngỡ rằng có cái gì thật hư ảo chung quanh các dung sắc và chung quanh cuộc sống của mình, và có một ảnh hưởng nào đó thu hút tôi về phía ngay chính, nhân ái, hiện thực và trí tuệ. Tôi tự nghĩ: cuộc sống sẽ bắt đầu hạnh phúc nơi nào cụm “Ngũ Hành sơn” tung vỡ.

---o0o---

CHƯƠNG HAI

Tư tưởng Phật học và các quan niệm về nhân sinh và xã hội của Ngô Thừa Ân biểu hiện qua Tây Du Ký

(bàn từng hồi truyện)

Hồi thứ 1

Hồi 1: “Gốc thiêng nảy nở, nguồn rộng mở

Tâm tánh tu trì, đạo sinh lớn”

I. Tư tưởng Phật học

- Theo Phật giáo (cả Nam và Bắc truyền), thế giới hệ này gồm có bốn châu thiên hạ: Nam Thiên Bộ Châu, Bắc Câu Lô Châu, Đông Thắng Thần Châu và Tây Ngưu Hóa Châu. Bốn châu ấy nằm chung quanh núi Tu-di (Sumeru) rất lớn, sừng sững giữa đại dương. Tác giả Tây Du Ký đã mở đầu truyện giới thiệu nơi sinh của Mỹ Hầu Vương tại núi Hoa Quả tựa như là vị trí núi Tu-di kia, và xem là nơi “ mạch Tổ của mười châu”. Từ ngữ Hoa Quả là từ biểu tượng quy luật vận hành nhân quả của hiện tượng giới, thế giới sinh diệt của

nhị nguyên tính (Dualism), của sự phân biệt rõ ràng giữa đục và trong, chủ thể và đối tượng. Đây là quy luật vận hành mà giáo lý Phật giáo giới thiệu. Nó thuộc giáo lý trí tuệ, giúp con người phát triển trí tuệ.

Mỹ Hầu Vương sinh ra từ trứng đá như đã được đề cập ấy, bởi vì theo quy luật này thì nhân quả phải cùng loại (đá thì phải sinh ra đá, khí thì sinh ra khí). Nói khác đi, Mỹ Hầu Vương là biểu tượng của trí tuệ (chánh kiến và chánh tư duy) hay Thánh tuệ uẩn trong giáo lý Phật giáo, mà tiêu biểu là đôi mắt rực sáng làm kinh động đến Thiên đình của Mỹ Hầu Vương. Đây là đôi mắt thấy rõ sự thật Vô ngã, Vô thường, Khổ và Không của hiện tượng giới. Sự thật đó làm kinh động, đảo lộn cái thấy thường hằng, hữu ngã của chúng sinh ở trên Trời và dưới Thế.

- Trí tuệ Vô ngã đó sẵn có trong tâm của mỗi người, theo Ngô Thừa Ân, như một giang sơn đã soạn sẵn trong động Thủy Liêm dành cho Mỹ Hầu Vương. Sự thật Vô ngã, Vô thường, Khổ và Không cũng thế, là sự thật của sinh diệt, nằm ngay hiện tượng giới như động Thủy Liêm như là đang giới thiệu bốn pháp ấn của giáo lý Phật giáo.

- Tại sao con người không thấy được sự thật về bốn pháp ấn ấy nơi thế giới chung quanh mình? Tại sao loài khỉ kia không khám phá ra động Thủy Liêm vẫn thường hiện diện tại đó, trước mắt chúng? - Hỏi tức là trả lời vậy. Chính thác nước đổ mạnh đã che khuất khỏi cái nhìn hời hợt của đàn khỉ, hệt như lòng tham ái, chấp thủ ngã đã che khuất tâm con người khỏi sự thật Vô ngã, Vô thường, Khổ và Không. Ở giáo lý Phật giáo, dòng thác đổ mạnh gọi là dòng bộc lưu, biểu tượng cho dòng nước Ái, dòng thủ, dòng sinh tử. Tại đây, Ngô Thừa Ân đang thật sự kiến trúc động Thủy Liêm theo giáo lý nhà Phật.

Chỉ có Mỹ Hầu Vương sinh ra từ đá, từ tú khí của trời đất, mà không sinh từ đục vọng (hay từ nghiệp), mới có trí tuệ Vô ngã phát hiện ra sự thật vô thường, khổ đau. Mỹ Hầu Vương đã dằn dụa nước mắt, sàu nào thấy lửa vô thường đang bốc cháy chung quanh cuộc sống, lo lắng tìm lối thoát ra khỏi khổ đau. Tất cả đàn khỉ còn lại thì vẫn nhởn nhơ với niềm hạnh phúc nhỏ trước mắt. Thấy rõ sự thật Vô thường là dấu hiệu của đạo tâm phát khởi, và là dấu hiệu của sự thấy rõ con đường ra khỏi sự trói buộc của vô thường, như một chú khỉ đã phát biểu muộn màng rằng: “Đại vương lo xa như thế là đạo tâm ngài đã phát khởi rồi đấy” và đã giới thiệu với Mỹ Hầu Vương hiện nay tại cõi đời này, ở nơi động cổ, núi Tiên có ba đấng Phật, Tiên, Thần Thánh là thoát khỏi sinh diệt, luân hồi (thật ra là Phật, Bồ Tát, Duyên Giác và A-la-hán); từ đó Mỹ Hầu Vương ra đi, tìm đến đại Tôn giả Tu Bồ Đề,

một đại đệ tử của Đức Phật, để học đạo giải thoát của Tam thừa giáo (Bồ Tát-thừa, Duyên Giác thừa, Thanh Văn thừa) và Nhất thừa giáo (Phật thừa). Đây là điểm giáo lý rất đại thừa (Phật giáo phát triển).

- Có một nếp sống thanh đạm, rời khỏi phiền não hằng ngày, và hiếu hạnh của một bác tiều phu ở trước cổng vào trú xứ của Tôn giả Tu Bồ Đề mà Mỹ Hầu Vương ca ngợi, vui mừng khi thấy, như là dấu hiệu của quê hương giải thoát có mặt gần kề. Chính bác tiều phu chỉ được cho Mỹ Hầu Vương đến yết kiến bậc đạo sư. Tại đây Ngô Thừa Ân gián tiếp giới thiệu hiệu đạo cũng là một phần thể hiện của đạo giải thoát, tương ứng với Phật giáo.

- Sự thật mà Mỹ Hầu Vương sẽ học từ Tôn giả Tu Bồ Đề và sẽ chứng ngộ là sự thật Vô ngã tướng của các pháp (còn được gọi là Vô ngã tính hay Vô tự tính hoặc Không tính). Sự thật ấy được hé mở từ mẫu đối thoại đầu tiên giữa Tôn giả Tu Bồ Đề và Mỹ Hầu Vương mang đầy hương vị của một cảnh khai tâm của một thiền sư:

“Tôn giả Tu Bồ Đề hỏi:

- Tính danh ngươi là gì?”

- Con không có tính gì cả... Nhất sinh không có tính.

- Không phải là tính tình. Tính danh bố mẹ nhà người kia?

(Đây là hỏi về bản lai diện mục)...

Thế rồi, Tôn giả Tu Bồ Đề cho pháp danh là Tôn Ngộ Không (đã đề cập ở phần tổng luận).

Đạo giải thoát khỏi cội nguồn của mọi khổ đau mở nguồn từ Ngộ Không này, và đạo ấy có mặt trong tâm của mỗi người, như Tôn giả Tu Bồ Đề thường có mặt ở “Tà nguyệt tam tinh” động (Tà nguyệt tam tinh là chữ tâm gồm có một nét như vành trăng và ba chấm). Tác giả Tây Du Ký đã giới thiệu đúng con đường tu tập của Phật giáo là con đường trở về chính mình để tu tập tâm, huấn luyện tâm và giải thoát tâm. Con đường này rất là nhân bản và rất là hiện thực.

II. Quan niệm của Ngô Thừa Ân về con người

- Nếu về mặt Phật học, phái đoàn Tây du biểu thị các phần tổ tâm lý của một tâm thức đi về giải thoát khỏi sinh tử, thì về mặt tương đối của đời sống xã hội phái đoàn Tây du là biểu hiện sự cấu trúc của nhân tính (personality) thể hiện sự hòa điệu giữa tim và óc, giữa tiềm thức, siêu thức và ý thức, giữa cá nhân và xã hội.

Tại đây, Mỹ Hầu Vương là biểu tượng của khối óc (hay lý trí). Lý này vốn có mặt trong tâm mỗi người và có khả năng có thể mở rộng ra vô hạn như ý nghĩa Mỹ Hầu Vương tìm đường đi ra khỏi thế giới hữu hạn của sinh tử. Khả năng vô hạn ấy đã được nền giáo dục hiện đại chứng tỏ.

- Khối óc, hay nguồn hiểu biết của con người, như đạo Nho quan niệm (nói đúng là quan niệm của Khổng Tử) có ba dạng hiểu biết gọi là “sinh nhi tri học nhi tri và khôn nhi tri” biểu hiện ra khác nhau ở mỗi con người. Ở Mỹ Hầu Vương sinh ra là đã tự biết (sinh nhi tri); rồi tìm thầy học đạo (học nhi tri); sau đó là lên đường hành đạo, chiến thắng ác ma (khôn nhi tri)

- Tiếng nói của lý trí là tiếng nói của sự ngay chính, tình đồng loại, của óc tổ chức, của sự dự phòng tốt đẹp cho tương lai, của sự công bằng, và của sự phân biệt minh bạch phải, trái, tốt, xấu, như sự hiểu biết của chính cá nhân Mỹ Hầu Vương. Lý trí giữ vai trò hướng dẫn mọi hành động của con người, như đôi mắt, hết như Tôn Hành Giả hướng dẫn phái đoàn Tây du. Chúng ta sẽ tiếp tục khảo sát vai trò của lý trí trong các hồi kế tiếp, theo quan niệm của tác giả Ngô Thừa Ân.

---o0o---

III. Quan của tác giả về xã hội.

- Một xã hội tốt đẹp, an lạc, hạnh phúc, theo tác giả phải là một xã hội thái bình (không chiến tranh), độc lập với các sức mạnh thống trị như xã hội khi ở động Thủy Liêm.

- Xã hội ấy cần được tổ chức tốt về an ninh kinh tế, như xã hội ở núi Hoa Quả ở trong vị thế an toàn và phong phú thực phẩm.

- Xã hội ấy phải được lãnh đạo bởi người có đủ tài, đức do dân chọn lựa như Mỹ Hầu Vương, mà không phải do tuổi tác hay dòng dõi. Quan niệm này của Ngô Thừa Ân được viết ra từ thế kỷ thứ XVI của xã hội phong kiến

Trung Hoa quả là một quan niệm đầy dân chủ và tiến bộ. Đây là mô hình xã hội mà nhân dân làm chủ, bảo vệ được quyền sống của nhân dân.

---o0o---

Hồi thứ 2

Hồi 2: “Thấu lẽ bờ đề, vào chính quả

Dứt căn ma quý, rõ nguyên nhân”

I. Về tư tưởng Phật học.

- Hồi thứ hai là Hồi học đạo và hành đạo của Tôn Ngộ Không. Tôn Ngộ Không đã học, bàn luận, và hành “Tam thừa giáo” và “Nhất thừa giáo” suốt bảy năm liền, như Ngộ Thừa Ân giới thiệu:

“...Diễn đủ Tam thừa giáo

Lúc diễn thiên môn, khi giảng đạo

Ba nhà hợp lại nghĩa thêm càng”

Trong thời gian này Tôn Ngộ Không làm công tác của một người xuất gia, chấp tác và thực hành văn tuệ, tư tuệ và tu tuệ để nuôi dưỡng trí tuệ giác ngộ Không tánh (Vô ngã tánh) của các pháp. Ngộ Thừa Ân đã vẽ nên thời gian tu tập này rành rẽ hết như một nhà Phật học chính gốc. Động cơ và nguyện vọng xuất gia của Tôn Ngộ Không là để giải thoát hết thủy phiền não, khổ đau của sinh tử rất tương ứng với giáo lý của Phật giáo. Ngộ Thừa Ân đã dẫn dắt Tôn Ngộ Không đi đúng tiến trình Giới, Định, Tuệ giải thoát khiến cho người đọc Tây Du Ký không còn nghi ngờ giá trị của bộ tiểu thuyết này mà trọng tâm là giới thiệu con đường (hay lộ trình tu tập giải thoát của đạo Phật). Chúng ta hãy tiếp tục theo dõi.

- Sau bảy năm hành đạo, khi Tôn Ngộ Không hiểu rõ đường đi chỗ đến, Tôn giả Tu Bồ Đề dạy tiếp tục công phu thiền chỉ và thiền quán để chế ngự thân và ý, để điều hòa thân và điều hòa tâm. Tôn Ngộ Không thực hành công phu này trong ba năm thì sáng tỏ tâm và tuệ. Một hôm Tôn giả hỏi Tôn Ngộ Không:

- Người tu đã đắc quả gì rồi?

- Đệ tử gần pháp tánh, đã rõ căn nguyên, còn phải đề phòng ba tai họa nữa (nghĩa là cần tiếp tục công phu chỉ, quán để vượt qua ba tai họa ấy), điều mà kinh nghiệm giải thoát của Tôn Ngô Không chưa đặt chân đến được. Do vì thành quả tu tập của Tôn Ngô Không ngang đây là sắp cướp được quyền sinh diệt của tạo hóa sẽ giáng xuống ba tai họa. Đó là họa “sét đánh” có thể làm ngưng trệ sinh mệnh giải thoát; họa “âm hỏa” (không phải là lửa trời, cũng không phải là lửa của người) vì họa “bi phong” (không phải là gió trời) rất mạnh cũng gây ảnh hưởng khốc hại đến sự nghiệp giải thoát.

Ngôn ngữ của Ngô Thừa Ân tại đây rất là tiêu thuyết và rất là biểu tượng, nhưng đồng thời cũng diễn đạt các bước đi tu tập giải thoát rất là thiện xảo.

Trong Phật giáo, ba tai nạn đó là gì? Trở về với giáo lý truyền thống Phật giáo, khi hành giả thông rõ pháp tánh là khi đắc pháp nhãn thanh tịnh, bước vào dòng Thánh; bấy giờ còn lại tập khí sinh tử phải trừ, bao gồm bảy kiết sử: dục, sân, hữu ái, vô hữu ái, mạn, trạo cử và vô minh. Nạn sét đánh là biểu tượng của vô minh (hay si). Vô minh ở đây là nội dung của sự việc tâm thức bị rơi vào chấp trước quả đắc (gọi là mạn), lúng túng không thấy lối ra (gọi là trạo cử) mà tự mình không biết (gọi là vô minh). Sự chấp trước này thì rất tế nhị nhưng rất quyết định trong việc làm tắc nghẽn trí tuệ giải thoát sau cùng, tựa như sấm sét nhanh chóng kết liễu sinh mệnh con người. Để vượt qua, hành giả cần hành định sâu và thiền định sâu và thiền quán mạnh về Vô ngã để cũng nhanh chóng như tiếng sét cắt đứt ngay sinh mệnh của chấp trước vô minh.

Nạn “âm hỏa” là biểu tượng cho lửa sân, kiết sử, hữu ái và hữu ái); lửa này cũng có khả năng thiêu cháy trí tuệ toàn giác làm héo úa thân huệ mạng.

Nạn “bi phong” là biểu tượng của tâm lay động chao đảo của hành giả do còn chấp pháp, do còn non định lực giải thoát trước bi nguyện độ sinh vô lượng. Định và tuệ Vô ngã còn hạn lượng của hành giả sẽ không thể đứng vững được trước bi nguyện độ sinh vô hạn lượng. Bi nguyện vô hạn lượng làm choáng ngợp hành giả, khiến hành giả không thể hiện được Bồ Tát hạnh để chứng đắc trí tuệ toàn giác. Chính ba tai nạn này sẽ tái hiện nhiều lần dưới nhiều thể trạng khác nhau đối với hành giả mà các hồi sau chúng ta sẽ có dịp tiếp tục bàn sau.

- Để giúp đệ tử Tôn Ngô Không có điều kiện thoát khỏi ba tai nạn trên, Tôn giả Tu Bồ Đề đã chỉ dạy sâu thêm công phu tu tập để phát triển mạnh thiền quán Vô ngã, củng cố thêm nhiều cho trí tuệ giải thoát, bằng pháp môn “địa

sát” gọi là 72 pháp biến hóa thần thông (thất thập nhị huyền công) và “cân đầu vân” hầu có đủ mọi cách làm bật lên gốc rễ của vô minh và quỵn thuộc vô minh.

Chuẩn bị hành trang giải thoát cho Tôn Ngộ Không kỹ càng như thế quả Ngộ Thừa Ân đã nắm vững lộ trình tâm thức giải thoát của Phật giáo, ít nhất là về mặt giáo lý.

Tại đây, Tôn Ngộ Không hẳn đã có trí tuệ, đệ nhất ly thủ, đệ nhất giải Không, trở về Hoa Quả sơn, Tôn Ngộ Không đã dễ dàng dẹp Hồn Thế Ma Vương, loạn của các ngã tướng, để bình định lại giang sơn trí tuệ của mình tại Thủy Liêm động.

---o0o---

II. Quan niệm về con Người

- Ở mặt giải thoát thì Tôn Ngộ Không là biểu tượng của trí tuệ cần được tu tập để phát triển giải thoát và để chế ngự các cảm thọ khổ đau. Xây dựng một nhân cách giải thoát là xây dựng Giới, Định, Tuệ và lòng đại bi cho nhân cách xã hội gồm tri, hành và lòng nhân ái thế nào để thành công, lợi lạc cho mình và người.

Tại hồi hai, vai trò lý trí, được biểu trưng bằng nhân vật Tôn Ngộ Không, là vai trò chỉ đạo mọi hành động của con người cũng cần được huấn luyện, giáo dục. Thường thì mẫu người giáo dục của Trung Hoa được đào tạo theo khuôn mẫu đạo Khổng Nho và được thêm vào một ít Lão, Trang. Ngộ Thừa Ân đã rất sáng tạo và rất can đảm giới thiệu một khuôn mẫu giáo dục theo giáo lý nhà Phật. Có lẽ sự chọn lựa này đã đến với Ngộ Thừa Ân sau khi Ngộ Thừa Ân chứng kiến sự đổ vỡ của xã hội phong kiến Trung Hoa với đầy rẫy những bất công áp bức, chủ nghĩa hình thức, kém nhân bản v.v... và vai trò của Nho giáo không đáp ứng nổi nhiều yêu cầu mới của con người và lịch sử - Như về sau Kim Dung, trong tiểu thuyết kiếm hiệp Tiểu Ngạo Giang Hồ, đã xây dựng mẫu người Lệnh Hồ đại hiệp thay thế quân tử kiếm Nhạc Bất Quân - Tây Du ký ra đời như là tiếng nói rất trí tuệ, hiện thực và nhân bản vọng về từ Tây Trúc. Không phải là chú ý đến sự nghiệp Tây du thỉnh kinh của Đường Tăng, mà là chú ý đến nhân cách được xây dựng từ giáo lý này: một nhân cách sống vì hạnh phúc an lạc của số đông, sống hiền thiện vì công bằng, bình đẳng, tôn trọng sự thật, trách nhiệm cá nhân và đặc biệt là sống tùy duyên rất là trí tuệ.

- Nhân cách ấy cần được huấn luyện, giáo dục rất thực, mà không phải của từ chương và hình thức - rất vững chắc cả ba mặt hành động của thân, lời và ý, như là Tôn Ngộ Không đã được huấn luyện văn, tự, tu trong bảy năm và khả năng làm chủ chủ tư duy và tâm lý (thiền định) trong ba năm trước khi vào đời để tiếp tục thực hành và học hỏi thực tế của trường hợp.

- Triết lý chỉ đạo cho nhân cách ấy là giáo lý Vô ngã, Vô thường, Khổ, Không của Phật giáo (mà nói tắt là giáo lý Vô ngã). Do thấm nhuần sự thật Vô ngã, người học viên dần dần làm bật lên được gốc rễ chấp ngã, tham lam, sân hận, lừa dối và các sâu bi, khổ, ưu, não; và tại đây, một nhân cách mẫu mực xuất hiện để xây dựng an lạc, hạnh phúc cho bản thân, gia đình và xã hội.

Triết lý hành động của nhân cách ấy là trí tuệ Vô ngã (chánh kiến và chánh tư duy) phân biệt chánh, tà, hư, thực, tốt, xấu; là lòng vị tha và sức mạnh vô úy. Tất cả ấy là con người, vì con người, cho con người hiện thực, và do con người trách nhiệm. Đây là mẫu nhân cách trí tuệ, nhân bản và sinh động.

Khi mà cá nhân có tự do tâm lý, làm chủ được tâm lý thì cá nhân sáng suốt hơn và có nhiều sáng tạo hơn. Chính yếu tố tâm lý sáng tạo này sẽ đóng góp lớn cho xã hội.

Chúng ta sẽ tiếp tục bàn đến nhân cách này trong các hồi kế tiếp.

Ngô Thừa Ân quan niệm nhân cách giáo dục ấy tốt hơn nhân cách xây dựng từ đạo Nho nhiều, nhưng đồng thời cũng thấy khó khăn trong việc thực hiện trong xã hội phong kiến Trung Hoa, bởi giáo lý Phật giáo nói lên tính bình đẳng, dân chủ, tự chủ, độc lập sẽ lay đổ ngai vàng và quyền lợi của ngai vàng. Để bảo vệ quyền lợi của phong kiến, triều đại vua chúa (Trời) sẽ gieo rắc ngay tai họa chết người mà được gọi là nạn “sét đánh”, nạn “âm hỏa” và nạn “bi phong”. Vì thế Ngô Thừa Ân đã chuẩn bị khá kỹ lưỡng cho Tôn Ngộ Không với một căn bản định, tuệ và “thất thập nhị huyền công” để vận dụng đối phó với các kháng lực đến từ chính quyền phong kiến và từ phía các tà giáo trên đường thực hiện lý tưởng xây dựng một xã hội công bằng, dân chủ, bình đẳng và nhân bản, và xây dựng một nếp tư duy mới về giá trị nhân sinh và xã hội.

- Bước đầu tiên của việc thể hiện lý tưởng mà Tôn Ngộ Không đã được giáo dục là dẹp giặc loạn xâm lược của Hồn Thế Ma Vương và tiêu diệt toàn bộ thế lực xâm lược này. Hồn Thế Ma Vương là biểu tượng của dục vọng, ác

hại mà Tôn Ngộ Không cần loại bỏ trước khi bắt tay vào việc giáo dục kiến thiết giang sơn Thủy Liêm động.

---o0o---

III. Quan niệm về xã hội.

- Về mặt xã hội, từ đây toàn thể đoàn khi đều có họ Tôn của Tôn Ngộ Không và chịu sự lãnh đạo tổ chức của Ngộ Không. tất cả đều bình đẳng về quyền sống trong động Thủy Liêm, núi Hoa Quả tất cả đều đoàn kết thành một khối ở đằng sau Tôn Ngộ Không và cùng có trách nhiệm trong việc xây dựng và bảo vệ xã hội loài khi theo hướng phát triển hưng thịnh.

- Tôn Ngộ Không liền tổ chức chặt chẽ an ninh, quốc phòng để bảo vệ thành quả thanh bình của xứ sở. Thành quả xã hội ấy sẽ đến từ nền giáo dục tinh thần trách nhiệm cá nhân, tinh thần độc lập tự cường, tinh thần Vô ngã, vị tha, tinh thần dân chủ và nhân bản. Các tinh thần giáo dục ấy sẽ tạo nên tình đoàn kết keo sơn của xã hội, sẽ tạo nên những công dân tốt, loại trừ được các tệ trạng xã hội như dối trá, cướp bóc, tà hạnh, tham nhũng, áp bức, lừa dối, thủ lợi, sa đọa... Tại đây, xã hội loài khi, hiện ra như một xã hội thí điểm mà Ngộ Thừa Ân muốn giới thiệu, và mẫu thí điểm này là dành cho xã hội con Người, đặc biệt là xã hội Trung Hoa với nhiều thành kiến. Hẳn nhiên Ngộ Thừa Ân đã dự phòng trước các sức mạnh đề kháng từ bên trong và bên ngoài trong việc xây dựng xã hội mới hợp lý hợp tình hơn. Chúng ta hãy chờ xem trong các hồi tới Ngộ Thừa Ân sẽ làm gì tiếp cho xã hội mới này?

---o0o---

Hồi thứ 3

Hồi 3: “Bốn bề nghìn non đều sợ nép

Chín u, mười loại xóa tên rồi”

I. Tư tưởng Phật học

Sau khi dẹp xong giặc Hỗn Thế Ma Vương, Tôn Ngộ Không tiến hành việc tổ chức xã hội khi để giữ yên bờ cõi núi Hoa Quả. Bấy giờ có bốn trưởng lão khi hỏi về thần thông của Tôn Ngộ Không, Tôn Ngộ Không bảo:

“Ta từ sau khi đắc đạo, có công luyện tập bảy mươi hai phép địa sát và biến hóa, được phép thần thông cân đầu vân không gì sánh bằng; ẩn mình, tránh mình, cất mình lên, thu hình lại, lên trời cũng có đường, xuống đất cũng có lối, bước vào mặt trời mặt trăng không có bóng, đi vào vàng đá không vướng mắc, nước không thể làm chìm, lửa không thể đốt cháy, chỗ nào mà chẳng đi được”.

Như đã đề cập ở hồi hai, tại Tà Nguyệt Tam Tinh động, Tôn Ngộ Không đã đắc pháp nhãn thấy rõ sự vật Vô ngã, do vì sự thật của mọi hiện hữu là Vô ngã nên sự kiện một người có thể theo ý muốn hiện ra nhiều ngã tướng khác nhau. Tất cả hiện hữu đều Vô ngã nên đều nhiếp nhau, không ngăn ngại, nên lửa không thể đốt cháy, nước không thể cuốn trôi, gió không lay, đất không cản v.v...

“Lý” của sự thật là như vậy nên “sự” của sự thật cũng như vậy. Ở cảnh giới Tứ sắc định, hành giả có thể có thần thánh không du hành, biến hóa tự tại. Tâm thức có giải thoát Vô ngã cũng thế, tùy duyên mà thị hiện. Đây là sự thật như thật được ghi chép trong kinh điển Phật giáo.

Về nghĩa bóng, thì với một người ngộ Vô ngã mà không có thần thông biến hóa, tâm thức họ cũng được tự tại trước mọi sắc tướng như Tôn Ngộ Không tự tại ra vào các cảnh giới mà tâm lý không ai trước, không bị vướng mắc - sẽ thấy rõ hơn về sự thật này ở các hồi sau - Nhưng, để tâm thức an ổn có điều kiện đi sâu hơn vào giải thoát, người ngộ Vô ngã cũng cần tránh các sự quấy rối từ bên ngoài, như giang sơn Thủy Liêm động cần được giữ gìn an ninh. Đây cũng là một sự thật của hành giả đang còn có nhiều việc phải làm trên đường tới giải thoát tối hậu.

- Về sự kiện trong giấc mơ Tôn Ngộ Không xuống âm phủ đại náo và xóa tên sinh tử của bản thân và của loài khỉ, âm ti phải cử sứ thần lên tâu với Ngọc Hoàng xử trị mà Ngọc Hoàng lại hòa giải với Tôn Ngộ Không, là sự kiện hoàn toàn biểu tượng.

Thực sự, mức độ tâm linh giải thoát của Tôn Ngộ Không bấy giờ tự nó đã xóa sạch nhân sinh tử đi vào các cảnh giới súc sinh, địa ngục và ngạ quỷ, theo giáo lý nhà Phật. Giải thoát của Tôn Ngộ Không bấy giờ có phước báo còn lớn hơn cả vua Trời, dù vua Trời có muốn hại cũng không được. Sự kiện giải thoát ấy là một thành quả lớn đáng kể của công phu tu tập làm kinh động các cảnh giới sinh tử đã khiến cho triều thần các cảnh giới ấy ganh ghét, đố kỵ khi mà tâm thức họ đang đầy ắp chấp thủ các tự ngã.

Quả thật Ngô Thừa Ân đã viết đầu hồi ba ngày:

“Bốn bề nghìn non đều sợ nép

Chín u, mười loại xóa tên rồi”

---o0o---

II. Quan niệm về con người

- Cái nhân cách giáo dục mà Ngô Thừa Ân quan niệm, đã được biểu hiện qua Tôn Ngộ Không; sau khi được đào tạo giáo dục từ hệ thống giáo dục Vô ngã của Tôn giả Tu Bồ Đề thì liền đi vào xã hội để xây dựng xã hội và con người xã hội.

Với trí tuệ Vô ngã, với nhận thức mọi hiện hữu đều Vô ngã nên soi thấy mọi giá trị trong cuộc sống cũng Vô ngã, cũng đều không có một giá trị nhất định (hay chỉ có giá trị tương đối). Các giá trị ước lệ của xã hội về con người và xã hội chẳng những đã không thể đứng vững mà còn gây xáo trộn cho tâm lý con người và gây xáo trộn xã hội. Tất cả các giá trị ước lệ ấy trở thành trói buộc con người và xã hội, kìm hãm khả năng giải phóng con người và xã hội. Chúng cần được nhận thức mới xét lại, thay thế hay đập vỡ, dù giá trị ấy ở mỗi cá nhân hay tập thể. Đây là những gì mà Ngô Thừa Ân đã mượn chiếc thiết bồng nặng hơn vạn cân của Tôn Ngộ Không đập nát loạn Hỗn Thế Ma Vương. Cần phải dọn sạch các giá trị “hỗn thế” ấy, con Người rất Người mới có được một không khí trong lành để sống. Từ đây, con người sống với tâm lý tự do hơn, thoải mái hơn, có nhiều điều kiện sáng tạo hơn và làm được nhiều việc lành, lợi ích hơn cho bản thân, gia đình và xã hội. Đây là ý nghĩa mà Ngô Thừa Ân đã biểu tượng hóa thành các thần thông tự tại đi vào nước, vào lửa, vào đất, vào không gian của Tôn Ngộ Không.

Từ đây, mỗi người chịu trách nhiệm về hành động của chính mình đối với bản thân, gia đình và xã hội, mà không ai khác quyết định hay bắt ép. Giá trị của con người, và hành động của con người là do tự giác, tự nguyện và tự do chọn lựa của họ, mà không liên hệ gì đến việc thưởng phạt tại Âm phủ, Long phủ hay Thiên đình. Đây là ý nghĩa mà Ngô Thừa Ân đã lồng vào hình ảnh của Tôn Ngộ Không xóa sạch sổ ghi thiện ác, sinh tử của loài khi (xứ sở của Tôn Ngộ Không) ở Âm ty.

- Về cá nhân, mỗi người được giáo dục theo tinh thần Vô ngã sẽ luôn luôn giữ hành động của mình được dẫn dắt bởi tâm ngay chính, nhân ái, trí tuệ và không vướng mắc, luôn luôn kiểm soát tâm mình và giữ tâm lý ở ngoài các niệm thị phi, đố kỵ, sầu, bi, khổ, ưu não. Khi tâm lý được huấn luyện đến cấp độ không vướng mắc (hay ít bị vướng mắc) vào các tâm niệm đó thì tâm lý sẽ ở vào trạng thái tự do. Bây giờ là thời điểm sáng suốt, sáng tạo và hạnh phúc cá nhân. Ở mặt giải thoát tương đối mà nhìn, thì đây là cảnh giới tâm lý tốt đẹp. Cảnh giới tâm lý tốt đẹp này thường xuất hiện trên đôi mắt của Tôn Ngộ Không mà chúng ta sẽ tiếp tục theo dõi.

---o0o---

III. Quan niệm về xã hội

Các nhà lãnh đạo nếu sống thể hiện tinh thần Vô ngã thì sẽ có sức mạnh vô úy, lòng vị tha, khoan dung, thái độ phóng khoáng, không câu nệ cố chấp, có tinh thần trách nhiệm cao... sẽ thu hút được quần chúng đoàn kết sau lưng mình trong mọi công tác giữ nước và dựng nước, như đàn khi quây quần chung quanh Tôn Ngộ Không vậy.

- Nếu mọi người dân được giáo dục Vô ngã, chấp nhận sự thật Vô ngã thì sẽ rời xa các thái độ sống chấp thủ, sẽ dễ dàng đoàn kết thành một khối tạo nên sức mạnh lớn lao cho dân tộc.

- Giáo dục Vô ngã sẽ tạo nên một nền văn hóa Vô ngã. Nền văn hóa này sẽ xóa đi các tư duy chấp thủ gây chia rẽ khối đại đoàn kết của dân tộc. Đây là một mục tiêu lớn và lâu dài của một xã hội. Tinh thần Vô ngã sẽ thống trị các dị biệt, gom tất cả về một mối phục vụ cho cùng một mục tiêu: xứ sở.

- Khi mà đoàn kết dân tộc được thực hiện tốt, và khi mà nhân dân sống với thái độ không cố chấp thì mọi việc nước sẽ được thực hiện dễ dàng, như Tôn Ngộ Không tự tại đi vào nước, vào lửa..., đất nước sẽ hùng cường khiến các nước lân bang không thể dòm ngó, không thể quyết định vận mệnh của dân tộc ấy. Vấn đề xâm lăng, bảo hộ sẽ không có đất đứng; sẽ bị xóa sạch khỏi lịch sử như Tôn Ngộ Không xóa sổ sinh tử ở Âm ty cho loài khi ở Thủy Liêm động.

---o0o---

Hồi thứ 4, 5, 6 và 7

Hồi 4: “Quan phong Bật Mã lòng sao xúng

Tên gọi Tề Thiên dạ chẳng yên”

Hồi 5: “Loạn vườn đào Đại Thánh trộm thuốc tốt

Về Thiên cung cá thần bắt yêu quái”

Hồi 6: “Quân Âm đến hội hỏi nguyên do

Tiểu thánh ra oai thu Đại thánh”

Hồi 7: “Đại Thánh trốn khỏi lò bát quái

Hầu Vương bị giam núi Ngũ hành”

Lược truyện hồi 4, 5, 6 và 7

Từ chuyện Tôn Ngộ Không xuống Long Vương lấy thiếc bồng để thêm khí giới giữ bờ cõi Hoa Quả sơn, đại náo Long cung, vua Trời muốn xử hòa với

Tôn Ngộ Không đã không thành thật phong chức giữ ngựa Trời, rồi Tề Thiên Đại Thánh, rồi giữ chức vườn đào. Các chức ấy đều là hư vị đặt ra do sự dối trá (không thật ý của Thiên đình). Hậu quả của sự dối trá ấy dẫn đến cuộc đại náo Thiên đình của Tề Thiên Đại Thánh khiến Tề Thiên Đại Thánh bị giam vào núi Ngũ Hành năm trăm năm.

I. Tư tưởng Phật học

Như đã được đề cập ở phần Tổng luận, các hồi 4, 5, 6 và 7 là các hồi chiến cuộc xảy ra giữa Tôn Ngộ Không và Thiên đình. Tất cả chỉ là những hình ảnh biểu tượng nói về Phật học và quan niệm về nhân sinh xã hội của tác giả. Không phải mọi hình ảnh đều chuyên chở ý nghĩa về Phật học được hiểu một cách máy móc. Chúng ta cần để ý đến các nét chính nổi bật nhất của bối cảnh, rồi tìm hiểu các nét chính nổi bật nhất của bối cảnh, rồi tìm hiểu các nét chính ấy có mang biểu tượng nào của Phật học?

- Để phát hiện các biểu tượng ấy, chúng ta cần phân biệt rõ ràng:

* Các cõi Trời được đề cập đến trong Tây Du Ký này đều là các cõi trời Dục giới. Các cõi ấy là các cõi thiện: nhờ phước báo thiện hạnh của tiền kiếp, tùy

theo phước báo lớn nhỏ mà được làm Ngọc Hoàng, Thiên tướng, Thiên quan hay Thiên dân. Các phước báo kia đều thuộc hữu lậu, và các vị Trời kia cũng còn đầy ham muốn, bi thử, thị, phi tương tự ở cõi Người (chỉ ở cấp độ thanh cao hơn). Các cảnh giới thuộc trời Dục giới vẫn còn nạn chiến tranh với A-tu-la do bởi các cuộc tranh chấp về quyền hạn, hay đổ kỵ về hạnh phúc.

* Quả vị giải thoát của Pháp nhĩ (Dự Lưu, hay Thất Lai, hoặc Tu-đà-hoàn) như ở cấp độ giải thoát của Tôn Ngô Không là quả vị ở ngoài các tâm đồ kỵ hay tranh chấp.

- Mỹ Hầu Vương, tánh vốn phóng khoáng, lại sống nhập thế tự tại, muốn làm chủ mọi hành động của bản thân mà không câu nệ sự tướng - bởi thấy tất cả đều rỗng không tự ngã - nhưng phía chúng sinh ở cõi Trời, Người thì khác, do vậy xảy ra các xung đột.

- Tác giả đã vận dụng cuộc đại náo Thiên cung và sự chiến thắng Thiên đình của Tôn Ngô Không để nói lên rằng tâm thức của Tôn Ngô Không bấy giờ đã vượt ra khỏi chấp thủ lục đạo (Thiên, Nhơn, A-tu-la, Địa ngục, Ngạ quỷ, Súc sinh). Tên gọi Tề Thiên Đại Thánh vì thế được khoa trương.

- Với đôi mắt thánh thiện của Đại Thánh, cõi Trời hiện ra cái bản tướng lâm cầm của nó; tất cả chúng Trời đang ngủ yên trong dòng nghiệp của Trời, thiếu nhân duyên để thấy đạo, thấy Vô ngã, Vô thường của cảnh trời. Cuộc đại náo có tác dụng đánh thức các cung viện và Thiên chúng, giúp Thiên chúng mở sáng đôi mắt tuệ. Cuộc đại náo, như đã đề cập ở phần Tổng luận, còn có nghĩa là đại náo trong tâm thức của Ngô Không và của các hành giả.

- Tôn Ngô Không là biểu tượng của trí tuệ Vô ngã, là thuộc thể giới của thực tướng vô tướng, nên các ngã tướng lửa, nước, gió, đất, không gian, thức đều không hại được. Vì thế, đao chém không đứt (đứt đầu rồi lại liền), lò bát quái (lò hữu vi) đốt không cháy. Nhưng khi đối diện với Ba La Mật toàn giác của Đức Phật thì trí tuệ của Tôn Ngô Không trở thành trí tuệ còn con bị thu phục. Tại đây, Đức Phật dạy cho Tôn Ngô Không rõ trí tuệ của Tôn Ngô Không chưa hoàn toàn thoát ly sự trói buộc của Năm uẩn (sắc, thọ, tưởng, hành, thức) qua sự kiện Tôn Ngô Không không nháy ra khỏi bàn tay Như Lai, và qua sự kiện bị Ngũ Hành sơn chụp phủ 500 năm, như Tôn Ngô Không đang vướng mắc vào tánh tháo động của tâm, tuệ, vướng mắc vào ngã mạn, tự kiêu, hiểu thắng và vô minh (bị vướng mắc mà tự mình không biết).

II. Quan niệm về con người

- Mở ra cuộc đại náo thiên cung là tác giả muốn phơi bày một sự thật rằng:

* Cái tổ chức trật tự của Thiên cung là sản phẩm của trí hữu ngã (trí của sinh, diệt, mộng ảo). Trí hữu ngã ban cho các hiện hữu một ngã tướng, ngã tính để dễ suy luận, nói năng, truyền đạt, để phân biệt rõ ràng giữa hiện hữu này và hiện hữu khác; đó là tính thiết lập trật tự cho các hiện hữu; chính ý niệm trật tự đã tạo ra xã hội có vua, tôi, quan, dân..., và chính ý niệm ngã đã đặt để việc làm vua suốt đời và làm vua theo dòng họ - quan dân cũng thế - như ngôn ngữ nhân gian đã nói: “Con vua thì lại làm vua...”. Mọi giá trị đặt ra của xã hội hữu ngã là sản phẩm của tư duy hữu ngã, là những gì mộng ảo, không thật, bởi vì tư duy thì khác với thực tại. Một xã hội mà sống trong thế giới giá trị mộng mị như thế làm sao có thể sống có hồn nhân bản? Chính các giá trị hữu ngã ấy đã tạo ra cuộc “hỗn thế” mà con người cần phải xây dựng, tổ chức lại theo giá trị Vô ngã và nhân bản.

- Chính vì giá trị ước lệ của hữu ngã đang chế ngự cõi Trời và cõi Người - đây quả là thế lực của đại tà - không đặt để con người tài đức thật đúng vị trí xã hội của nó mà sinh ra đại loạn. Để thức tỉnh vua Trời”, hay “Nhu Lai bảo Ngọc Hoàng nhường ngôi cho lão Tôn thì loạn đại náo sẽ yên”.

Như thế, mở ra cuộc đại náo Thiên cung làm kinh động cả Trời, Người, là Ngô Thừa Ân muốn giới thiệu một giá trị nhận thức mới: giá trị của Vô ngã, muốn giáo dục con người nhận thức rõ giá trị này. khi mọi người đều nhận thức ấy và sẽ tạo nên một xã hội vắng bóng hết thảy các bất công, áp bức, tham quyền cố vị, tham nhũng, khủng bố, sa đọa... Ở đó, con người sẽ sống đúng giá trị của con người, không còn đánh mất mình nữa (không còn hiện tượng tha hóa).

Như thế, mở ra cuộc đại náo Thiên cung làm kinh động cả Trời, Người, là Ngô Thừa Ân muốn giới thiệu một giá trị nhận thức mới: giá trị của Vô ngã, muốn giáo dục con người nhận thức rõ giá trị này. khi mọi người đều nhận thức như vậy thì sẽ hành động xây dựng bản thân, gia đình và xã hội theo nhận thức ấy và sẽ tạo nên một xã hội vắng bóng hết thảy các bất công, áp bức, tham quyền cố vị, tham nhũng, khủng bố, sa đọa... Ở đó, con người sẽ sống đúng giá trị của con người, không còn đánh mất mình nữa (không còn hiện tượng tha hóa).

III. Quan niệm về xã hội

- Mở ra cuộc “đại náo” là tác giả đã quá rõ ràng muốn nói rằng: Cơ chế tổ chức xã hội phong kiến là không hợp lý, đã lỗi thời, cần tổ chức một cơ chế xã hội mới thể hiện dân chủ, công bằng và nhân bản.

- Tác giả cũng ý thức rõ ràng cuộc cải cách xã hội ấy khó thực hiện, bởi nó xáo trộn xã hội cũ, điều mà thói quen của cuộc sống khó hưởng ứng, và bởi vì đụng chạm quá mạnh đến giai cấp lãnh đạo và quyền lợi của họ và của quần chúng “ăn theo”. Vì ý thức như vậy nên tác giả đã để Tôn giả Tu Bồ Đề báo trước cho Tôn Ngộ Không cẩn thận đề phòng ba tai nạn lớn mà Trời sẽ giáng xuống, và đã để Tôn Ngộ Không làm cuộc “đánh thức” mà không phải cách mạng. Tác giả muốn làm một cuộc thay đổi về văn hóa và giáo dục trước, thực hiện ôn hòa hơn. Nói rõ là tác giả sau khi lường trước tính sau thì chỉ muốn có một cải tổ với quy mô khá lớn để giáo dục cho quần chúng giác ngộ dân và cấp lãnh đạo ý thức được về những đổi thay cần thiết: một xã hội mới tổ chức dưới một giá trị mới và trật tự mới (nếu cần nói như thế), chứ không phải là vô trật tự. Những lý do vì sao sẽ được nói rõ vào các hồi tiếp, chúng ta sẽ tìm hiểu.

---o0o---

Hồi thứ 8

I. Tư tưởng Phật học

Sau khi hàng phục Tôn Ngộ Không và giữ Tôn Ngộ Không tại Ngũ Hành Sơn (có chú ếm và có thần giữ an toàn cho Tôn Ngộ Không), Đức Phật trở về Lôi Âm tự. Vừa đặt chân về Lôi Âm tự, Đức Phật liền dạy:

“Ta đem: Cặp mắt nhìn xa,

Nhìn khắp Tam giới

Cõi rã tính xưa,

Thấy đều tịch diệt

Hình thể hư không

Chẳng còn gì hết

Hàng phục khí già

Không mấy ai biết

Sống chết rành rành

Đây là pháp tướng”.

Thế rồi, Đức Phật liền truyền mở hội Vu Lan ở xứ Phật và tính việc truyền bá ba Tạng kinh Phật đến Nam Thiệm Bộ Châu (từ Tây Trúc đến Đông Độ - Trung Hoa).

- Như đã bàn ở phần Tổng luận, Tôn Ngộ Không có tuệ Vô ngã nhưng vì Giới và Định chưa tu tập vững nên còn bị trói buộc bởi Năm uẩn (hình ảnh Ngũ Hành sơn chụp phủ lên người 500 năm). Còn bị trói buộc bởi Năm uẩn là còn bị trói buộc bởi các pháp hữu vi, chưa thật sự đi ra khỏi sinh tử, luân hồi. Sự kiện Tôn Ngộ Không không thể nhảy ra khỏi bàn tay của Đức Phật là bài học Đức Phật dạy tiếp cho Tôn Ngộ Không rằng cần nhiếp tâm tu mạnh hơn nữa, cần hành trì Giới uẩn, Định uẩn và Tuệ uẩn sâu xa hơn nữa. Đây là công phu mới tiếp tục công phu mà Tôn giả Tu Bồ Đề đã dạy tại núi Linh Đài Phương Thốn ở động Tà Nguyệt Tam Tinh. Công phu này sẽ bắt đầu tu tập từ khi Đường Tăng lên đường thỉnh kinh, điều mà Đức Phật đang sắp đặt tại hội Vu Lan bốn tại Lôi Âm tự.

- Tại Thiên cung thì thường có hội Bàn Đào để hưởng lạc và để tăng tuổi thọ cho một số cấp lãnh đạo cao tại đó. Sau vụ “đại náo” thì Ngọc Hoàng bày hội “Yên Trời”. Tại Phật xứ thì tương phản, bày hội “Vu Lan”, còn được gọi là hội “Hiếu Hạnh”, để báo đáp ân phụ mẫu, sư trưởng. Cuộc thỉnh kinh về Đông độ mà Đức Phật sẽ sắp đặt được mở đầu bằng hội “Hiếu Hạnh” này.

- Đức Phật hẳn đã dự tính phái đoàn đi Tây Trúc thỉnh kinh từ khi có vụ đại náo Thiên cung và từ khi hàng phục Tôn Ngộ Không. Phật sự thỉnh kinh chính là con đường công phu giải thoát đi đến trí tuệ Ba La Mật của Tôn Ngộ Không mà Đức Phật bày vẽ; giáo dục, dẫn dắt Tôn Ngộ Không vượt qua ba tai nạn khốc liệt (sét đánh, âm hỏa và bi phong) mà Tôn giả Tu Bồ Đề đã báo trước.

- Đức Phật đã chuẩn bị sẵn năm bửu búi để Bồ Tát Quán Thế Âm trao cho Đường Tăng sau này: một áo cà sa, một tích trượng và ba chiếc vòng (trong đó có một vòng để khống chế tính cứng đầu, loạn động của Tôn Ngộ Không). Cà sa và tích trượng là hành trang giải thoát của một tu sĩ Phật giáo

(chỉ thiếu bình bát). Y cà sa là biểu tượng cho phạm hạnh nên có thể giúp hành giả thoát khỏi luân hồi; tích trượng thường được người xưa dùng để chế ngự thú dữ, rắn rít và các kẻ cướp đường; ở đây tích trượng của Phật tự nó khắc chế các ác vật, ác thú.

Bồ Tát Quán Thế Âm là vị Bồ Tát đã đắc trí tuệ Ba La Mật và có đại bi nguyện độ sinh (đệ tử của Bồ Tát là Huệ Ngạn đã là ở bên bờ của trí tuệ giải thoát rồi) được Đức Phật giao phó sứ mệnh theo dõi phái đoàn thỉnh kinh. Đây là biểu tượng của đích trí tuệ mà các hành giả nhắm đến.

- Bốn đệ tử mà Bồ Tát Quán Thế Âm thu nạp để phò Đường Tăng thỉnh kinh là: Tôn Ngộ Không, Tiểu Long Mã, Sa Ngộ Tĩnh, và Trư Ngộ Năng (xem Tổng luận)

---o0o---

II. Quan niệm về con Người

Đức Phật biết rõ tâm tư của Tôn Ngộ Không, Ngài đến Thiên cung hàng phục Tôn Ngộ Không theo lời thỉnh cầu của Ngọc Hoàng, nhưng thực sự là đến cứu Tôn Ngộ Không và giữ yên Tôn Ngộ Không tại một chỗ bình yên như là tạm thời an trí để chờ đến thời điểm tốt hầu tiếp tục hành Phật sự. Hẳn chúng ta còn nhớ lại Tôn giả Tu Bồ Đề, vị đại đệ tử của Đức Phật, đã giáo dục Tôn Ngộ Không thành người có trí tuệ chân chính để phục vụ đạo và đời và đã cho hạ sơn trở về Nam Thiệm Bộ Châu. Đây không phải là việc làm tình cờ, mà đã có chủ ý của Phật. Phương Chi, núi nơi trú xứ của Tôn giả Tu Bồ Đề có tên gọi là Linh Đài Phương Thốn (có nghĩa là một tác đất của Linh Sơn, Lô Âm tự), phải chăng đây là phân viện giáo dục các Bồ Tát đệ độ sinh? Đây là phân viện truyền trao lý tưởng giáo dục độ sinh?

- Giai đoạn đại náo Thiên cung của Tôn Ngộ Không chỉ là giai đoạn đầu của việc truyền bá con đường văn hóa giáo dục Vô ngã (hay Từ bi và trí tuệ Vô ngã), chỉ để gây một tiếng vang đánh thức cuộc đời. Bấy giờ chưa phải là thời điểm cho Tôn Ngộ Không thay thế Ngọc Hoàng. Dù Tôn Ngộ Không không dễ gì truyền bá được liền, và xã hội Thiên cung không hẳn sẽ được yên ổn hơn, mà có thể sẽ có chiến tranh kéo dài để tranh lại ngai vàng đã mất khi Thiên chúng chưa nhận ra lý tưởng cải thiện xã hội tốt đẹp của Tôn Ngộ Không.

Lại nữa, khi thu phục Tôn Ngộ Không tại Ngũ Hành Sơn, Bồ Tát Quán Thế Âm đã dạy: “Nói ra một điều thiện thời ngoài nghìn dặm sẽ ứng theo; nói ra

một điều bất thiện thì ngoài nghìn dặm sẽ chống lại”. Điều này Bồ Tát cố ý nhắc nhở cho Tôn Ngộ Không biết rằng Tôn Ngộ Không đã có lý tưởng tốt đẹp lo gì thiên hạ không nghe theo. Tôn Ngộ Không cần phải biết trầm tĩnh ẩn nhẫn mà hành động. Phải tri thời và phải tri pháp. Người xưa đã nói: trồng cây thì cần 10 năm; trồng người thì phải 100 năm, Tôn Ngộ Không làm văn hóa còn phải cần một khoảng thời gian để kết nạp những người cùng chí hướng xiển dương con đường văn hóa giáo dục mới, thời gian để đối phó với các kháng lực đầy nguy hiểm. Tưởng chúng ta cần biết rằng sau lưng Tôn Ngộ Không chỉ có đám khỉ nhỏ chưa đủ sức để bảo vệ Hoa Quả Sơn, sau đó nếu có lực lượng quần chúng hậu thuẫn nhiều thêm thì lực lượng này không thể một lòng một dạ và có quyết tâm như Tôn Ngộ Không, mà: hoặc là bất nhất, dễ bỏ cuộc như Trư Bát Giới; hoặc là tình cảm mềm lòng như Đường Tăng; hoặc trung thành và có quyết tâm nhưng thiếu dũng lược như Sa Ngộ Tĩnh, thì rất khó mà cải tổ nhanh chóng được xã hội trước kháng lực có mặt khắp trong ngõ ngách xã hội như con “bạch tuộc”.

- Vấn đề con người luôn luôn liên hệ chặt chẽ với vấn đề trí tuệ (trình độ văn hóa), với vấn đề chánh kiến (các quan điểm chủ trương), vấn đề tâm lý tình cảm, và vấn đề giá trị của con người và xã hội sẽ mở ra một hướng văn hóa, giáo dục mới. Chấp nhận con đường mới ấy không phải chỉ có sự chấp nhận của tư duy mà đủ, mà cần có ý chí, tình cảm và tâm lý chấp nhận nữa. Con đường văn hóa giáo dục này vì thế đòi hỏi cần có thời gian lâu dài để chuẩn bị con người. Tại đây chưa nói đến cơ chế tổ chức xã hội cũ, guồng máy Nhà nước phong kiến cũ rất cũ kỹ và rất công kênh. Con đường văn hóa giáo dục ấy cũng cần có thời gian để cuộc đời trải nghiệm giá trị. Đó là các lý do mà Đức Phật đã chuyển Tôn Ngộ Không qua một hướng hành động khác có tính khoa học hơn và thuyết phục hơn. Thời điểm Tôn Ngộ Không an nghỉ ở Ngũ Hành Sơn là mốc điểm thời gian chuyển hướng, mà không phải là đầu hàng. Đó là thời gian cần thiết để Tôn Ngộ Không kiểm điểm công tác và định hướng công tác.

---o0o---

III. Quan niệm về xã hội

- Xã hội và con người cá thể quyện chặt vào nhau như một thực thể. Hai hiện hữu ấy có tác động ảnh hưởng qua lại: khi xã hội văn hóa thay đổi thì cá thể thay đổi theo; ngược lại, khi nhận thức, tư duy của con người thay đổi thì xã hội cũng dần dần thay đổi thời gian. Cả hai đều có tính chất Vô ngã hay bất định, có thể được thay đổi tùy theo các điều kiện sống, môi trường

sống. Ý thức như vậy, tác giả Ngô Thừa Ân đã chọn lựa thay đổi nhận thức con người thì bị ràng buộc chặt chẽ với tổ chức của xã hội, nhất là xã hội ấy là một xã hội phong kiến lâu đời. Các giá trị phong kiến đã ăn sâu vào tiềm thức con người và cơ cấu xã hội. Bất cứ một thay đổi nào về giá trị thuộc xã hội phong kiến đều vấp phải một kháng lực có quyền uy rất lớn của vua, tôi, triều thần và quần chúng dưới trướng triều đình. Đối mặt với sức mạnh này, tất cả sức mạnh này, tất cả sức mạnh của các cá nhân và của các nhóm quần chúng nhỏ đều phải tan vỡ.

- Lại nữa, xã hội phong kiến đã nuôi dưỡng các lực lượng tà phái rất mạnh, tồn tại dựa vào các khuyết điểm của phong kiến; các lực lượng này cũng không muốn thay đổi xã hội phong kiến; bởi vì sự thay đổi ấy đe dọa đến sự tồn tại và phát triển của các thế lực ấy. Các lực lượng này trở thành vật cản đáng kể dưới bước đi của Tôn Ngộ Không.

Tôn Ngộ Không và nhóm chính phái của Tôn Ngộ Không, phải thường xuyên lưỡng đầu thọ địch. Đây là chưa nói đến việc có những sức cản nằm trong nhóm quần chúng của Tôn Ngộ Không như vừa đề cập ở mục II, hồi 8 này.

Thực hiện con đường lý tưởng về văn hóa, giáo dục Vô ngã, vì thế Tôn Ngộ Không cần, rất cần, đến sự soi sáng của trí tuệ toàn giác và lòng đại bi bủa ra của trí tuệ toàn giác (biểu tượng bằng sự dẫn dắt của Đức Phật và Bồ Tát Quán Thế Âm). Nhìn lại lịch sử Việt Nam dưới thời Lý, Trần, chúng ta có thể có một khái niệm về sự chuẩn bị cho công việc thực hiện lý tưởng trên. Vạn Hạnh thiền sư, Khánh Vân thiền sư, và cả Khuông Việt, Pháp Thuận thiền sư đã dốc bao nhiêu tâm lực để tìm ra Lý Công Uẩn và mở dần con đường cho Lý Công Uẩn lên ngôi báu.

Nhân tâm cũng là một yếu tố ảnh hưởng mạnh đến việc thay đổi chế độ xã hội, có thể tạo điều kiện thuận lợi, mà cũng có thể bất thuận lợi. Vì thế con đường sống vị tha, đầy tình người và trí tuệ, cần được mở đầu bằng hiểu đạo, điều mà Đức Phật đã quan tâm mở ra hội “Vu Lan Bồn” khi chuẩn bị lập thành phái đoàn Tây du.

Chúng ta sẽ dần dần thấy rõ những gì mà Tôn Ngộ Không cần phải vượt qua vào các hồi kế tiếp.

Hồi thứ 9, 10, 11 và 12

**Hồi 9: “Trần Quang Nhị nhậm chức gặp nạn,
Sư Giang Lưu trả thù báo ơn”**

**Hồi 10: “Lão Long Vương vụng tính phạm pháp thiên đình.
Ngụy thừa tướng gửi thư nhờ âm phủ”**

**Hồi 11: “Qua địa phủ Tái Tôn về dương
Dâng quả bí Lưu Toàn được vợ”**

**Hồi 12: “Vua Đường lòng thành kính mở đại hội
Quan Âm hiển Thánh hóa Kim thuyền”**

---o0o---

I. Tư tưởng Phật học

Về con đường đến trí tuệ Ba La Mật, theo Phật giáo phát triển (Đại thừa), hành giả sau khi ngộ pháp tánh (còn gọi là minh tâm, kiến tánh) cần phát tâm cầu Phật quả và hành sâu giải thoát (Giới, Định, Tuệ) và tâm đại bi cứu độ chúng sinh thì công đức giải thoát mới sớm thành tựu viên mãn.

Bốn hồi này là phần Bồ Tát Quán Thế Âm sắp đặt cho nhân vật Đường Huyền Trang xuất hiện với lòng đại bi phát đại tâm đi Tây Trúc thỉnh kinh để cứu độ Nam Thiệm Bộ Châu. Đây là nhân vật biểu hiện tâm nguyện Bồ Tát cầu giải thoát Vô thượng Bồ đề. Việc thỉnh được Tam Tạng kinh từ Lô Âm tự về đến Tràng An (Trung Hoa) là biểu tượng cho mục tiêu đắc trí tuệ giải thoát Ba La Mật vậy. Về nhân vật Đường Tăng đã được đề cập trong phần Tổng luận, ở đây chỉ bàn thêm một ít điểm.

- Đường Tăng, nhân vật được Bồ Tát Quán Thế Âm chọn (Tây Du Ký) ủy thác trách nhiệm thỉnh kinh là tiêu biểu cho quyết tâm giải thoát và độ sinh của mỗi hành giả. Đường Tăng tự thân thấy rõ cảnh đời vô thường, khổ đau và ác trược (chứng kiến các oan khổ đến với tự thân, gia đình và xã hội) nên phát khởi đại bi tâm độ sinh. Đây là điểm giáo lý rất truyền thống của Phật giáo. Chỉ có những tâm thức nào thấy rõ ba pháp ấn, hay bốn pháp ấn là thấy

đạo; chỉ những ai thấy đạo mới phát tâm cầu đạo. Sự kiện phát khởi đại bi tâm chỉ thực sự xảy đến với điều kiện tâm thức như thế, nghĩa là đại bi tâm phát khởi từ trí tuệ giải thoát. Không có sự kiện phát khởi đại bi tâm ngoài trí tuệ. Vì thế hình ảnh Đường Tăng gắn liền với Tôn Ngộ Không trên suốt cuộc hành trình Tây du. Lúc nào hai hình ảnh ấy, hai tâm thức ấy tách rời khỏi nhau thì tà pháp xã hội (ma nạn đến)... Đây là đạo.

- Qua việc giới thiệu thân thế Đường Tăng, bốn hồi truyện này (hồi 9-12) còn giới thiệu một số điểm khác về giáo lý Phật giáo như:

a/ Trạng nguyên Quang Nhị đã phóng sinh con cá vốn được mua để dâng mẹ, và được mẹ khen ngợi. Tại đây tác giả giới thiệu các giá trị tu tập giải thoát: hiếu hạnh là tốt, như tu tập bố thí thì tốt hơn, phước đức nhiều hơn. Phóng sinh cũng thế. Tương tự, công đức trì giới sẽ nhiều hơn nữa; hành thiện định công đức sẽ hơn trì giới; tu tập trí tuệ là tốt hơn cả.

b/ Tác giả nhân đây giới thiệu giáo lý nhân quả Phật giáo rất phân minh: Quang Nhị phóng sinh cá nên về sau (vốn là con cá được phóng sinh) Long Vương cứu Quang Nhị khỏi chết sau khi bị Lưu Hồng ám hại để đoạt vợ và chức Tri phủ.

c/ Việc Đường Thế Dân du Địa phủ chứng kiến sự thật nhân quả: ác nhân thì ác báo, thiện nhân thì thiện báo. Tác giả đã tóm tắt khái quát rằng: “Người làm thiện thì sinh Tiên; người tận trung thì sinh và đường quý; người hiếu hạnh thì sinh vào đường phúc; người công bằng thì sinh vào kiếp Người; người tích đức thì sinh vào đường giàu có; người độc ác thì sinh vào đường quý”. Giáo lý này hướng dẫn người đời sống ngay thẳng, công bằng và thiện lương đem lại an vui cho bản thân, gia đình và xã hội.

- Chiếc áo Cà sa Phật Tổ ban cho Đường Tăng (Bồ Tát Quán Thế Âm trao) là biểu tượng lý tưởng giải thoát khổ cho tự thân và giúp cho mọi chúng sinh thoát khỏi hết thảy các khổ ách trong sinh tử. Lý tưởng này là sự nghiệp cao đẹp nên được dệt bằng tơ quý (tiên tơ), bởi bàn tay quý (tiên nga dệt), và được trang trí bằng các hạt trân châu: hạt ngọc “ma ni” là biểu tượng cho hạnh sống thanh bạch, trong sáng, không tỳ vết; hạt “tị trần châu” là biểu tượng cho sống xa lìa hết thảy các trần cấu (các cấu uế của tâm); hạt “định phong châu” là biểu tượng cho hạnh sống nhiếp tịnh tâm thức thoát ly khỏi các ảnh hưởng khen, chê, thị phi, được, mất, danh vọng, lợi dưỡng (bát phong); hạt “dạ minh châu” là biểu tượng cho trí tuệ. Chiếc áo mà Bồ Tát

Quán Thế Âm tặng không cho Đường Tăng là biểu tượng cho công phu hành giải thoát được chứa đựng trong Tam Tạng kinh điển Phật giáo.

---o0o---

II. Quan niệm về con người

Cho đến hồi thứ 21 này, Ngô Thừa Ân đã phác họa đủ đề cương của một nội dung giáo dục con người tốt phục vụ cho xã hội của nền văn hóa giáo dục Vô ngã. Đề cương ấy bao gồm nhiều điểm:

1- Giáo dục con người sống phải có mục tiêu, lý tưởng hướng thượng. Lý tưởng đó phục vụ cho an lạc, hạnh phúc của bản thân, tập thể, xã hội, và được biểu tượng qua nhân vật Đường Tăng.

2- Giáo dục con người có khả năng nhận thức, phân biệt rõ phải, trái, thiện, ác, tốt, xấu, đúng, sai, hư, thật (được biểu trưng qua nhân vật Tôn Ngộ Không).

3- Giáo dục con người biết hướng thiện, sống đạo đức, biết khép mình vào khuôn phép, kỷ luật tự giác (được biểu tượng qua Trư Bát Giới).

4- Giáo dục tâm lý con người, giáo dục ý chí và quyết tâm theo đuổi con đường lý tưởng của mình (biểu tượng qua nhân vật Sa Ngộ Tĩnh).

5- Giáo dục đầy tình người (nhân hiếu, trung, tình, nghĩa), biểu tượng qua nhân vật Tiểu Long Mã.

6- Giáo dục con người thấy rõ tính độc đoán, uy quyền, hưởng thụ, bất công (tê trạng tại Thiên cung) của những người có quyền thế, thấy rõ sự thật khô đầu ở Âm phủ và cuộc “hỗn thế” ở trần gian để xây dựng một xã hội công bằng, nhân ái, an lạc và hạnh phúc.

- Xây dựng một nhân cách toàn diện qua các mặt:

1. Lý trí và hành động (Tôn Ngộ Không).
2. Về tình cảm, đạo đức, thẩm mỹ (vai trò Đường Tăng).
3. Về thể lực, bản năng, dục vọng (vai trò Bát Giới).
4. Ý chí kiên định, tâm tư ổn định (vai trò Sa Ngộ Tĩnh).

5. Về tương giao xã hội (vai trò Tiểu Long Mã).

Đó là nội dung giáo dục về trí dục, đức dục, tâm lý và tình cảm, lao động (hành động), và giáo dục một khả năng thực hiện sự hòa điệu các mối tương giao của cuộc sống (Phái đoàn...).

- Nền giáo dục con người toàn diện ấy được xây dựng trên cơ sở sự thật Vô ngã tính của vạn hữu, và trên căn bản niềm tin rằng tâm thức có khả năng chuyên hóa không cùng.

---o0o---

III. Quan niệm về xã hội

Tác giả lần lượt nêu lên những lý do của một xã hội cần được thay đổi. Sự kiện Trần Quang Nhi, rể của quan thừa tướng Ngụy Trưng đi nhậm chức bị kẻ ác giết chết, chiếm vợ và chiếm cả chức vị Tri phủ kéo dài mười tám năm mà triều đình cũng không hay, chứng tỏ xã hội Trung Hoa bấy giờ tổ chức không hợp lý, không thể bảo đảm an ninh xã hội cho dân chúng, đưa xã hội vào cảnh hỗn loạn, nhân dân không có quyền làm chủ xã hội và cuộc sống.

- Sự kiện Long Vương không tôn trọng mệnh lệnh của Thiên đình, tự do hành xử theo tư ý là sự kiện không thượng tôn pháp luật.

- Sự kiện Lý thị vợ Lưu Toàn, phải tự vẫn khi làm việc thiện là hậu quả của các quan niệm đạo đức luân lý lỗi thời của xã hội Trung Hoa.

- Sự kiện Đức Phật ủy thác Bồ Tát Quán Thế Âm Phật sự thỉnh Tam tạng kinh Phật đến Đông Độ để cứu vớt quần chúng nói lên quá rõ ràng nhân tâm ở đây đã hoạn nạn, đạo đức đã suy đồi.

- Tại giới quan lại, chính trường thì vì danh lợi đã đẩy đưa một số người có tài giúp nước như Lý Định, Trương Tiêu đến chỗ chán nản rút lui về sống an phận bằng nghề đốn củi, bắt cá, tiêu dao ở vùng non xanh nước biếc.

- Trước cảnh một xã hội, dù không có chiến tranh, đạo đức đi dần vào băng hoại, Ngô Thừa Ân muốn đánh thức nhân dân tỉnh dậy để cùng nhau sửa soạn cho một xã hội dân chủ, công bằng và nhân ái. Xã hội mới sẽ bắt đầu từ ngày Đường Tăng nhận tấm áo cà sa và chiếc tích trượng từ tay Bồ Tát Quán Thế Âm đệ Tây du. Cần có một cơn gió lớn đưa hương Vô ngã, trí tuệ và từ bi từ Tây Trúc về xã hội Trung Hoa đương thời.

Đây là hoài bão của Ngô Thừa Ân về việc xây dựng một xã hội con người rất người và tốt đẹp qua tiểu thuyết Tây Du Ký.

- Công cuộc cải tổ văn hóa, giáo dục mà Tôn Ngộ Không khởi xướng cần được tiến hành nhiều bước hợp lý. Bước đầu tiên là giáo dục, tuyên truyền ý thức nơi quần chúng nhân dân về những hư hỏng của xã hội cũ, và chứng tỏ các ưu thế của nền văn hóa mới. Cảnh đời mới cần có một lực lượng hậu thuẫn mạnh mẽ để có thể đứng vững trước nhiều sức mạnh phản kháng đến từ nhiều phía, đại để có ba sức mạnh phản kháng chính.

- Sức mạnh “sấm sét” của triều đình, quan lại phong kiến và các nhóm ăn theo.

- Sức mạnh “âm hỏa” là sức mạnh tâm lý phản kháng, phản tuyên truyền tác động vào quần chúng và vào phái canh tân.

- Sức mạnh “bi phong” là sức mạnh gây ra sự thiếu lòng tin, nhu nhược, tình cảm thiếu sáng suốt của quần chúng và của phái canh tân.

Đây là bước chuẩn bị cần thiết để xây dựng một nền văn hóa giáo dục mới kia. Từ đây, Tôn Ngộ Không còn phải giác tỉnh để đổi đầu trong từng bước đi cải tổ của mình, mở đầu từ hồi thứ 13, nếu không thì sẽ bị tan xác trước “sấm sét”, bị thiêu cháy trong “âm hỏa”, hay bị tan rã trước “bi phong”

---o0o---

Hồi thứ 13 và 14

Hồi 13: “Sa hang cộp Kim tinh cứu thoát

Núi Long Hoa Bá Khâm mời sư”

Hồi 14: “Vượn già theo chính

Sáu giặc mất tâm”

I. Tư tưởng Phật học

Sau khi phát tâm cầu giải thoát và phát đại nguyện độ sinh, hành giả bắt đầu hạ thủ công phu giải thoát. Giải thoát không thể đạt được bằng chỉ một tấm lòng mong muốn giải thoát. Tấm lòng hay khát vọng giải thoát chỉ là sự nhắc nhở đến mục đích giải thoát cần phải đến, tự nó chưa có khả năng hình

thành một bước đi giải thoát nào. Vì thế Đường Tăng vừa mới lên đường đã sa vào ngay hang cọp, chúa tể sơn lâm ấy là biểu tượng của tham, sân, si ở nội tâm và ở ngoại cảnh đang thời sung mãn; chúng dễ dàng “thịt” mất chí nguyện giải thoát độ sinh của hành giả. Giai đoạn này nếu không nhờ tha lực của Kim Tinh cứu mạng thì lý tưởng Tây du đã không còn.

- Trước khi lên đường, Đường Tăng đã ý thức việc tu dưỡng Tâm, nên “lẳng lặng chỉ tay vào bụng mấy lượt” để nói với Tăng chúng tiền chân rằng: “Tâm sinh thì ma nghiệp sinh, tâm diệt thì ma nghiệp diệt”. Vậy khi ma chướng khởi (ma nạn sinh) thì bấy giờ hành giả và chí nguyện giải thoát chính là ma chướng, hay bị khống chế bởi ma chướng. Ma chướng đó là tà niệm, vọng niệm.

Đối với vọng niệm, lòng khát vọng giải thoát không có đôi mắt để nhìn thấy và cũng không có khả năng để nhưng tiếp phục. Nếu thiếu trí tuệ thì hành giả không thể tu tập giải thoát qua hai công phu chính yếu sau đây:

- Nhận ra đâu là chánh niệm để duy trì và phát triển; chánh niệm nào chưa sinh thì khiến sinh khởi, chánh niệm nào đã sinh thì duy trì và phát triển.

- Nhận ra đâu là tà niệm; tà niệm đã sinh thì cần được tìm cách đoạn diệt, tà niệm chưa sinh thì không để nó sinh khởi.

Ma nạn “hang cọp” này là nạn cảnh giác Đường Tăng phải tu tập có chánh kiến và chánh tư duy (hay trí tuệ) trước, rồi vận dụng trí tuệ này dẫn đầu các công phu tu tập khác.

Đây mới là chánh đạo. Do vậy, vào hồi 14 Đường Tăng cần thu nhận Tôn Ngộ Không phò tá như một vai trò trí tuệ trên cuộc hành trình Tây du.

- Chính nhờ trí tuệ (vai trò Tôn Ngộ Không) nhận ra bợn, thù và có khả năng rất lớn có khả năng đốt cháy, đánh tan các vọng niệm khởi lên do tác động từ trong lẫn ngoài, như Tôn Ngộ Không đã diệt đám giặc cỏ lục tặc ở hồi 14 này, đám giặc thường gây hỗn loạn tâm thức và cuộc đời.

---o0o---

II. Quan niệm về con người

Để xây dựng một xã hội tốt đẹp đúng nghĩa nhất cần có người tốt. Con người tốt là con người được phát triển, giáo dục toàn diện, có khả năng nhận

định tốt, xấu, phải, trái, hư, thật và có khả năng để hành xử các việc cá nhân, gia đình và xã hội.

- Con người cần được hiểu một cách thực tế rằng không phải là được sinh ra như một tờ giấy trắng, mà là có đủ một mầm tâm lý tốt, xấu lẫn lộn. Các tâm lý xấu như tham, sân, si, ganh ghét, đố kỵ, kiêu căng, ngã mạn, phóng túng có mặt mạnh hơn là các tâm lý tốt. Điều kiện sống ở xã hội phong kiến (và xã hội nói chung) kích động các tâm lý xấu nhiều hơn là các tâm lý tốt. Do vậy, yêu cầu đầu tiên của giáo dục là cần giáo dục con người có một hiểu biết, tư duy phân biệt rõ, tốt, xấu, thực, hư v.v... và có khả năng chỉ đạo tốt các hành vi của con người như Đường Tăng cần đến sự có mặt của Tôn Ngộ Không trong phái đoàn Tây du.

- Tư duy đúng và hiểu biết đúng cần được giáo dục tế nhị, cần được khéo léo tiếp thu, cần có sự luyện tập nhiều về căn và tư để thắng vượt các thành kiến, định kiến của văn hóa, truyền thống và các tập quán tình cảm, tư duy cũ. Các tập quán này trói buộc con người rất mạnh như biểu tượng Ngũ Hành sơn giam hãm Tôn Ngộ Không dài đến 500 năm. Phá bỏ được các ràng buộc này con người mới có được cái hiểu biết và tư duy sáng tạo và giá trị áp dụng vào đời sống cá nhân và xã hội.

---o0o---

III. Quan niệm về xã hội

Bước cải tổ xã hội đầu tiên nếu không được lý trí tính toán kỹ thì khó vượt qua được rào cản lớn của các lực lượng chủ đạo của đường văn hóa, xã hội và thể chế cũ (được biểu trưng bằng: mãnh thú sơn lâm hãm hại Đường Tăng), lực lượng cải tổ sẽ bị tổn hại nặng, có thể bị lâm nguy.

- Lý tưởng cải tổ xã hội không được đánh giá đúng ở mặt thuần lý thuyết mà được đánh giá vào thử thách trong thực tế xã hội để làm sáng tỏ giá trị của nó như là Tôn Ngộ Không đứng dậy khỏi Ngũ Hành sơn, lên đường thực hiện và mang thêm một tên gọi mới là Tôn Hành Giả (hành giả = người thực hiện, hành động)

- Lý tưởng thực hiện cần được hoạt động uyển chuyển, không quá cứng rắn, không quá nôn nóng, vội vàng, như cần phải có cái thắt “khẩn cô nhi” trên đầu Tôn Hành Giả.

- Đây là những gì mà chúng ta có thể hình dung về các quan niệm hành động để cải tổ xã hội của Ngô Thừa Ân.

---o0o---

Hồi thứ 15, 16 và 17

Hồi 15: “Núi Rắn Cuốn, mọi thần ngầm giúp

Khe Ưng Sầu, ý mã thắng cương”

Hồi 16: “Viện Quan Âm sư lừa bảo bối

Núi Hắc Phong quái trộm cà sa”

Hồi 17: “Tôn Hành Giả đại náo Hắc Phong

Quan Thế Âm thu phục con yêu quái”

I. Tư tưởng Phật học

Tại hồi 15, khi mà công phu tu tập được trí tuệ Vô ngã soi sáng thì công phu ấy đún nghĩa là công phu giải thoát. Bảy giờ tâm sẽ khởi lên nhiều niệm lành, giải thoát. Đây là ý nghĩa của hình ảnh biểu tượng các thiện thần tụ họp tại núi Rắn Cuốn để giúp đỡ Đường Tăng.

- Ở hồi 14, sau khi Tôn Ngộ Không hàng phục lục tặc - giặc cỏ quấy rối tâm thức - thì tâm thức trở nên an tịnh, vắng lặng. Bảy giờ sơn thần ở Lạc Già sơn, vâng mệnh Bồ Tát Quán Thế Âm trao yên cương để thắng Tiểu Long mã - mà Ngô Thừa Ân gọi là “ý mã thắng cương” - Đây là hình ảnh biểu tượng khi tâm thức đã được chế ngự, không còn vọng ngoại (hướng ra sáu trần), đã quay về giải thoát (hướng nội) như Tiểu Long mã đã từ bỏ long cung và từ bỏ tâm ngã nghịch để theo phò Đường Tăng.

Khi tâm thức lắng đọng như bảy giờ thì sáu trần được soi tỏ bản tướng, không còn tác loạn tâm ý được nữa, sáu muện sẽ ra đi, vĩnh viễn từ giả tâm ý. Vì thế không nước tâm trong suốt thì các loài chim không thể bay qua, vĩnh viễn bay xa. Con suối bảy giờ được Ngô Thừa Ân gọi là “Khe Ưng Sầu”.

- Ở cấp độ tâm thức này, hành giả không còn bị lòng dục các trần đốt cháy, nên tại Viện Quan Âm (hồi 16) lửa tham dục các trần chỉ đốt cháy sư trú trì trộm áo cà sa quý của Đường Tăng, mà không thiêu Đường Tăng và các sư sãi còn lại.

- Tại đây, con ma gấu ở núi Hắc Phong, bạn của sư trú trì Quan Âm Viện, cũng tham lam đánh cắp chiếc cà sa, nhưng hai người ấy có tác ý khác nhau ở hai hoàn cảnh khác nhau, nên gặt hái hậu quả khác nhau. Sư trú trì là kẻ xuất gia sống ở nhà chùa đã hơn 200 năm mà còn lòng tham ấy thì quả là tâm tu quá xấu; với tâm tu ấy thì chỉ cần một lòng tham áo cà-sa là đã đủ để đốt cháy tâm giải thoát. Sư trú trì bị thiêu cháy là thế.

Ma Gấu ở núi Hắc Phong là loài yêu tinh mà thích giao du với nhà chùa là chứng tỏ có một tâm thức hướng thượng. Ma Gấu trộm áo cà-sa và định mở hội cà-sa cũng là hành động với tâm thức hướng về đạo, nhưng hướng về đạo ở cấp độ tâm lý thích nhà chùa và những pháp khí thuộc nhà chùa. Xét kỹ tâm thức này là đang đi lên. Do đó, Bồ Tát Quán Thế Âm không cho hại ma Gấu. Lần đầu gặp ma Gấu, Bồ Tát đã phát biểu “Nghịet súc chiếm cứ sơn động này cũng có chút duyên đạo”, rồi sau đó Bồ Tát đã quy y cho ma Gấu và thu về cho giữ núi Lạc Già ở Nam Hải.

- Khi Bồ Tát Quán Thế Âm biến hóa ra yêu tinh Lăng Hư (bạn của ma Gấu) thì Tôn Ngộ Không liền nói: “Đẹp quá! Đẹp quá! Thế Bồ Tát là yêu tinh hay yêu tinh là Bồ Tát?” - Bồ Tát Quán Thế Âm dạy: “Ngộ Không, Bồ Tát, yêu tinh đều là ý niệm, nếu bàn cho đến gốc, đều là không có”. Lời dạy này giúp Tôn Ngộ Không tỉnh lòng thêm. Tại đây Ngộ Thừa Ân đã diễn đạt một tư tưởng khác của Bát Nhã rằng:

- Tướng thật của Bồ Tát là Vô ngã; tướng thật của yêu tinh cũng là Vô ngã. Vì thế, với tâm thức giác ngộ thật tướng thì yêu tinh và Bồ Tát không khác biệt, đều đồng thể Vô ngã (Bồ Tát = yêu tinh = Vô ngã). Nhưng với tâm thức còn vương mắc tập khí chấp ngã, thì tướng Bồ Tát khác với tướng yêu tinh. Tôn Ngộ Không tuy lòng đã giác tỉnh Vô ngã từ lâu, nhưng tập khí chấp thủ tướng vẫn còn, nên tâm thức thỉnh thoảng ngỡ ngàng vương ngại các ngã tướng. Do sự vương ngại ấy mà Tôn Ngộ Không còn vương mắc các ma nạn.

Nói tóm, ngã tướng là của ý niệm, của ngã tướng; nó là hư vọng, mà không phải là thực tại.

Tại đây, Ngô Thừa Ân muốn giới thiệu với đời rằng: Bồ Tát hàng phục yêu Gấu là đánh chết cái tính “yêu” trong con Gấu, chứ không phải giết chết con gấu. Con Gấu tự nó không mang một ngã tính yêu mà bay Bồ Tát gi cả.

---o0o---

II. Quan niệm về con người

Ngô Thừa Ân mong muốn con người quay trở về chính mình để tu tập tâm và giải thoát tâm, như Tôn Ngộ Không tu tập ở Tà Nguyệt Tam Tịnh động - Mọi giá trị thực là ở tâm thức con người. Khi trí tuệ Vô ngã đã xuất hiện thì tâm thức sẽ dần dần sáng tỏ. Các thiện tâm và giải thoát tâm sẽ sinh khởi. Giáo dục nhân bản là giáo dục giúp con người quay trở về chính mình, chính nguồn sáng bên trong mình. Mọi thứ may mắn, an lạc, tự do, hạnh phúc đều có mặt ở đó, như phái đoàn Tây du có mặt Tôn Ngộ Không. đây là ý nghĩa được biểu tượng bởi hình ảnh các thiện thần đến giúp Đường Tăng ở núi Rắn Cuốn. Đây cũng là ý nghĩa mà ngôn ngữ Pháp nói: “Hãy tự giúp mình rồi trời sẽ giúp mình” (Aide-toi, Le ciel t’aidra).

- Vấn đề không phải là buộc người khác làm các điều thiện, mà là giúp người khác nhận thức rõ về điều thiện và giá trị của điều thiện. Khi đã có nhận thức đúng thì tự khắc con người hành động đúng. Tương tự như khi Khe Ưng Sầu trong suốt, thì các loài chim không còn hiện đến. Cũng thế, khi tâm đã lắng, thì các trần không còn xâm nhập quấy phá. Khi một người đã thấy rõ con đường văn hóa Vô ngã, thì các quan niệm về văn hóa hữu ngã sẽ không còn khả năng thuyết phục.

- Về điều thiện ác, con đường văn hóa giáo dục mới cần nói rõ về giá trị của các hành động, việc làm, yếu tố quyết định giá trị của hành động là ở tâm tác động trên hành động có thể có nhiều giá trị khác nhau và chịu các hậu quả khác nhau, điển hình như ma Gấu và sư trú trì Quan Âm Viện đều đánh cắp tấm cà-sa quý mà một người thì bị đốt cháy thân phạm hạnh và thân huệ mạng, người kia thì phát khởi huệ mạng, huệ tâm.

- Theo tinh thần giáo dục Vô ngã và nhân bản thì con người là vô tự tính và hành động là vô tự tính, bởi cả hai đều do các duyên tập hợp mà sinh. Không thật sự có con người xấu. Cả đến hành động, không thật sự có hành động xấu, mà chỉ có các ý niệm xấu tác động trên hành động. vì thế giáo dục mới đặt trọng tâm ở công phu chuyển đổi các ý niệm, chế ngự các ý niệm (gọi là tu tâm), dù hành giả vẫn quan tâm đến các biểu hiện của hành động và hậu quả của hành động. khi ý niệm xấu được chế ngự, thì các hành động xấu sẽ

dần dần biến mất. Điều này được Ngô Thừa Ân diễn đạt qua hình ảnh ma Gấu được Bồ Tát Quán Thế Âm và Tôn Ngô Không chế ngự và thu nhận về cảnh giới xuất gia giải thoát ở Nam Hải.

Tại đây, người chủ xưởng văn hóa, giáo dục Vô ngã và nhân bản, Tôn Ngô Không, cần nhận thức rõ sứ mệnh của mình là chuyển hóa tâm thức con người, tiêu diệt các sai lầm, mà không phải tiêu diệt những con người sai lầm (hồi 16, 17).

Dù vậy, người làm giáo dục không được xao lãng đến vai trò tác động của ngoại giới trên tâm thức con người; giáo dục cần vạch rõ khía cạnh nguy hiểm của ngoại giới có thể gieo rắc tai hại đến con người.

Hồi 15, 16, và 17 quả là các hồi đề cập đến đạo đức của Phật giáo, vấn đề giá trị của các hành vi, hành động, và vấn đề đánh giá các giá trị của các hành vi, hành động.

---o0o---

III. Quan niệm về xã hội

Trở lại vấn đề đã được đề cập, căn bản của việc cải tạo xã hội là vấn đề cải tạo con người, và căn bản của vấn đề cải tạo con người và vấn đề cải tạo nhận thức con người. Khi mà đa số quần chúng đã giác ngộ con đường sống với những giá trị mới thì hẳn nhiên khung sườn xã hội mới sẽ phải hình thành. Khi đã là Khe Ưng Sâu trong suốt, thì chim chóc đến sẽ lâm nạn. Do vì nguy hiểm ấy, chim sẽ không còn đến. Cũng thế, khi tâm thức con người đã sáng giá trị của nền văn hóa giáo dục mới, thì các giá trị lỗi thời sẽ ra đi. Ngô Thừa Ân đưa ra hình ảnh Khe Ưng Sâu là xác định sự thật mà người làm công tác cải tổ văn hóa giáo dục phải chọn lựa, rằng: Văn hóa, giáo dục cần được cải tổ trước, cơ chế xã hội cải tổ sau. Công tác văn hóa giáo dục bao giờ cũng cần thời gian lâu dài. Với xã hội phong kiến Trung Hoa vào thế kỷ 16, khó có một chọn lựa nào khác tốt đẹp hơn.

- Cần tạo điều kiện thuận lợi cho nền văn hóa mới phát triển, các điều kiện sống có ảnh hưởng đến việc khơi dậy các nhận thức mới - tương tự như chiếc áo cà-sa quý khơi dậy lòng tham nơi sư trú trì Quan âm Viện - như hạnh của Bồ Tát Quán Thế Âm thường cứu khổ người đời trước khi nói Pháp cứu khổ. Phương thức này sẽ hỗ trợ sự nghiệp giáo dục thuyết phục quần chúng quay về với các giá trị mới.

---o0o---

Hồi 18 và 19

Hồi 18: “Chùa Quan âm, Đường Tăng thoát nạn

”Nhà Cao Lão, Đại Thánh trừ ma”

Hồi 19: “Động Vân Sơn, Ngô Không thu Bát Giới

”Núi Phù Đồ, Tam Tạng nhận chân kinh”

I. Tư tưởng Phật học

Bước đầu tiên chế ngự tâm là chế ngự lục căn (hồi 15). Công phu chế ngự này cần được thực hành lâu dài để nhiếp phục cái động của thân và khẩu như đã được đề cập ở phần Tổng luận. Ở hồi 18 và 19, việc thu phục Trư Bát Giới làm đệ tử xuất gia là ý nghĩa của việc hành trì giới luật và chế ngự dục ái, chế ngự các tánh buông lung, lười biếng để thiết lập cơ sở tâm lý vững chắc cho sự thành tựu tâm giải thoát (đại định) và tuệ giải thoát (đại tuệ).

- Ở nguyên bản Tây Du Ký, và ở bản dịch việt ngữ ấn hành năm 1982, nhà xuất bản Văn học Hà Nội, ghi đủ toàn văn bài Bát Nhã Tâm Kinh. Bài tâm kinh này là trái tim của trí tuệ toàn giác mà thiền sư Ô Sào đã trao cho Đường Tăng để giữ an lòng trên suốt cuộc viễn trình Tây phương. Điểm tinh yếu của bản kinh này là: trên cơ sở tâm thức an trú đại định (hay tâm giải thoát) và tâm nguyện độ sinh rộng lớn, hành giả hành sâu thiền quán Vô ngã, thấy rõ hết thấy vạn hữu là rỗng không tự ngã mà vượt qua hết thấy mọi khổ đau trần thế.

Do vì hành giả an trú vào chánh niệm, chánh tướng Vô ngã mà tâm thức không vướng ngại bất cứ gì; do vì tâm không vướng ngại, hành giả rời xa các thứ sợ hãi, rời xa các tướng sai lầm và các tình cảm sai lầm; do vì rời xa các ngã tướng, các điên đảo tướng, hành giả chøng đắc được sự giải thoát hoàn toàn mọi khổ đau. Trên cơ sở thành tựu này, hành giả tự tại ra vào khổ đau để cứu độ đời.

- Dưới con mắt của trí tuệ Vô ngã, các ngã tướng trần gian là hư huyền, mộng mị, tạm bợ. Ngô Thừa Ân vì thế gọi cõi đời là “phù đồ” (tương tự như phù thế, phù vân)

---o0o---

II. Quan niệm về con người

- Một đường hướng giáo dục con người tốt thì không lúc nào rời khỏi mục tiêu đem lại an lạc, hạnh phúc cho con người. Cảm nhận an lạc, hạnh phúc là phần việc của tâm thức mỗi người. Vì thế, công phu huấn luyện tâm lý là công phu chính, bên cạnh công phu mở mang hiểu biết đúng đắn, mở mang trí tuệ. Con đường giáo dục đích thực và nhân bản không phải là con đường lý thuyết, mà là con đường sống. Con đường đó chỉ rõ rằng con người cần trở về chính mình và làm chủ chính mình ở ba lãnh vực thân, khẩu, ý. Hồi 19 và 20 thì giới thiệu đến phần giáo dục làm chủ các hành động của thân và khẩu, ý. Hồi 19 và 20 thì giới thiệu đến phần giáo dục làm chủ các hành động của thân và khẩu (lời nói), giải thoát (đã được đề cập ở phần Tổng luận).

---o0o---

III. Quan niệm về xã hội

Một trong những điều kiện cho quần chúng sống với nền văn hóa nhân bản và Vô ngã là tạo với nền văn hóa nhân bản và Vô ngã là tạo nên nếp sống đạo đức cá nhân và đạo đức xã hội. Cá nhân và tập thể cần phải giữ gìn và tôn trọng một số khuôn phép kỷ luật nào đó của xã hội do xã hội đặt ra phù hợp với văn hóa Vô ngã. Nếp sống văn hóa xã hội này được biểu tượng hóa qua nhân vật Trư Bát Giới.

- Về mặt tâm lý quần chúng thuộc hàng ngũ đời mới được phân ra nhiều thành phần: có thành phần mang dạng tâm lý của Đường Tăng, có thành phần mang mẫu tâm lý của Tôn Hành Giả, có thành phần thì tâm lý thiếu ổn định dễ trở lui về nếp sống với các tập tính cũ, như Trư Bát Giới nhiều lần đòi hỏi lại nhà Cao Lão... Xã hội cần tổ chức thành một nếp văn hóa mới, thiết thực và tích cực. Vai trò tích cực trong việc hình thành nếp sống hóa mới, thiết thực và tích cực. Vai trò tích cực trong việc hình thành nếp trong việc hình thành nếp văn hóa mới là vai trò giáo dục thể hiện qua nhiều phương tiện truyền thống. Giáo dục mở hướng đi tới vào thế giới giá trị mới, xa dần các giá trị cũ, như Tôn Ngộ Không kiểm soát, kiềm chế Trư Ngộ Năng vậy.

---o0o---

Hồi thứ 20, 21 và 22

Hồi 20: “Núi Hoàng Phong, Đường Tăng gặp nạn

Đón giữa núi, Bát giới lập công”

Hồi 21: “Hộ pháp làm nhà lưu Đại Thánh

Tu Di Linh Cát bắt Phong Ma”

Hồi 22: “Bát Giới đánh ở sông Lưu Sa

Mộc Xoa vâng lệnh bắt Ngô Tịnh”

I. Tư tưởng Phật học

Hành giả tu tập giải thoát nếu chỉ hành trì giới thì khó nhiếp phục được cái động và cái vọng tâm. Tâm động chưa bị hàng phục thì khó đi vào tuệ giải thoát. Công phu tu tập giới là công phu chuẩn bị căn bản giải thoát để tu tập định. Công phu tu tập giới là công phu chuẩn bị căn bản giải thoát để tu tập định. Công phu đến hồi 20 hành giả hẳn là vượt qua ma nạn Hoàng Phong. Ma nạn này là do pháp hữu vi “tam muội thân phong” chắn lối. Tôn Ngô Không và Trư Ngô Năng còn non định lực nên bị gió định khắc chế làm tổn hại đến đôi mắt tuệ của Ngô Không. Phải nhờ đến định lực vững như núi Tu-di (gọi là Tiểu tu-di) của Bồ Tát Linh Cát mới đối trị được quái Hoàng Phong (hồi 20). Sau nạn này, hành giả (phái đoàn Tây du) phải chuyên tâm hành thiền định. Đây là ý nghĩa phái đoàn Tây du kết nạp thêm Sa Ngô Tịnh (như đã đề cập ở Tổng luận, hồi 22).

- Phương pháp tu của Phật giáo để chế ngự tâm, điều phục tâm là phương pháp khắc chế. Ngô Thừa Ân giới thiệu phương pháp tu ấy qua các phương cách phái đoàn Tây du chiến thắng các yêu quái. Với “tam muội thân phong” gió độc và mạnh, thì người ta dùng “định phong đàn” để trừ. Với đối tượng động thì dùng tĩnh để chế; với đối tượng tĩnh, thì dùng động (của tuệ) để khắc.

II. Quan niệm về con người

- Mức độ cao hơn về giáo dục con người là mức độ “huấn luyện tâm lý”, hay thực hành thiền định. Giáo dục có mục đích đem lại cho con người sự ổn định tâm lý và cảm nhận an lạc, hạnh phúc. Giáo dục thiền định vì thế là yêu cầu của học đường, của gia đình và xã hội.

- Trạng thái tâm lý ổn định là trạng thái tự do và sáng tạo, loại bỏ các tâm lý mệt mỏi, chán nản, lười biếng và lo âu, và có khả năng nâng cao hiệu năng làm việc, học hỏi hay giảng dạy. Đây là vai trò chính của ngành Tâm lý giáo dục hiện đại.

---o0o---

III. Quan niệm về xã hội

- Hoàng Phong quái là loại quái vật sinh sống ở cảnh giới Vô ngã, nhưng do tu luyện chưa hết tà khí, chưa an trú vào Giới uẩn, Định uẩn, nên gặp duyên thì tà niệm phát tán gây nên tai họa lớn về “tam muội thân phong”. Đây là hình ảnh biểu tượng về hậu quả của sự cải tổ văn hóa giáo dục thiếu triết để và nghiêm túc, và là biểu tượng về hậu quả tai hại của sự áp dụng sai lạc do không thấu triệt chân giá trị của nền văn hóa, giáo dục Vô ngã.

- Để tránh hậu quả trên, lực lượng cải tổ xã hội cần được giáo dục kỹ nội dung của văn hóa Vô ngã và sự trung thành quyết tâm thể hiện nên văn hóa này, một nền văn hóa của tinh thần “tùy duyên nhi bất biến”. Đây là ý nghĩa của hai khí giới mà Như Lai trao cho Linh cát Bồ Tát để hàng phục quái Hoàng Phong gồm có:

- “Định phong đơn” biểu trưng của tinh thần bất biến.

- “Phi long trượng” (con rồng vàng chín móng) biểu tượng cho tinh thần tùy duyên, vận dụng uyển chuyển và sinh động.

Nếu tinh thần Văn hóa Vô ngã được hiểu một cách khẳng định như văn hóa hữu ngã, thì Vô ngã biến thành ngã vô (tà pháp), và hậu quả của nền văn hóa này sẽ gây nên cảnh “hỗn thế” không khác gì với nền văn hóa hữu ngã của xã hội cũ. Nền văn hóa mới này không đối lập với bất cứ một nền văn hóa nào khác cả, vì thế nó có thể cùng tồn tại bên cạnh nền văn hóa cũ. Giá trị đích thực của nền văn hóa này là ở cái tâm hành động được điều động bởi

tâm lý vị tha, nhân ái và bởi trí tuệ không chấp thủ, không tham ái, sân hận. Giá trị của cuộc sống là ở chữ Tâm, như những gì mà Tôn Ngộ Không đã được giáo dục ở lò luyện tâm (Tà Nguyệt Tam Tinh động). vì giá trị nằm ở cái tâm, nên cái tâm con người cần được làm chủ trước, cải thiện trước.

---o0o---

Hồi thứ 23

Hồi 23:

“Tam Tạng không quên gốc
”Bốn thánh thử lòng thiên”

I. Tư tưởng Phật học

- Công phu giải thoát càng vào sâu càng đòi hỏi hành giả phát triển sâu Giới, Định, Tuệ; càng vào sâu, các tâm lý trói buộc càng tinh tế. Hành giả càng tinh tấn, nỗ lực và giác tỉnh liên tục mới phát triển được định và tuệ giải thoát. Điều kiện đòi hỏi trước tiên và ít nhất là: hành giả phải dứt trừ dục ái, vì vậy bốn vị Bồ Tát (Lê Sơn, Quán Âm, Phổ Hiền và Văn Thù) - Lê Sơn biểu tượng của đại nguyện; Phổ Hiền biểu tượng của đại định và đại hạnh; Quán Thế Âm biểu tượng của đại bi và đại trí; Văn Thù là biểu tượng đỉnh cao của trí tuệ giải thoát - thị hiện ra trắc nghiệm phái đoàn Tây du và hỗ trợ cho phái đoàn trước khi đi vào một giai đoạn mới. Qua cuộc trắc nghiệm này, Trư Bát Giới bộc lộ rõ lòng trần (dục ái) chưa sạch, cần được cảnh giác tu tập nhiều hơn.

---o0o---

II. Quan niệm về con người

- Tâm lý tham dục thường che mờ tâm trí con người, đưa đẩy con người vào các sai lầm, đánh mất lý tưởng nhân sinh và xã hội cao thượng. Đây là điểm tâm lý cần được giáo dục, huấn luyện kỹ để tránh các rối loạn cho cá nhân, gia đình và xã hội. người mà nặng lòng tham, nhất là tham sắc, thì có

khuyh hướng sống vị kỷ, gây tổn hại tha nhân, dễ đánh mất nhân cách tốt đẹp của con người và dễ rơi vào phiền não, khổ đau lâu dài.

---o0o---

III. Quan niệm về xã hội

- Do từ tư duy hữu ngã mà chấp thủ ngã tướng sinh và lòng khởi lên tham lam, sân hận, ích kỷ, ganh ghét, đố kỵ... Chính xác tâm lý xấu này sẽ bộc lộ ra các hành động hại mình, hại người.

- Để chế ngự tư duy ấy và các tâm lý xấu ấy, con người cần phải thường huấn luyện Văn, Tư, Tu về Vô ngã, vị tha. Đây là hệ văn hóa giáo dục thực tiễn và thực nghiệm. Xã hội phải có những con người này trước thì công cuộc xây dựng và phát triển đất nước mới thành công tốt đẹp.

Ngô Thừa Ân đã chọn lựa con đường văn hóa này, khảo sát các hội tiếp chúng ta sẽ rõ.

---o0o---

Hội thứ 24, 25 và 26

Hội 24 : “Núi Vạn Thọ, Đại Tiên lưu bạn cũ

Quán Ngũ Trang, Hành Giả trộm nhân sâm”

Hội 25: “Trần Nguyên Tử đuổi bắt người lấy kinh

Tôn Hành Giả làm nhộn Ngũ Trang quán”

Hội 26: “Nơi Tam Đảo, Ngô Không tìm thuốc

Nước Cam Lô, Bồ Tát chữa cây”

I. Tư tưởng Phật học

Tư tưởng Phật học ở ba hồi này đã được bàn ở phần Tổng luận.

II. Quan niệm về con người

Tư tưởng Nho học vẫn là tư tưởng chủ đạo của nền văn hóa Trung Hoa vào thế kỷ XVI (thế kỷ mà Ngô Thừa Ân sống) và qua hầu như suốt dòng lịch sử Trung Hoa cho đến thế kỷ XIX. Hệ thống tư tưởng này đã xây dựng nên chế độ phong kiến. Con người và nhân cách con người được giáo dục theo khuôn mẫu Nho giáo với công thức đầy ước lệ về Hiếu, Trung, Tình, Nghĩa... hay Nhân, Lễ, Nghĩa, Trí, Tín rất máy móc và rất hình thức. Nhân cách đó đã trói buộc sự phát triển con người và tính nhân bản của con người, và hạn chế cả sự phát triển xã hội. Nhân cách đó quá tù hãm con người, không đáp ứng được các biến động đổi thay của con người và xã hội, cũng không đáp ứng được các yêu cầu mới của lịch sử. Như đã đề cập, Ngô Thừa Ân muốn đi tìm một mẫu nhân cách mới, rất người và đáp ứng được mơ ước của con người của nhiều thời đại. Ngô Thừa Ân đã kín đáo giới thiệu nhân cách ấy qua tiểu thuyết Tây Du Ký. Mở ra cuộc Tây du vĩ đại là tác giả muốn mở bung ra cái xã hội bị khép kín của Trung Hoa, khép kín cả nhận thức và thái độ sống, điều mà ngày nay cả thế giới đều thấy: vì sự khép kín ấy mà nền văn minh và có giá trị của Trung Hoa chậm phát triển.

Dựng nên ba hồi 24, 25 và 26 này là Ngô Thừa Ân muốn nói rõ ra một nhân cách mới cần tạo dựng cho văn hóa Trung Hoa. Tác giả đã để cho Tôn Ngộ Không (tiếng nói của nền văn hóa Phật giáo) đánh bật gốc rễ cây nhân sâm quý giá (có mặt từ lúc trời đất mới khai tích) tại Ngũ Trang Quán - biểu tượng của âm dương và ngũ hành của Nho giáo - và phải nhờ đến nước Cam lồ (của trí tuệ Phật giáo tưới vào mới làm sống lại cây nhân sâm. Tác giả, qua hình ảnh đó, muốn cải thiện bổ sung vào nhân cách của Nho giáo trí tuệ đó mới làm sống lại nhân cách lý tưởng của nền văn hóa truyền thống. Chỉ là công việc chuyển đổi, cải thiện, mà không phải là phứt bỏ hay thay thế hoàn toàn. Nhân cách Vô ngã ấy sẽ được phát triển tốt và mạnh trong một xã hội dân chủ, nhân ái và công bằng.

III. Quan niệm về xã hội

- Lại nói về chuyện cây nhân sâm và Ngũ Trang Quán, như được đề cập ở phần Tổng luận, Tôn Ngô Không đã đánh bật gốc rễ cây nhân sâm, cây nguồn gốc của các pháp hữu vi của hiện tượng giới - cũng là biểu tượng của Nho và Lão, trí tuệ Vô ngã của Ngô Không chỉ đánh bật gốc rễ của thế giới nhị nguyên, hữu ngã, nhưng chưa có khả năng giải quyết sinh tử. Chỉ có trí tuệ Ba La Mật của Bồ Tát Quán Thế Âm là giải quyết được sinh tử, làm hồi sinh cây nhân sâm.

- Bồ Tát đã lấy nước từ trong cây ấy bằng trí tuệ Vô ngã rồi đem tưới vào cây ấy thì cây liền sống lại. Cũng thế, chân tướng có mặt ở nơi các ngã tướng; vô sinh có mặt nơi sinh diệt; giải thoát có mặt tại cuộc đời, tại phiền não. Trí tuệ Vô ngã của Phật giáo mở ra con mắt tuệ cho con người thấy sự thật đó. Chuyện hồi sinh cây nhân sâm là bài thuyết pháp thâm diệu mà Bồ Tát Quán Thế Âm đã giảng bày cho Trần Nguyên Tử và các Thiên tiên, Địa tiên, và phái đoàn Tây du. Điều này được làm rõ nghĩa thêm ở hình ảnh một quả nhân sâm rơi xuống đất liền biến mất vào đất, đến lúc hồi sinh thì quả nhân sâm liền trở về lại cây. Với con mắt hữu ngã (sinh diệt) thì bảo là quả nhân sâm đã mất, rồi phiền não, bực bội vì nó, và nghi oan cho Tôn Ngô Không trộm. Thực sự, Bồ Tát Quán Thế Âm đã cắt nghĩa cho thấy quả nhân sâm chỉ có hay mất dưới cái nhìn sinh diệt của ngã tướng; nhưng, nó là bất sinh bất diệt đối với thực tại như thật, và đối với cái nhìn Vô ngã; Quả nhân sâm từ trên không rơi chạm đất thì liền biến mất là ý nghĩa khi có mặt đủ âm, dương (đất trời) thì thật tướng biến mất (biểu tượng bằng hình ảnh biến mất của quả nhân sâm), nhưng khi có nước cam lồ của trí tuệ Vô ngã rưới vào thì thực tướng xuất hiện (như hình ảnh quả nhân sâm sau khi biến mất lại tái hiện trên cành).

- Tác giả Ngô Thừa Ân muốn giới thiệu cái nhìn Vô ngã này với xã hội Trung Hoa, muốn đưa cái nhìn ấy vào nền văn hóa, giáo dục Trung Hoa để hồi sinh cho nền văn hóa này vốn thường ở trong điều kiện hầu như khủng hoảng. Cái nhìn Vô ngã đi vào một nền văn hóa Vô ngã. Nền văn hóa mới này đến không xáo trộn nền văn hóa cũ, và không phải đến từ nền văn hóa ấy. Nó phát sinh từ trong lòng cuộc sống đang trôi chảy và chuyển hóa cái nhìn nhị nguyên thành cái nhìn Vô ngã về dòng sống đang trôi chảy. Việc xiển dương nền văn hóa, giáo dục này nếu được gọi là cách mạng văn hóa giáo dục, thì cũng không đúng; nhưng nếu không được gọi là cuộc cách mạng văn hóa giáo dục, thì cũng không đúng. Ở đây, chúng ta tạm gọi là

một cuộc cải tổ văn hóa, giáo dục theo tinh thần Phật giáo dưới cái nhìn của Ngô Thừa Ân.

Sau khi cây nhân sâm được hồi sinh, Trần Nguyên Tử, các Phước, Lộc, Thọ tinh, Bồ Tát và phái đoàn Tây du đã hoan hỷ đề huề trong bữa tiệc gọi là hội “Nhân sâm quả”. Trần Nguyên Tử lại mở thêm một bữa tiệc riêng để làm lễ kết nghĩa huynh đệ với Tôn Ngộ Không. Kết nghĩa huynh đệ với Tôn Ngộ Không là tế nhị nói lên rằng: Trần Nguyên Tử được xếp vào hàng đệ tử Bồ Tát Quán Thế Âm (vốn Trần Nguyên Tử là tổ của Địa tiên). Sự kiện này nói lên rằng nền văn hóa, giáo dục Vô ngã của Phật giáo sẽ hòa nhập, hay đi song hành, với nền văn hóa giáo dục tại bản xứ, nơi Phật giáo đặt chân đến. Nền văn hóa giáo dục Phật giáo có khả năng sẽ làm thăng hoa hội sinh nền văn hóa giáo dục cũ.

Tưởng chúng ta cũng cần đề tâm suy gẫm đến câu chuyện cây nhân sâm này. chúng ta có cảm tưởng rằng cảm hứng của Ngô Thừa Ân đã bật khởi mạnh mẽ như thế nào về sự nghiệp Tây du và hóa đạo của Đường Tăng, thì cảm hứng của ông cũng bật khởi mạnh mẽ như thế ấy khi dựng nên hình ảnh cây nhân sâm bật gốc và cây nhân sâm hồi sinh.

---o0o---

Hồi thứ 27, 28, 29, 30 và 31

Hồi 27: “Thây ma ba lượt trên Tam Tạng

Đường Tăng giận đuổi Mỹ Hầu Vương”

Hồi 28: “Núi Hoa Quả lũ yêu hợp nghĩa

Rừng Hắc Tùng Tam Tạng gặp ma”

Hồi 29: “Thoát nạn Giang Lưu về đất nước

Đội ơn Bát Giới chuyển sơn lâm”

Hồi 30: “Tà ma phạm chánh đạo

Tiểu Long nhớ Ngộ Không”

Hồi 31: “Bát Giới lấy nghĩa khích Hành Giả

Ngộ Không dùng trí phục Ma Vương”

I. Tư tưởng Phật học

- Hồi 27 đã được bàn đến ở phần Tổng luận. Tại đây, một số điểm sẽ được bàn thêm.

Đường Tăng suốt cuộc hành trình thì chỉ một chiều trang nghiêm giữ gìn giới tướng, một lòng giữ chặt điều nhân, chỉ tu giới và tu phước mà thiếu hẳn đôi mắt trí tuệ để phân biệt thật, giả, thiếu hẳn đôi mắt của Thánh hữu học để nhận ra các tướng ma quỷ trá hình. Do vì thiếu tuệ nhãn mà Đường Tăng không biết nghe theo Tôn Ngộ Không, lại nghe tiếng nói đồ kỵ, hiểm khích và thiếu trí của Trư Bát Giới, nên vướng ngay vào các thảm họa của các ma nạn:

* Ba lần Ngộ Không đánh chết Bạch cốt tinh là ba lần bị Đường Tăng quở la và niệm chú “khẩn cô nhi” để hành hạ. Lần cuối thì Đường Tăng viết giấy dứt tình thầy trò dù Tôn Ngộ Không đã cạy lời phân tỏ. Ngộ Thừa Ân đã rất thiện xảo dựng nên cảnh “Bạch cốt phu nhân” để giới thiệu sâu sắc giáo lý Phật giáo: Từ bi, Trí tuệ và Bồ Tát hạnh.

- Từ bi của Phật giáo, như đã bàn, đi đôi với trí tuệ và cần được trí tuệ soi tỏ. Từ bi mà tách rời khỏi trí tuệ thì không còn ý nghĩa từ bi; bấy giờ nó trở thành tương phản với từ bi của Phật giáo.

- Hạnh Bồ Tát, theo Phật giáo, là hạnh biểu hiện ba sức mạnh chính: trí tuệ là linh hồn; thiền định là sức mạnh; và từ bi là sắc thái đặc thù, là sứ mệnh độ sinh. Đường Tăng thì thiếu mất sức mạnh của định lực và của trí tuệ Vô ngã. Vì thế, thảm kịch trong công phu giải thoát xảy ra. Đây là hiểm họa trên đường về giải thoát mà Tôn giả Tu Bồ Đề gọi là họa “bi phong” thổi mạnh làm tan rã công phu giải thoát của hành giả, và đã căn dặn Tôn Ngộ Không cẩn thận đề phòng! Biên cố cắt đứt thâm tình sư đệ này đã làm tan rã phái đoàn Tây du và làm lạnh buốt cơ thể giải thoát của phái đoàn. Sau khi Tôn Ngộ Không rời phái đoàn, phái đoàn đã kéo lê những bước đi thất thủ, mệt mỏi, thê lương! Tại đây, Ngộ Thừa Ân đã giới thiệu mạnh mẽ với người đời rằng: không có một hạnh tu nào của Phật giáo, hay không có một công phu giải thoát nào của Phật giáo mà vắng mặt trí tuệ cả. Hễ ánh sáng đi thì bóng

tối đến. Nếu vắng mặt Tôn Ngộ Không thì ma “Bạch cốt phu nhân” xuất hiện hãm hại. Ma bạch cốt là biểu tượng của cõi vô minh, âm u của tham, sân, si và quyền thuộc của tham, sân, si.

- Qua hồi 27 đầy bi kịch này, Ngô Thừa Ân cũng nói lên sự thật theo giáo lý nhà Phật rằng: chân lý chỉ có mặt trong trí tuệ giải thoát mà không có mặt trong thiên định, giới luật và lòng nhân đạo, như phái đoàn Tây du chỉ có Tôn Ngộ Không thấy rõ chánh, tà, chân, ngụy, còn Đường Tăng, Sa Ngộ Tĩnh và Trư Ngộ Năng thì không; vì thế mà trí tuệ Ba La Mật là giải thoát tối hậu, và chỉ có trí tuệ này mới thể nhập thực tướng của các pháp theo chân lý Nam, Bắc truyền.

- Ở hồi tiếp theo, hồi 28, tác giả đưa Đường Tăng, Ngộ Năng và Ngộ Tĩnh sa vào nạn thiên ma ở rừng Hắc Tùng để cảnh giác Đường Tăng, Ngộ Năng và Ngộ Tĩnh, vừa như để trừng phạt, cảnh cáo kẻ tu hành thiếu trí, và trừng phạt cách xử sự “hồ đồ” của Đường Tăng và Bát Giới.

- Tác giả để cho ma vương ở rừng Hắc Tùng biến Đường Tăng thành con hồ cũng với dụng ý ấy. Đến cuối hồi 28 này thì Tôn Ngộ Không chiếm lại đạo tình đã mất trong phái đoàn.

- Theo kinh tạng Phật giáo thì chỉ có người trí mới biết ca ngợi ngôi Tam Bảo; chỉ có người trí mới phê phán đúng các việc làm của người trí, do vậy việc hàng phục tà của Tôn Ngộ Không không được Đường Tăng, Trư Ngộ Năng và Sa Ngộ Tĩnh hiểu đúng để rồi xảy ra các hiềm khích, ngộ nhận.

---o0o---

II. Quan niệm về con người

- Có một vấn đề giáo dục hiện đại mà Ngô Thừa Ân đã đặt ra suốt tập truyện, đặc biệt là trong các hồi từ 27 đến 31, là giáo dục con người thể hiện sự hòa điệu trong tự thân mỗi người: thế nào để điều hòa giữa tim và óc (tử bi và trí tuệ), giữa lý trí, tình cảm, dục vọng và ý chí của con người, như sự hòa điệu giữa các thành viên của phái đoàn Tây du. Khi nào có mặt sự hòa điệu thì cá nhân ổn định, sáng suốt, an lạc và hạnh phúc. Khi nào tâm thức bất hòa điệu thì tâm lý rối loạn, thiếu sáng suốt và phiền não, khổ đau. Cũng thế, cần có sự thể hiện hòa điệu giữa cá nhân mình và các cá nhân khác trong một tập thể. Khi nào sự hòa điệu trong tập thể được thể hiện, thì tương giao của tập thể trở nên xấu đi, mất đoàn kết, và các cá thể trong tập thể cảm thấy bất an. Đây là điểm giáo dục tâm lý rất người và rất thiết thực.

Lý trí và tình cảm, đạo đức và dục vọng thường hay chống trái nhau. giáo dục là giúp con người nhận thức sự thật chống trái ấy và thể hiện quân bình tâm thức theo sự soi sáng của lý trí. Cái nhìn và thái độ sống của Đường Tăng thì khác với cái nhìn và thái độ sống của Tôn Ngộ Không; cái nhìn và thái độ sống của Bát Giới cũng khác như thế. Nghệ thuật sống phải là nghệ thuật thể hiện hòa điệu tâm lý. Đây là nghĩa sống lớn và thực của con người.

- Nghĩa sống của tương giao cũng quan trọng. Nghĩa sống ấy là tình người chân thật, sự hiểu biết nhau, sự thông cảm nhau, sự chấp nhận, tin tưởng nhau, và sự tôn trọng nhau. Nếu đầy đủ các yếu tố vừa kể thì đã không xảy ra cảnh ngộ nhận đây bi kịch giữa Đường Tăng và Tôn Ngộ Không, giữa Bát Giới và Tôn Ngộ Không như ở hồi Tôn Ngộ Không đánh chết Bạch cốt tinh.

---o0o---

III. Quan niệm về xã hội

- Sức mạnh của tập thể là sự hợp quần. Sức mạnh ấy được phát triển nếu được hướng dẫn bởi tiếng nói trí tuệ. Nếu thiếu sự hợp quần thì tập thể sẽ tan rã, và nếu sự hợp quần không được thực hiện bởi trí tuệ thì tập thể cũng lâm nguy. Đây là những gì Ngô Thừa Ân muốn nói ở hồi 27 và 28 (Bạch cốt tinh và rừng Hắc Tùng).

- Tiếng nói trí tuệ thiện xảo của tập thể cần được truyền đạt một cách thiện xảo thì mới có tác dụng sâu rộng trong quần chúng. Nếu tiếng nói trí tuệ đó thiếu sự hỗ trợ của kỹ thuật truyền đạt thì tập thể vẫn có thể rơi vào những khó khăn đáng kể làm suy yếu sức mạnh hợp quần như thái độ nói năng và ngôn ngữ diễn đạt của Tôn Ngộ Không thiếu tế nhị, thiếu khéo cơ đã gây ra những cú “sốc” tâm lý ở Đường Tăng và Bát Giới dẫn đến hậu quả tai hại là Đường Tăng cắt đứt nghĩa thầy trò với Tôn Ngộ Không. Tôn Ngộ Không cần tỉnh ngộ về hậu quả này mới có thể diễn xuất thiện xảo vai trò của mình.

- Ngoài yếu tố trí tuệ, sức mạnh hợp quần còn cần đến tình người như hình ảnh biểu tượng Bát Giới lấy nghĩa sư đệ để khích Tôn Ngộ Không lên đường cứu thầy, và cần đến lý tưởng như chất keo gắn bó, như hình ảnh Bát Giới nhắc đến Bồ Tát Quán Thế Âm để khích Tôn Ngộ Không “tái xuất giang hồ”.

Tại đây, Ngô Thừa Ân muốn nói rằng: con đường văn hóa giáo dục mới là cần thiết mà những kỹ thuật vận dụng để thực hiện vào đời còn cần thiết hơn.

---o0o---

Hồi thứ 32, 33, 34 và 35

Hồi 32: “Núi Bình Đỉnh, cây tào truyền tín

Động Liên Hoa, Bát Giới gặp tai”

Hồi 33: “Ngoại đạo làm mê tính thực

Nguyên thần đến giúp lòng ngay”

Hồi 34: “Ma Vương mưu giỏi khôn Hầu Vương

Đại Thánh khéo lừa lấy bửu bối”

Hồi 35: “Ngoại đạo ra oai lừa kẻ thẳng

Ngộ Không được báu phục tà ma”

I. Tư tưởng Phật học

- Sau phân tu tập cũng cố từ bi kết hợp với trí tuệ là phân đề cập đến vấn đề Giới tu tập với Tuệ. Giới mà tách rời hẳn Tuệ thì giải thoát bị tù hãm ngay, như Bát Giới đi tuần một mình ở núi Bình Đỉnh liền bị thiên ma Ngân Giốc và Kim Giốc cầm tù tại động Liên Hoa.

Ngân Giốc và Kim Giốc vốn là hai tiểu đồng của Thái Thượng Lão Quân do Bồ Tát Quán Thế Âm chủ ý mượn để dựng lên cảnh nạn ở động Liên Hoa để củng cố công phu tu tập của hành giả, của phái đoàn thỉnh kinh.

Các bửu bối đều là các sức mạnh rút ra từ đầu nguồn của thế giới nhị nguyên. Qua được cảnh nạn này là hành giả có kinh nghiệm tu tập để thắng

vượt một số trói buộc của Tam giới. Tại đây, đúng như giáo lý Phật giáo, tác giả Ngô Thừa Ân xác định vai trò của giới chỉ để chế ngự các hành động của thân và khẩu, và chỉ chế ngự được dục ái mà khó qua được ý nghiệp với nhiều sức mạnh cản trở thuộc thể giới của hữu ái và vô hữu ái (của các cõi Trời sắc và Vô sắc). Định cũng thế. Với các tâm sắc giới thanh cao, thì khả năng của định chưa sâu cũng khó tránh sự đả thương chấp thủ chúng, như Ngô Tịnh dễ dàng bị Ngân Giốc và Kim Giốc cầm giữ. Ở đây chỉ có sức mạnh của trí tuệ Vô ngã là có thể chiến thắng, nếu trí tuệ đó đi đôi với đại định và thanh tịnh giới. Nếu giới yếu và định yếu thì hành giả sẽ rơi ngay vào cảnh nạn trên đường về giải thoát, như trường hợp của phái đoàn Tây du tại núi Bình Đỉnh này.

- Nếu trí tuệ thiền quán Vô ngã chưa sâu thì sẽ không quán sát rõ khía cạnh nguy hiểm, trói buộc của các tâm Sắc giới và Vô sắc giới, như Tôn Hành Giả tại núi Bình Đỉnh không hiểu cách sử dụng của sợi dây vàng và đã bị Ngân Giốc niệm chú dùng dây vàng trói Hành giả, và dùng hồ lô thu Hành giả. Nếu người tu có tu tập thiền định thấy rõ được khía cạnh nguy hiểm của các thiền tâm, thì công phu thiền quán Vô ngã sẽ thấy rõ con đường xuất ly khỏi trói buộc của các thiền tâm, như Tôn Hành Giả sau khi bị trói và bị nhốt kín vào hồ lô đã tự kiếm được lối ra và đi đến chiến thắng Kim Giốc và Ngân Giốc.

---o0o---

II. Quan niệm về con người

- Trong nội dung để giáo dục con người phát triển toàn diện có phần quan trọng về giáo dục đạo đức. Nếu giáo dục chỉ chú trọng đến đạo đức mà không dựa vào cơ sở lý trí và trí tuệ - nghĩa là nội dung đạo đức không phù hợp với thực tế con người và thực tế xã hội, lịch sử - thì đó là một nền giáo dục bất toàn, khập khễnh cần được cứu nguy, hệt như Bát Giới (biểu tượng cho giáo dục, kỷ luật, luân lý, đạo đức) đi một mình đến động Liên Hoa thì bị lâm nguy cần được Tôn Hành Giả cứu.

- Có một số vấn đề nội dung giáo dục đức và trí cũng tạo ra một bộ mặt con người nhất thời có giá trị, mà thực ra là kìm hãm sự phát triển nhân cách toàn diện của con người, tù hãm con người. Đó là nội dung giáo dục sản phẩm của tư duy hữu ngã (nhị nguyên) đầy ước lệ như các khuôn mẫu trung, hiếu, tiết, nghĩa..., và cả giá trị học thuật rất từ chương. Nền văn hóa giáo dục ấy vẫn có khả năng thu hút đông đảo quần chúng, mê hoặc lòng người, nhưng thiếu hẳn giá trị sự thật khách quan của cuộc đời và giá trị nhân bản

đích thực. Giá trị của nền văn hóa, giáo dục ấy cần được xét lại. Nói rõ ra, nền văn hóa, giáo dục của xã hội phong kiến Trung Hoa được biểu tượng qua hình ảnh Kim Giốc và Ngân Giốc (biểu trưng cho lưỡng nghi) và năm bửu bối (biểu trưng cho ngũ hành) đã bị đánh bại bởi nền văn hóa, giáo dục nhân bản và trí tuệ của Phật giáo (được biểu tượng bằng hình ảnh Tôn Hành Giả).

Bồ Tát Quán Thế Âm đã mượn năm bửu bối của Thái Thượng Lão Quân và hai tiểu đồng để giàn cảnh vây hãm Tôn Ngộ Không ở động Liên Hoa. Cuộc đọ sức này đã xác định ở đây rằng Tôn Ngộ Không ở động Liên Hoa. Cuộc đọ sức này đã xác định ở đây rằng Tôn Ngộ Không đã thắng điểm tuyệt đối (thật sự là đã Knock-out) Ngân Giốc và Kim Giốc. Không phải Bồ Tát Quán Thế Âm thiếu người và bửu bối mà phải mượn người và bửu bối của Thái Thượng Lão Quân, mà Bồ Tát muốn để cho người đời, và cả Tôn Ngộ Không thấy rõ giá trị của nền văn hóa, giáo dục của Phật giáo (đại diện là Tôn Ngộ Không do Tôn giả Tu Bồ Đề chỉ dạy) ưu việt hơn nền văn hóa giáo dục của Nho giáo (đại diện là 2 đên tử và năm bửu bối của Thái Thượng Lão Quân). Điểm ưu việt thứ nhất là về giá trị nhân bản: con người có khả năng bên trong mỗi người có thể tự vận dụng để giải quyết các vấn đề khó khăn trong cuộc sống. Tự tin và tự lực mà không phải đánh mất mình bằng sự dựa vào sức mạnh bên ngoài (ngược lại Kim và Ngân giốc dựa vào bửu bối), không để bất cứ sức mạnh nào ở ngoài giới quyết định sinh mệnh mình hay sinh mệnh xã hội mình. Điểm ưu việt thứ hai là giá trị về Vô ngã tùy duyên rất thiện xảo, thoát ngoài sự trói buộc của các giá trị cố định của nền văn hóa, giáo dục ước lệ đương thời của Trung Hoa.

Ngô Thừa Ân đã khéo lồng tâm sự và hoài bão của mình vào tron bốn hồi tiểu thuyết này, và muốn xã hội Trung Hoa chú ý đến mẫu người văn hóa và giáo dục Tôn Ngộ Không được đào tạo từ núi Linh Đài Phương Thôn (thuộc Linh Thứu sơn, Lô Âm tự), động Tà Nguyệt Tam Tinh (chữ Tâm) và có kinh nghiệm về Giới và Định ngang mức độ bấy giờ tại động Liên Hoa.

---o0o---

III. Quan niệm về xã hội

- Song song với công tác văn hóa và giáo dục để giáo dục con người là công tác xây dựng và phát triển xã hội.

- Ở hồi từ 27 đến 31, Tôn Ngộ Không do thiếu tinh tế về mặt vận động tâm trí (trí phương tiện) đã tạo ra sự chia rẽ làm tan rã hàng ngũ. Tại đây, Tôn

Ngô Không đã thức tỉnh, không quá ý lại vào sức mạnh của trí tuệ Vô ngã của mình, nên đã khéo vận dụng tâm lý Đường Tăng và Trư Ngô Năng tạo nên sức mạnh hợp quần trước khi tiến vào mặt trận xây dựng và phát triển xã hội.

- Tại đây, sau khi có sức mạnh hợp quần, và sau khi sức mạnh của kỷ luật và trí tuệ của tập thể được nâng cao, tập thể còn cần đi từng bước tổ chức khéo léo và hợp lý hợp tình như Tôn Ngô Không đã khéo léo khắc chế được năm bửu bối, Ngân Giốc, Kim Giốc và các yêu động Liên Hoa.

Đây là vài điểm cần nắm vững trong toàn bộ kế hoạch xây dựng một nền văn hóa giáo dục mới tại một xã hội cũ đầy thành kiến, định kiến sai lầm về con người và xã hội.

---o0o---

Hồi thứ 36, 37, 38 và 39

Hồi 36: “Tâm Viên đứng dẫn thẳng cơ duyên

Trừ bỏ đạo tà lòn ánh sáng”

Hồi 37: “Vua quỷ đương đêm cầu trưởng lão

Ngô Không hóa phép dẫn Hải nhi”

Hồi 38: “Trẻ thơ hỏi mẹ hay tà chính

Kim Mộc thăm dò rõ thực, hư”

Hồi 39: “Một hạt kim đơn xin thượng giới

Ba năm vua cũ về dương gian”

I. Tư tưởng Phật học

- Ở hồi 39, trong đoạn đối thoại giữa Bồ Tát Văn Thù và Tôn Hành Giả về thuyết nhân quả của Phật giáo, tác giả Ngô Thừa Ân đã hơi gượng ép trình bày ra thuyết “tiền định” của Nho giáo không phù hợp với nhân quả Phật giáo - không biết có do sự xen kẽ của các người sao chép đời sau không?! - Tuy thế, cũng không hẳn là hoàn toàn xa nhân quả Phật giáo. thuyết “Tiền định” nói: “Nhất ẩm nhất trác giai do tiền định” vẫn có nét na ná với nhân quả Phật giáo, loại định nghiệp.

- Về điểm tác giả trình bày cung Đâu Suất ở tầng trời Tam Thập Tam, thật ra trời Tam Thập Tam là cõi trời thứ hai của Dục Giới thiên, còn Đâu Suất là cõi trời thứ tư của Dục Giới thiên. Đây là một điểm khuyết khuyết nhỏ khác.

- Cũng ở hồi 36, tác giả cho biết rõ thêm rằng: người tu tập giải thoát, hành Bồ Tát hạnh không phải ở đâu trong bất cứ trường hợp nào, việc biểu lộ lòng nhân ái, ôn hòa cũng đúng. Đối với hạng căn cơ như vị Tăng quan chi sự uy quyền mà xem thường tu sĩ thì phải vận dụng tinh thần “tùy duyên nhi bất biến”, phải thị uy như Tôn Ngô Không đã ra uy mới nhiếp phục được.

- Câu chuyện con sư tử của Bồ Tát Văn Thù xuống trần gian theo chỉ thị của Đức Phật là để khai sáng thêm cho phái đoàn Tây du. Điểm trí tuệ được khai sáng ấy nhắc nhở Tôn Ngô Không biết cần phải truyền đạt rõ ràng giáo lý nhà Phật hầu quần chúng có một chánh kiến, chánh tư duy dẫn đến chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng chánh tinh tấn, chánh niệm và chánh định. đây là trí tuệ về nhân quả minh bạch đề cao các hành động thiện và trừng phạt các hành động ác (như câu chuyện của vua nước Ô Kê, hồi 37 và 38); và trí tuệ nhìn thấy rõ giá trị thực của mỗi hành động của mỗi người; giá trị ấy nằm ở cái thật tâm tác động lên hành động, mà không phải là cái tướng trạng biểu hiện ở bên ngoài của hành động, như hình ảnh vua Ô-Kê thật và vua Ô-Kê giả, Đường Tăng thật và Đường Tăng giả. Về tâm đại từ, đại bi cũng thế, luôn luôn ở về phía Giới, Định, Tuệ (có mặt trong Giới, Định, Tuệ hay an trú trong Giới, Định, Tuệ), như Đường tăng thật chỉ có Ngô Không, Ngô Năng và Ngô Tịnh kết hợp mới nhận ra. Vua Ô-Kê giả dù có có pháp thuật biến hóa ra một Đường Tăng giống hệt về thân hành, khẩu hành thì chân tướng của tâm (ý hành) cũng không thể nào giấu được cái hư giả của nó (vì không biết niệm chân ngộ “khẩn cô nhi”). Mọi thiện nghiệp, ác nghiệp ở đời đều căn cứ vào ý hành mà thẩm định giá trị, như chỉ có hoàng hậu thật của vua Ô-Kê mới có thể nhận ra vua Ô-Kê nào thật hay là giả.

---o0o---

II. Quan niệm về con người

- Trong vấn đề giáo dục con người, cần có kỹ thuật giáo dục cho phù hợp với từng loại tâm lý, tính tình. Kỹ thuật giáo dục này áp dụng linh động cho từng trường hợp cho từng cá nhân khác nhau. với vị Tăng quan (hồi 36) chỉ sợ quyền lực thì cần ra uy để nhiếp. Với vị này, ngôn ngữ và thái độ lịch nhã của Đường Tăng không đem lại hiệu quả; có khi còn phản tác dụng.

- Giá trị của hành động đạo đức của con người xã hội cần dựa vào tâm chủ động tác động trên hành động để đánh giá, như phải dựa vào cái tâm cái tình của vua Ô-Kê thật để phân biệt vua Ô-Kê nào là thật, vua Ô-Kê nào là giả, Đường Tăng nào là thật, Đường Tăng nào là giả. Nếu tiêu chuẩn giá trị của giải thoát là lòng đại bi và Giới, Định, Tuệ thì tiêu chuẩn giá trị đạo đức của xã hội phải dựa vào cái tâm thiện, chân thật vì lợi ích, an lạc, hạnh phúc của số đông, như phải dựa vào tấm chân tình của hoàng hậu Ô-Kê để phân biệt vua Ô-Kê thật, giả.

- Cơ sở của đạo đức hay thiện, ác của con người cần dựa vào luật tắc tự nhiên của nhân quả, nghiệp báo: điều thiện là điều phải làm, cần làm cho mình và người vì nó sẽ đem lại an lạc, hạnh phúc cho mình và người trong hiện tại và tương lai. điều ác thì ngược lại. Hành động đạo đức phải là hành động phát xuất từ tâm tự nguyện của mỗi người và từ chính nhận thức và ý chí muốn làm của người ấy, mà không phải vì bị áp đặt hay vì nhân danh một thế lực nào từ bên ngoài. Đây là hướng đạo đức nhân bản, theo đó, các quy ước về hiếu, trung, tình, nghĩa, đễ... của văn hóa Trung Hoa đương thời cần được xét lại giá trị.

---o0o---

III. Quan niệm về xã hội

- Các giá trị đạo đức, luật pháp của một xã hội cần được thiết lập lại theo hướng văn hóa giáo dục nhân bản và trí tuệ. Theo đó tinh thần trách nhiệm cá nhân được đề cao làm cơ sở để thi hành luật pháp nghiêm minh. Thiếu tinh thần trách nhiệm cá nhân thì luật pháp sẽ không có cơ sở vững chắc để thi hành, xã hội sẽ đại loạn. Cần cai trị bằng luật pháp mà không phải bằng uy quyền của nhà vua, hay bằng hình phạt do nhà vua tùy tiện đặt ra để củng cố ngai vàng. Tinh thần trách nhiệm này nằm gọn trong giáo lý nhân quả, nghiệp báo của Phật giáo.

- Giáo lý nhân quả nghiệp báo được soi sáng bằng trí tuệ Vô ngã sẽ là cơ sở đạo đức cho con người và xã hội. Con người có thể trốn chạy pháp luật để đi vào các hành động sai lầm gây xáo trộn các tổ chức xã hội, nhưng con người không thể chạy trốn lương tâm mình, không thể trốn khỏi sự thật nhân quả. Giáo lý nhân quả, nghiệp báo vì vậy sẽ hữu hiệu hướng dẫn con người vào đời sống lương thiện vì lợi ích của bản thân, và sẽ giúp xã hội gìn giữ công bằng, thi hành luật pháp nghiêm minh.

Biểu hiện của các hành động và kết quả việc làm của con người trong xã hội là quan trọng, nhưng thực chất giá trị của hành động vẫn nằm trong cái tâm thiện, đạo đức (được trí tuệ soi sáng) chủ động hành động. Giá trị sống này sẽ là nhân tố dựng nên một nền văn hóa giáo dục nhân bản và thiết thực - như vừa đề cập ở phần quan niệm về con người. Nhà lãnh đạo xứ sở cần được chính danh: có đủ tài, đức và tinh thần trách nhiệm, như là Tôn Ngộ Không đã đưa vua Ô-Kê thật trở về lại ngai báu. Nhà lãnh đạo có xứng đáng thì các cộng sự mới xứng đáng tương xứng, nhân dân mới sống hiền thiện và có nơi nương tựa tốt đẹp và vững chắc. Nhân dân an cư lạc nghiệp thì xã hội mới hưng thịnh. Phải chăng đây là tâm sự, thao thức về một xã hội Trung Hoa tốt đẹp của Ngô Thừa Ân đã được lồng vào các hồi truyện 36, 37, 38 và 39?

Tư tưởng Phật học và các quan niệm về nhân sinh và xã hội của Ngô Thừa Ân biểu hiện qua Tây Du Ký
(bàn từng hồi truyện)

---o0o---

Hồi thứ 40, 41, 42

Hồi 40: “Trẻ thơ bõn cột lòng thuyền rớt

Vượn múa đao về, mọt mẩu trở”

Hồi 41: “Đại Thánh lửa đốt trại

Bát Giới ma bắt đi”

Hồi 42: “Đại Thánh ân cần cầu Bồ Tát

Quan Âm từ thiện trời Hồng Hải”

I. Tư tưởng Phật học

- Trên đường giải thoát, sau khi được qua dục ái và chế ngự được cái thân hành và khẩu hành, hành giả lại trải qua các ải sắc ái, các trời buộc của các thiên tâm trong các cảnh giới thiên định. càng đi xa, các trở ngại càng lớn và càng nguy hiểm, nếu thiếu chánh niệm tỉnh giác và thiếu định lực. Tại hồi 40, 41 và 42, phái đoàn Tây du lại mắc nạn Hồng Hải Nhi với pháp thuật “tam muội hỏa” là lửa thiên định, phát sinh từ thiên định của ngoại đạo (ma giới). Lửa tam muội của Hồng Hải Nhi là biểu tượng cho lửa tham ái, chấp thủ mạnh mẽ, thật mạnh mẽ. Chiến thắng được lửa này phải có định sâu và tuệ mạnh. Bây giờ Đường Tăng và Bát Giới bị hãm đã đành, mà Tôn Ngộ Không cũng bị lửa đốt suýt bị hại do vì định chưa sâu và tuệ chưa thâm. Do vậy phải nhờ Bồ Tát Quán Thế Âm để cầu cứu nạn là mỗi lần Tôn Ngộ Không học hỏi thêm được một bài học giải thoát, tăng trưởng định và tuệ giải thoát. Tại hồi 42 này, Bồ Tát đã rất kín đáo dạy cho Tôn Ngộ Không cái diệu dụng của thế giới Vô ngã ấy qua hình ảnh ném chiếc tịnh bình xuống bể để thu vào nước của bốn bể và các sông, hồ v.v... Hình ảnh biểu tượng ấy nói lên sự thật của thật tướng vô tướng: một nhiếp tất cả, tất cả nhiếp vào một; một nhiếp cả pháp giới, pháp giới nhiếp vào một; tất cả là tương dung tương nhiếp và vô ngại. Chỉ có nước của thật tướng đó mới có năng lực dập tắt “tam muội hỏa” kia.

- Hồng Hải Nhi thì có định sâu, có trí linh lợi, nhưng lại sa vào tà kiến và dục ý mạnh. Phải có trí tuệ Vô ngã thâm huyền của Bồ Tát Quán Thế Âm mới chuyển hóa được Hồng Hải thành Phật tử Thiện Tài để vào sâu giải thoát, hầu cạnh Bồ Tát. Cũng thế, hành giả hành thiên định có định lực cao thì cần hành thiên quán Duyên sinh Vô ngã mới có thể đi vào tâm giải thoát và tuệ giải thoát (toàn phần giải thoát).

---o0o---

II. Quan niệm về con người

- Hình ảnh biểu tượng quý Hồng Hải Nhi hóa hiện một trẻ em bị treo trên cành để đánh lừa Đường Tăng hầu hãm Đường Tăng đã che mắt được Đường Tăng, Ngộ Năng và Ngộ Tịnh. Chỉ có Ngộ Không là thấy rõ quý tướng của Hồng Hải Nhi, nhưng lại không thuyết phục được phái đoàn Tây

du. Kết cục Hồng Hải Nhi đã bắt được Đường Tăng vào động Hỏa Vân. Tại đây, Ngô Thừa Ân đã đặt vấn đề giá trị đạo đức của nền văn hóa giáo dục nhân bản với xã hội phong kiến Trung Hoa rằng:

a/ Cái giá trị nhân ái đạo đức có tính cách công thức rất ước lệ và hình hức của nền văn hóa cũ (tiêu biểu là hình thức nhân ái, đạo đức của Đường Tăng) cần được xét lại giữa đời sống xã hội có lắm biến động và đầy dẫy những âm mưu ác hại của tà phái. Nhân ái, đạo đức cần được biểu hiện đúng chỗ, đúng thời và đúng người mới thực sự có ý nghĩa là nhân ái, đạo đức. Nhân ái, đạo đức đòi hỏi có mặt trí tuệ, được chỉ đạo, hướng dẫn bởi trí tuệ. Nếu thiếu trí tuệ thì hành động nhân ái, đạo đức chỉ gây tổn hại mình và người sẽ không thể được chấp nhận là nhân ái, đạo đức đúng nghĩa là hành động đem lại an lạc, hạnh phúc cho mình và người.

b/ Tương tự, sự dối gạt cũng có hai giá trị khác nhau: sự dối gạt để hại người và để thỏa mãn dục vọng, sân hận của mình là bất thiện, tà đạo, như sự dối gạt của Hồng Hải Nhi. Sự dối gạt để cứu người, cứu đời là thiện là chánh giáo, như sự dối gạt của Tôn Ngộ Không được vận dụng vì mục tiêu cứu sự phụ phái đoàn Tây du để cứu vớt dân Đông độ.

Không thể khẳng định mọi hành vi dối gạt là phi đạo đức theo giá trị ước lệ của xã hội cũ, nêu sự dối gạt là cần thiết, đầy trí tuệ, là đạo đức. Đây là quan niệm mới mẽ về giá trị, đạo đức đáng được thay thế các quan niệm về đạo đức của nền văn hóa Nho giáo cũ.

Nếu bạn bực bội về hành vi dối gạt của Hồng Hải Nhi, hay hành vi cứu người một cách mù quáng của Đường Tăng, thì bạn sẽ bực bội như thế về các giá trị ước lệ về đạo đức của nền văn hóa Nho gia. Nếu bạn hoan hỷ trước hành vi tẩn lờ trong việc cứu Hồng Hải, thì bạn sẽ hoan hỷ như thế về nền văn hóa nhân bản của trí tuệ.

---o0o---

III. Quan niệm về xã hội

- Sự kiện Hồng Hải Nhi khéo dối gạt Đường Tăng, dối gạt lòng tốt, gợi ý về một bài học về việc tìm hiểu các hiện tượng xã hội. Bài học ấy là nhà xã hội học, hay người có trách nhiệm đối với xã hội, chỉ khi nào hiểu rõ nguyên nhân chính của một hiện tượng thì mới hiểu rõ hiện tượng ấy và thấy rõ con đường phát triển (nếu là hiện tượng tốt) hay dập tắt (nếu là hiện tượng xấu).

Các cuộc điều nghiên vội vàng, hơi hợt về các hiện tượng xã hội sẽ dẫn đến các sai lầm đáng tiếc. Đường Tăng là một trường hợp điển hình về cái nhìn xã hội thiếu trí tuệ, rơi vào bẫy gạt của trẻ Hồng Hải.

- Hiện tượng Hồng Hải Nhi nói rõ rằng: một xã hội có đường hướng, chính sách tốt cần được thực hiện bởi những trái tim và khối óc tốt như Tôn Ngộ Không - sáng suốt, vị tha - mà không phải bởi những con người đầy dục vọng, vị kỷ như Hồng Hải Nhi.

- Những người có khả năng mà thiếu tấm lòng tốt thì hầu như có nhiều trong xã hội con người, các nhà lãnh đạo xứ sở của nền văn hóa mới cần quan tâm đối phó hay thu phục.

- Các mục tiêu tốt cần được thực hiện bằng các phương tiện tốt tương xứng, như mục tiêu thịnh kinh để cứu dân Đông độ cần được phái đoàn Tây du thực hiện qua một cuộc viễn trình đầy gian khổ, kiên trì, quyết tâm và hiền thiện, mà không phải qua dục vọng, vị kỷ như Hồng Hải Nhi muốn ăn thịt Đường Tăng để được trường sinh.

- Công cuộc xây dựng nền văn hóa giáo dục mới cần được tính toán kỹ, dự phòng những khó khăn trong từng bước thực hiện để khắc phục, như Thế Tôn đã trước cho Bồ Tát Quán Thế Âm năm bửu bối mà hai trong số bửu bối ấy là để hàng phục Hồng Hải Nhi. Nếu chờ xúc sự mới ứng phó thì khó vượt qua các bất trắc.

Ngô Thừa Ân đã rất tinh tế trình bày tư duy của tác giả qua từng ma nạn. Chúng ta hãy tiếp tục theo dõi những gì Ngô Thừa Ân muốn nói về việc xây dựng con người và xã hội.

---o0o---

Hồi thứ 43

Hồi : “Ma sông Hắc Thủ lừa sư bắt

Rồng bể Tây Dương tróc quái về”

I. Tư tưởng Phật học

- Các nạn gây trở ngại giải thoát cho người tu hành đều phát sinh từ dục ái, hữu ái và vô hữu ái. Có thể nói các nạn ấy phát sinh từ vô minh, chấp thủ các ngã tướng. Theo Phật giáo, tất cả các ma nạn đều xảy ra từ thế giới hữu vi, hữu tướng, từ sự chấp thủ năng và sở.

Nói theo ngôn ngữ đạo Nho, các khổ nạn đều sinh ra từ âm dương, ngũ hành biểu hiện qua nhiều cấp độ và tướng trạng khác nhau. Như nạn Bạch cốt tinh thì sinh ra từ Thổ (xương thuộc thổ), hồi 27; nạn Hoàng bào tại rừng Hắc Tùng do Khuê Mộc Lang tinh gây ra, đó là nạn sinh ra từ Mộc, hồi 28, 29, 30; nạn ở động Liên Hoa và Ngân và Kim Giốc tạo là nạn sinh từ Kim, hồi 32 - 36; nạn Hồng Hải Nhi tại động Hỏa Vân, là nạn sinh từ Hỏa, hồi 40 - 42; nạn tại sông Hắc Thủy là nạn sinh từ Thủy, hồi 49. Riêng hai nạn sinh ra từ Hỏa, Thủy thì có thể gọi là nạn sinh từ âm, dương. Tại đây, chúng ta hiểu rằng nền văn hóa âm dương, ngũ hành đã là các ngăn ngại sự phát triển nền văn hóa Vô ngã. Ngô Thừa Ân đã đưa phái đoàn Tây du vượt qua các nạn kể trên là muốn xác định rằng tư tưởng Phật có giá trị nhân sinh và xã hội vượt lên trên giá trị của đạo Nho, phải chăng như thế?

- Con sông, trong giáo lý nhà Phật thường được biểu tượng cho sông ái, sông mê. Với công phu giải thoát đến hồi 43 này thì sông ái chỉ có thể hiểu là chỉ cho sắc ái, lòng ham muốn tồn tại ở ngoài Dục giới của ngũ dục lạc. Chính lòng ham muốn hiện hữu này khiến hành giả kẹt vào các thiên cảnh (từ sơ thiên đến tứ thiên) như bị kẹt vào Hỏa Vân động và Hắc Thủy hà. Để tự mình ra khỏi nạn đó, hành giả cần hành thiền quán Vô ngã, phát khởi mạnh trí tuệ Vô ngã như là phái đoàn Tây du bấy giờ cần đến Tôn Ngộ Không mới hàng phục được quái ở Hắc Thủy hà (Hắc Thủy hà còn là hình ảnh biểu tượng cho các ái tùy miên đang chìm sâu trong tâm thức; nó sẽ trôi dậy khi có duyên và sẽ nhận chìm hành giả, hết như quái Hắc Thủy hà đã nhận chìm Đường Tăng và Trư Bát Giới. Nếu nạn Hắc Thủy là nạn do tập khí nghiệp, do các tùy miên, thì nạn Hỏa Vân là do dục vọng bốc cháy nơi các căn và các trần)

---o0o---

II. Quan niệm về con người

- Khi nền văn hóa, giáo dục mới được giới thiệu sâu rộng đến quần chúng thì quần chúng sẽ phân ra làm hai nhóm:

1. Nhóm ủng hộ: nhóm này bao gồm nhiều nhân cách:

a/ Nhân cách lý tưởng có đủ trí tuệ, ý chí và tấm lòng như nhân vật Tôn Hành Giả.

b/ Nhân cách tốt có quyết tâm và có lòng tốt nhưng non trí tuệ như nhân vật Sa Ngộ Tĩnh.

c/ Nhân cách có tấm lòng, nhưng thiếu trí và thiếu quyết tâm như nhân vật Trư Ngộ Năng.

d/ Nhân cách nhân ái, có lòng và có quyết tâm cao nhưng thiếu trí tuệ như Đường Tăng.

2. Nhóm phản kháng

a/ Thành phần có danh vọng lớn (triều đình) có quyền lợi gắn liền với triều đình và thành phần “ăn theo”.

b/ Thành phần bảo thủ nền văn hóa cũ do có định kiến xã hội như Thiên triều, Thiên tiên và Địa tiên.

c/ Thành phần vị kỷ, sống dựa vào các thế lực lãnh đạo cũ, như trường hợp quái Hắc Thủy.

d/ Thành phần hung ác như các ma, quỷ.

Người cán bộ của nền văn hóa mới cần nhận rõ các nhóm quần chúng để vận dụng thành công công cuộc xây dựng và phát triển nền văn hóa mới.

- Trong trách nhiệm giáo dục, xã hội nhân cách mới, người hướng dẫn cần vạch rõ cho quần chúng biết các vương ngại của tự thân, gồm:

* Các tập quán nhận thức và hành động cũ biểu hiện ra bên ngoài đời sống xã hội như là các kháng lực đối với đời sống xã hội và tương giao xã hội.

* Các tập quán nhận thức, hành động và tình cảm đã ăn sâu vào tâm thức. Các tập quán này có thể ảnh hưởng tới quá trình xây dựng nền văn hóa mới. Hình ảnh quỷ sông Hắc Thủy với cung điện nằm sâu dưới lòng nước đen đã nhận chìm một nửa phái đoàn Tây du là biểu tượng của các nghĩa vừa được trình bày.

Hơn ai hết, cán bộ nòng cốt của nền văn hóa mới như Tôn Ngô Không cần ý thức sâu sắc nghĩa biểu tượng của hồi 43 này để hành động cần trọng và hiệu quả.

---o0o---

III. Quan niệm về xã hội

Về mặt xã hội, tương tự về mặt nhân sinh, đối với nền văn hóa giáo dục mới cũng có thể có những phản kháng bốc cháy ở bên ngoài (như nạn Hồng Hải Nhi) hay những kháng lực ngầm ngấm khó thấy đầy sức mạnh như nạn sông Hắc Thủy. Những người làm văn hóa mới cần đối phó với cả hai sức mạnh phản kháng này. mỗi sức mạnh gây ra một nguy hiểm. Ngô Thừa Ân để lại tập truyện Tây Du Ký như bản di chúc văn hóa cho hậu lai thực hiện qua nhiều thế hệ tiếp nối. Công tác văn hóa bao giờ cũng đòi hỏi thời gian dài như thời gian thực hiện giải thoát của mỗi cá nhân vậy.

---o0o---

Hồi thứ 44, 45 và 46

Hồi : “Thần thông phép vận đùn xe nặng

Yêu quỷ tâm trù vượt công cao”

Hồi : Quán Tam Thanh Đại Thánh lưu danh“

Nước xa trị Hầu Vương hóa phép”

Hồi : “Ngoại đạo cậy tài lừa phép chính

Ngô Không hiển thánh giết yêu ma”

I. Tư tưởng Phật học

- Đến hồi 44, 45 và 46 thì Tôn Hành Giả tương đối đã đủ Định lực và Tuệ lực (tiêu biểu cho Định và Tuệ của phái đoàn Tây du vượt qua các pháp thuật của Đạo gia và Nho gia, vượt qua các chạm bẫy của âm dương và ngũ

hành, nên đã dễ dàng thắng ba con quỷ Hổ lực, Lộc lực và Dương lực với các thần thuật của chúng.

- Tác giả Ngô Thừa Ân đã đánh giá rất cao giá trị giải thoát sinh tử khổ đau của Giới, Định, Tuệ (trong khi các pháp thuật của Đạo gia và Nho gia thì không thể đi vào cõi sống chân thật của giải thoát) nên đã dựng nên cảnh Quán Tam Thanh để cho ba đạo gia Hổ Lộc và Dương lạy cầu uống nước tiểu của Ngô Không, Ngô Năng và Ngô Tịnh. Lại dựng nên cảnh thi thố tài năng giữa Tôn Ngô Không và ba đạo gia để làm lộ rõ cái bản tướng đầy dục vọng, dối trá và vị kỷ của họ. Tác giả, qua toàn truyện, hầu như đã lập lại việc đối chiếu nhiều giá trị này dưới nhiều dạng thức khác nhau.

- Giữa thần thông của Ngô Không và pháp thuật của các đạo gia cũng khác nhau từ cơ bản:

* Thần thông của Tôn Ngô Không thì phát sinh từ ý lực, từ công phu tu tập loại trừ vọng niệm; còn pháp thuật của các đạo gia thì sinh từ dục vọng.

* Thần thông của Tôn Ngô Không thì từ Định và Tuệ Vô ngã mà khởi; còn pháp thuật của các đạo gia thì từ tâm chấp thủ ngã tướng mà nên.

* Thần thông của Tôn Ngô Không thì thị hiện để hàng phục tà để cứu nhân, độ thế; còn pháp thuật của đạo gia thì phô trương để nuôi tà ý hại chúng sinh.

* Thần thông của Tôn Ngô Không thì biến hóa vô cùng; còn pháp thuật của các đạo gia thì thi triển giới hạn. Đây cũng là sắc thái khác nhau của hai nền văn hóa Tây Trúc và Đông Độ.

- Các thần thông mà Tôn Ngô Không biểu hiện là biểu tượng của tâm thức giải thoát, tự tại (dù chưa toàn phần) của người tu đã giác ngộ sâu sắc sự thật Vô ngã, Vô dục.

---o0o---

II. Quan niệm về con người

- Con người là hiện thân của tà và chánh của tự chủ và tha hóa, của vị kỷ và vị tha, của thiện và ác. v.v... Hai thế lực của tâm thức ấy luôn dằng co trong mỗi người. Chúng cũng cùng có mặt và tranh chấp nhau ở ngoài xã hội. Ở đâu có mặt chánh đạo, ở đó có mặt tà giáo, ở đâu có chính nhân quân tử, ở

đó cũng có mặt du nhĩn, tiểu nhĩn, và ngược lại. Giáo dục của con người hoàn thiện là giúp con người phát triển nhóm thiện và nhân bản, và loại trừ nhóm ác và ly thể.

Hướng thiện và nhân bản là hướng phát triển các tâm lý vị tha, nhân ái, hành động vì lợi ích của tha nhân, tập thể; hướng chấp ngã, vị kỷ, hành động vì tự lợi hết như khuôn mẫu hành động của Tôn Ngô Không (thiện) và ba đạo sĩ bất nhân (ác).

- Giá trị của con người và nghĩa sống của con người luôn luôn xây dựng trên sự thật và lợi ích an lạc của tự thân và của số đông, hết như phái đoàn Tây du luôn luôn vì sự giải thoát của tự thân và vì lợi ích, an lạc của nhân dân ở Đông Độ.

- Kết quả tốt của một hành động gọi là đạo đức chưa đủ để đánh giá đúng hành động ấy. Giá trị đạo đức của hành động chủ yếu căn cứ vào động cơ của hành động hay gọi là căn cứ vào sự dụng tâm hành động. Ngô Thừa Ân đã phơi bày rõ quan niệm mình về hành động đạo đức qua ba nhân vật Hồ lực, Lộc lực và Dương lực: ba đạo sĩ này đã dùng pháp thuật làm mưa cứu mùa màng cho nhân dân ở địa phương, nhưng không phải làm vì thương dân, giúp nước, mà vì thủ đoạn muốn chiếm lòng vua để thoán đoạt ngôi báu. Các đạo sĩ đã tàn ác nhúng tay vào việc hành hạ hai ngàn tu sĩ Phật giáo hiền đức đến nỗi có đến hơn nửa số tu sĩ đó đã chết vì đói, rét.

- Ngược lại, sau khi trừ xong ba đạo sĩ, Tôn Ngô Không đã khuyên nhà vua đối xử tốt cả tam giáo (Thích, Lão, Nho), mà không đối xử kỳ thị.

- Trí tuệ phải hướng dẫn hành động đạo đức, nếu thiếu trí tuệ thì dù có lòng nhân, hành động cũng có thể gieo rắc khổ đau, tai họa. Hành động như vậy không thể gọi là đạo đức đúng nghĩa nếu thiếu trí tuệ.

Ngô Thừa Ân nói rõ ý này qua hình ảnh nhà vua trong hồi 44, 45 và 46, đã vô trí tin dùng ba đạo sĩ hung ác suýt làm khổ dân và đánh mất ngôi báu, nếu không có Tôn Ngô Không cứu nguy.

---o0o---

III. Quan niệm về xã hội.

Bên cạnh các lực lượng phản kháng công khai và ngấm ngấm còn có các cá nhân và tổ chức vì tham vọng cá nhân riêng tư làm trở ngại công cuộc xây

dựng nền văn hóa mới. Thành phần trở ngại này ẩn giấu dưới nhiều bộ mặt khác nhau gá vào các thế lực lớn của xã hội cũ như trường hợp ba đạo sĩ nuôi dưỡng tham vọng cá nhân dưới trướng nhà vua. Lực lượng phục vụ nền văn hóa mới cần quan tâm để đối phó, thế nào để thực hiện đoàn kết dân tộc đi đôi với cải tổ, như Tôn Ngộ Không đã khuyên nhà vua đối xử tốt và bình đẳng đối với các tu sĩ và các đạo sĩ.

- Ở ba hồi tiểu thuyết này, Ngô Thừa Ân đã gián tiếp phơi bày các yếu điểm của chế độ phong kiến, nguy hiểm cho xứ sở, nhất là khi quyền quyết định quốc gia nằm trong tay một người thiếu sáng suốt và thiếu lòng nhân như nhà vua hôn mê ở đây đã để cho ba tay đạo sĩ ác ôn thao túng, lộng hành phá hư phép nước.

---o0o---

Hồi thứ 47, 48 và 49

Hồi 47: “Thánh Tăng đem vương sông thiên thủy

Hành giả làm ơn cứu Tiểu đồng”

Hồi 48: “Ma nội hàn phong sa tuyết lớn

Sư cần bái Phật giã băng dày”

Hồi 49: “Chìm đáy sông, Đường Tăng gặp nạn

Hiện làm cá Bồ Tát trừ tai”

I. Tư tưởng Phật học

-Ở hồi 49, Ngô Thừa Ân viết:

“Thổ là mẹ ngũ hành, thủy là nguồn của ngũ hành; không có thổ, không sinh; không có thủy, không lớn”.

Tòa nhà của quý Linh Cảm Đại vương ở Thông Thiên Hà có tên là “Thủy Nguyên” là biểu tượng cho gốc của ngũ hành, nuôi dưỡng ngũ hành. ngũ

hành phối hợp với âm dương mà hình thành vũ trụ, thế giới hữu vi, nên cảnh giới của ngũ hành thông Tam giới và được gọi là Thông Thiên Hà.

Muốn đoạn trừ được gốc trường dưỡng của Tam giới (hay ngũ hành) thì trí tuệ không thì chưa đủ, mà cần có định sâu hỗ trợ. Tuệ cần nương định để lặn sâu vào tâm thức, hành giả mới hoàn toàn chế ngự ngũ hành. Tại đây, Tôn Hành Giả thiếu định lực sâu nên khó được tòa nhà của Linh Cảm Đại Vương, phải nhờ đến đại tuệ và đại định lực sâu nên khó phá được tòa nhà của Linh Cảm Đại Vương, phải nhờ đến đại tuệ và đại định của Bồ Tát Quán Thế Âm. Qua khỏi nạn này là phái đoàn Tây du chế ngự được ngũ hành. Ngũ hành nay chỉ ở trạng thái tùy miên, đang chờ đợi đi đến đoạn diệt.

- Bồ Tát Quán Thế Âm thu về con cá vàng Linh Cảm Đại Vương cho tiếp tục tu tập trong ao sen ở Nam Hải là biểu tượng nói lên tinh thần chuyển hóa của Phật giáo; chuyển hóa cuộc đời dang là thành cảnh giới giải thoát, chuyển hóa các tâm hữu lậu thành vô lậu, chuyển hóa sự giác tỉnh (được biểu trưng bằng con cá vàng, vì nó luôn luôn mở mắt dù thức hay ngủ) phàm phu thành sự giác tỉnh của bậc Thánh như việc con cá vàng đến ao Dao Trì từ Thông Thiên Hà.

---o0o---

II. Quan niệm về con người

- Công cuộc cải tổ về văn hóa giáo dục cần được thực hiện song hành hai mặt; mặt nhận thức chủ quan của con người và mặt xã hội khách quan. Giá trị nhân bản, nhân ái, trí tuệ và giá trị liên hệ phát sinh từ nhận thức trí tuệ và nhân bản, không đã được đông đảo quần chúng nhận rõ và chấp nhận, cần được bảo vệ. Cái sức mạnh võ lực, vật chất có thể cướp đi giá trị ấy ở quần chúng, nếu sức mạnh kia đe dọa sinh mệnh của quần chúng, như Trần Lão là người tốt, biết cúng dường, bố thí, thương yêu con cháu mà phải hiến đồng nữ Nhất Xứng Kim và đồng nam Trần Quang Bảo cho quý Linh Cảm Đại Vương. Lực lượng cải tổ còn cần phải tạo một môi trường sống của xã hội thế nào để các giá trị nhân bản được nở hoa kết trái trong quần chúng.

- Thế hệ tiếp thu nền văn hóa mới tốt nhất là thế hệ các đồng nam, đồng nữ chưa bị hằn sâu vào tâm các giá trị của nền văn hóa cũ. Đây là thế hệ lý tưởng để truyền đạt văn hóa mới. Tác giả Ngô Thừa Ân đã rất quan tâm đến thế hệ này nên đã để Tôn Ngộ Không và Ngộ Năng đánh dẹp quý Thông Thiên Hà, cũng như ở một hồi ma nạn về sau phái đoàn Tây du còn trừ ma để cứu mấy trăm trẻ em trong hoàng thành.

- Về nhận thức mới, văn hóa giáo dục mới có thể giới thiệu đến quần chúng một nhận thức đúng đắn về quan niệm sống mới, nhưng ngay cả khi nhận thức này được hình thành thì chỉ mới hiện diện ở bề mặt ý thức, chưa thấm sâu vào tâm thức, rất dễ bị các tập quán cũ làm đổ vỡ, như lớp băng hà mới chỉ đông ở ngoài. Cần biến các nhận thức mới chuyển hiện hành nếp sống mới, và nếp sống mới cần được xây dựng vững chắc, bền bỉ hầu tránh nạn “Thông Thiên Hà”, những thế lực tà vạy cũ và mới sẽ cấu kết nhau với nhân danh bảo vệ truyền thống để làm sụp đổ các giá trị mới, như quý Linh Cảm Đại Vương và quý Bà-bà cấu kết hại Đường Tăng.

---o0o---

III. Quan niệm về xã hội

- Nền văn hóa Nho giáo là nền văn hóa cổ của Trung Hoa cho đến thời đại Ngô Thừa Ân ở thế kỷ XVI đã trở thành một nếp văn hóa có truyền thống lâu dài. Các giá trị của nền văn hóa đó đối với nhân dân Trung Hoa đã khoác thêm tính chất thiêng liêng của hồn sông núi. Thật rất khó khăn cho các nhà cải cách văn hóa trong việc giới thiệu các giá trị của nền văn hóa giáo dục mới. Làm thế nào để có thể làm băng lạnh vùng văn hóa cũ mênh mông ấy dù là ở mùa đông của lịch sử? Ngô Thừa Ân đã ý thức được điều đó, nhưng tại sao lại còn mong muốn dựng nên bộ tiểu thuyết Tây Du Ký? Đây là vấn đề mà ngày nay chúng ta cần phân tích kỹ. Có lẽ Ngô Thừa Ân đã dựa vào các cơ sở sau đây để giới thiệu một cuộc cải tổ văn hóa cũ:

1. Tất cả mọi hiện hữu ở trần gian đều có tuổi thọ của nó, nhất là các hiện hữu được sinh từ âm dương, ngũ hành. Nền văn hóa cũ của Trung Hoa cũng vậy; khi lịch sử đã cho thấy nền văn hóa cũ không còn đảm trách được vai trò lịch sử nữa, thì nó phải được gạt bỏ khỏi trong.

2. Nền văn hóa Vô ngã, nhân bản và trí tuệ một mặt đáp ứng được các yêu cầu mới của lịch sử, một mặt thật sự có khả năng loại bỏ những mặt bảo thủ lỗi thời.

3. Nền văn hóa mới này lại vừa có khả năng giúp con người phát triển mạnh hơn tiềm năng của cá nhân, xử sở và các tương giao xã hội nên tạo được một sức thu hút mạnh quần chúng, vừa có khả năng dung hợp, sống chung với những nhân tố tích cực của nền văn hóa cũ. Nền văn hóa mới của Phật giáo không gây xáo trộn hay đảo lộn nếp sống cũ, mà chỉ nhẹ nhàng đi vào hòa hợp với nếp sống cũ.

4. Cuộc cải tổ văn hóa giáo dục sẽ được thực hiện từng bước lâu dài trong nhận thức cá nhân và trong các cơ chế tổ chức xã hội, nên có thể bắt rễ sâu hơn và bền hơn vào lịch sử, và có thể tồn tại lâu dài song hành với trời, đất, bởi nó có cùng một sự thật với luật tắc tự nhiên của vạn hữu.

Tuy vậy, Ngô Thừa Ân vẫn dựng nên ma nạn Thông Thiên Hà để cảnh giác công cuộc cải tổ đề phòng mọi sức đề kháng, nhất là sức đề kháng của tập tục cũ mà Ngô Thừa Ân gọi là động Thủy Nguyên.

Nếu lực lượng cải tổ thực hiện song hành hai sức mạnh đại trí và đại bi thì sẽ thành công, hết như nhờ đến bàn tay của Bồ Tát Quán Thế Âm mới thu phục được con cá vàng Linh Cảm Đại Vương (con cá vàng này cũng có gốc từ ao Dao Trì ở Phật cảnh mà chỉ vì chưa đổi thay dự vọng, chưa rửa được lòng trần chấp ngã). Đây là một cảnh ma nạn rất quan trọng, rất nghiêm trọng, có thể nói là tối ưu thiêng liêng của con người. Đối với quần chúng, vì thế Ngô Thừa Ân đã xây dựng hình ảnh Bồ Tát rất vội vàng, khẩn cấp cứu nguy Đường Tăng đến nỗi không kịp choàng áo khoác ngoài như mọi khi - một việc rất hiếm xảy ra với Bồ Tát.

---o0o---

Hồi thứ 50,51 và 52

Hồi 50: “Tình rối, tính theo vì ái dục.

Thần mờ, tâm động gặp yêu ma”

Hồi 51: “Nghìn mưu Đại Thánh thành vô dụng

Nước, lửa không công khó gặp ma”

Hồi 52: “Ngộ Không làm nhện Kim Đầu động

Như Lai mách kín vị chủ nhân”

I. Tư tưởng Phật học

- Lúc phái đoàn Tây du đến vùng núi kim đầu, Tôn Ngộ Không đã biết là có yêu tà, đã can ngăn Đường Tăng đặt chân đến một tòa nhà lớn dưới chân núi mà nghi là do yêu tà biến hóa ra, và đã vạch một vòng an toàn chặn yêu tà

cho Đường Tăng, Ngô Năng, Ngô Tịnh và Tiểu Long mã. Tôn Ngộ Không phải đi xa xin cơm cho Đường Tăng. Ngô Năng lòng vốn chộn rộn không yên; Đường Tăng cũng thế; Ngô Năng lại khởi lên niệm đố kỵ Ngộ Không, dục Đường Tăng đến thẳng ngôi nhà quý mà khát thực. Độc Giốc quý vương đã bắt giam Đường Tăng, Ngô Năng, Ngô Tịnh và Tiểu Long mã. Đây là nạn nguy hiểm nhất kể từ ngày đầu lên đường thỉnh kinh..

Hồi 50 nói lên cái tâm động của Đường Tăng và của Ngô Năng: vừa dấy niệm phàm phu, vừa thiếu tuệ, thiếu tình, không biết nghe lời dặn của Ngộ Không (người đệ tử rất mực trung thành và rất trí tuệ). Tại đây Đường Tăng và Ngô Năng bộc lộ rõ ràng thái độ kỷ luật thiếu nghiêm túc, định lực yếu nghiêm túc, định lực yếu và hiếu lòng tin vào tiếng nói trí tuệ (Ngộ Không). Chính khuyết điểm này của tâm thức giải thoát đã mở ra ma nạn ở động Kim Đầu. Với trí tuệ đó, với định lực đó, và với tâm tình đó, hành giả sẽ không thể bước thêm được một bước giải thoát nào, nếu không nói có thể đánh chìm lý tưởng giải thoát. Vì thế Ngộ Thừa Ân đã đưa phái đoàn Tây du (trừ Ngộ Không) vào lao ngục của ác ma lúc bấy giờ.

- Tại động Kim Đầu này Tôn Ngộ Không đã chiến đấu vất vả hơn bao giờ, đã bị cướp mất cả khí giới, Tôn Ngộ Không đã cầu viện Lý Thiên Vương, Na Tra thái tử và cả thần sấm sét; tất cả đều bị ác ma tước mất khí giới. Cuối cùng Tôn Ngộ Không phải cầu cứu Đức Như Lai mách nước. Tất cả đều thất bại chỉ vì chiếc vòng Kim Cương mài của Giốc quý vương (ngoài chur Bồ Tát và Phật).

Cái vòng Kim Cương mài (hay Độc Giốc quý vương) là biểu tượng của Thái cực của đạo Nho, hay Đạo của Lão giáo. Với đạo Nho, Thái cực sinh ra Lưỡng nghi (âm dương); với đạo Lão, Đạo sinh nhất, nhất sinh nhị... Thái cực hay Đạo ấy mới thực sự là đầu nguồn của vũ trụ vạn hữu, đầu nguồn của thế giới nhị nguyên, của nền văn hóa nhị nguyên.

Đến hồi 49, phái đoàn Tây du nhờ đại định, đại tuệ và lòng đại bi của Bồ Tát Quán Thế Âm cứu giúp mới vượt qua được ma nạn âm dương và ngũ hành, nên hẳn tại đây, núi Kim Đầu, phái đoàn không thể vượt qua được Thái cực hay Đạo (nhất nguyên). Trí tuệ Vô ngã của Tôn Ngộ Không, dù đã được Bồ Tát Quán Thế Âm chỉ dạy cái dụng vô lượng của nó, cũng chưa thể thắng được Độc Giốc quý vương, dù không bị độc giốc hãm hại. Điều này nói lên rõ ràng trí tuệ Vô ngã của Ngộ Không chưa phát triển được diệu dụng vô biên của nó, do vì thiếu đại định, thiếu tâm giải thoát. Do vì thiếu tâm giải thoát nên phiền não, lậu hoặc còn ngăn che. Còn bị lậu hoặc ngăn che là còn

vướng vào tập khí chấp thủ các ngã tướng - Ở đây thì chấp vào tướng một, nhất nguyên, một sự chấp thủ tế nhị vào quả chứng đắc, nên phải bị bại trước Độc Giác quý vương là còn nhân duyên rơi vào vòng đối đãi của sinh tử. Cái vòng Kim Cương mài thu hết, khử hết các khí giới, các vật sinh từ âm dương, ngũ hành là biểu tượng của ý nghĩa đó.

Muốn thoát ly khỏi nạn Kim Đầu (Kim có nghĩa gốc của kim, mộc, thủy, hỏa, thổ; bởi đầu có nghĩa là cái mũ) thì hành giả phải nhờ định sâu vào thiền quán cho đến khi thấy rõ cái gốc ấy rồi thì liền thấy rõ con đường vĩnh viễn thoát ly sự trói buộc của âm dương, ngũ hành. Công phu giải thoát này Ngộ Không chưa chứng đạt, vì thế phải cầu Như Lai cứu.

Đức Phật cho 18 vị A-la-hán liệng 18 hạt “kim sa” để trắc nghiệm dò tìm gốc của chiếc Kim Cương mài và Độc Giác quý vương. Mười tám hạt “kim đơn sa” là tượng trưng cho 18 tâm tinh giác tinh Vô ngã để hàng phục 18 tâm ái (sáu căn, sáu trần và sáu thức). Khi 18 hạt kim đơn sa bị chiếc vòng Kim Cương mài thu hết thì sự kiện đó có nghĩa là chiếc vòng ấy là của Thái Thượng Lão Quân (bởi chỉ riêng Thái Thượng Lão Quân có chiếc vòng này). Chiếc vòng kim cương mài là biểu tượng của trí tuệ vượt ra khỏi nhị nguyên tính, có thể thoát ly, đoạn trừ các chấp thủ “nhị thủ” như Kim Cương có thể chặt đứt các vật thể khác. Tôn Ngộ Không chỉ thất bại trước chiếc vòng này, do vì chưa trừ hết tập khí chấp thủ.

Độc Giác là kẻ phạm phu nên bị chiếc quạt Bát Phong của Thái Thượng Lão Quân thu phục và thu lại chiếc vòng Kim Cương mài (còn phạm phu là còn vướng vào khen, chê, được, mất, thị, phi, danh vọng và lợi dưỡng).

- Khi biết nguồn gốc của chiếc vòng thì liền biết Độc Giác là gia nhân của Thái Thượng Lão Quân và việc hàng phục Độc Giác trở nên dễ dàng.

- Bài học giải thoát của phái đoàn Tây du ở đây là an trú vào chánh niệm Vô ngã, an trú vào Vô tướng tâm định mới thoát khỏi ma nạn; mới hàng phục được dục ái, hữu ái và vô hữu ái. An trú vào Vô tướng tâm định là ý nghĩa chiếc vòng mà Ngộ Không đã vạch cho Đường Tăng, Ngộ Năng, Ngộ Tịnh và Tiểu Long mã an trú. Phương chi Tôn Ngộ Không nói: “Chỉ vì không tin cái vòng của người khác, biết bao khổ sở! Than ôi!” (hồi 53)

II. Quan niệm về con người

- Khác với con người đi vào giải thoát, con người xã hội mãi sống với những khát vọng hạnh phúc trần gian. Khát vọng này đã nuôi dưỡng các ngã tưởng và nhìn thấy thế giới giá trị của nhị nguyên tính thiết thực hơn và gần gũi với mình hơn. Do vậy, ngay cả khi sống trong một xã hội dân chủ, hợp tình hợp lý nhất, thì cái ngã tưởng, ngã niệm ấy cũng tự động xây dựng thế giới giá trị của nhị nguyên tính trong tâm thức. Sự kiện này làm dấy khởi các tâm lý dao động khiến tâm lý đi khỏi thế giới giá trị của nền văn hóa giáo dục nhân bản và trí tuệ. Đi ra khỏi thế giới giá trị của vị tha, nhân bản và trí tuệ lấy nghĩa được Ngô Thừa Ân biểu tượng bằng sự đi ra khỏi cái vòng vẽ an toàn của Tôn Ngô Không. Đi ra khỏi cái vòng vẽ an toàn ấy là đi vào cái vòng Kim Cương mài đầy khổ lụy của Độc Giác quý vương.

- Khi tâm thức tự dẫn thân vào giá trị nhị nguyên của các ngã tưởng (như Đường Tăng tự bước vào ngôi nhà của Độc Giác) thì cái nền văn hóa giáo dục nhân bản và Vô ngã trở nên mất tác dụng ở bên ngoài xã hội, như Tôn Ngô Không hai lần bị Độc Giác cướp mất khí giới. Vấn đề chủ yếu của nền văn hóa mới là tạo nên một xã hội công bằng, nhân ái, hòa hợp và đoàn kết để con người có điều kiện sống thuận lợi thực hiện an lạc, hạnh phúc của tâm thức. Nếu bên trong của tâm thức đã nắm giữ cái nhân của phiền não, rồi ren (nhị nguyên tính) thì an lạc, giải thoát của cá nhân sẽ bị đánh mất. Rất khó đánh thức tâm thức cá nhân trong trường hợp này, bởi khi cá nhân thiếu tỉnh giác Vô ngã thì thế giới bên trong và bên ngoài trở thành của nhị nguyên, của vô thường và khổ đau. Bất giờ trí tuệ của cá nhân khó trỗi dậy, nếu công phu huấn luyện tâm yếu. Chỉ có một lối thoát duy nhất là hành sâu thiền quán Vô ngã để thấy rõ cái thật tướng Vô ngã của phiền não. Thấy như vậy là thấy tận đầu nguồn của phiền não, hữu vi. Như bài học Đức Phật đã chỉ dạy Tôn Ngô Không và phái đoàn Tây du qua sự mách nước chỉ rõ gốc gác của Độc Giác và chiếc vòng Kim Cương mài.

Tại đây, Ngô Thừa Ân nhấn mạnh đến vai trò giáo dục cá nhân và trách nhiệm cá nhân trong nền giáo dục cá nhân và trách nhiệm cá nhân trong nền văn hóa giáo dục mới, Mỗi người cần tự giác, tự nguyện nuôi dưỡng các giá trị nhân bản, hiện thực và trí tuệ cho mình, cho người và cho xã hội.

III. Quan niệm về xã hội

- Cái trở lực nguy hiểm hơn cả là ở chính lực lượng cải tổ văn hóa. Nếu lực lượng này chấp thủ các giá trị mới của nền văn hóa giáo dục mới, hay nghi ngận hàng ờ sự thật Vô ngã thì liền biến ngay lực lượng cải tổ ấy thành công bộc của nền văn hóa cũ, một xã hội phong kiến không có vua. Vị vua thực sự thống trị xã hội bấy giờ là tư duy hữu ngã mà Ngô Thừa Ân đã biểu trưng bằng Độc Giác quý vương thần thông quảng đại với chiếc vòng phép màu vô lượng, còn có sức mạnh tàn phá hơn cả Tề Thiên Đại Thánh thời kỳ đại náo Thiên cung. Đây là điểm tế nhị của con đường văn hóa giáo dục mới đặt trọng tâm vào con người và hạnh phúc của con người sống trong một xã hội hợp lý của nhân bản và trí tuệ.

Trong nền văn hóa mới này, các hành động cá nhân và tập thể lệch lạc là do nhận thức và tư duy sai lầm. Điểm quan trọng là cá nhân và tập thể luôn luôn trở về với nhận thức và tư duy đúng (ý nghĩa của sự việc Như Lai mách nước cho biết rõ cái gốc của quý vương Độc Giác). Đi ra khỏi nhận thức và tư duy ấy là đi ra khỏi quỹ đạo giá trị của nền văn hóa mới, và sẽ rơi vào quỹ đạo giá trị khác, như Đường Tăng, Ngô Năng và Ngô Tịnh đi ra khỏi cái vòng của Tôn Hành Giả để rơi vào sào huyệt của Độc Giác.

- Những cá nhân và tập thể không có nhận thức và tư duy đúng, hay có tà ý lợi dụng giá trị của nền văn hóa mới để thỏa mãn các ý đồ, dục vọng riêng đều đi vào các hành động sai lầm làm trở ngại bước phát triển của nền văn hóa mới. Hệt như sai lầm của Đường Tăng và sự lạm dụng chiếc vòng Kim Cương mài của Độc Giác, tạo nên cảnh can qua ở núi Kim Đầu. Những nhân, nghĩa, lễ, trí, tín, trung, hiếu được quần chúng thể hiện, nhưng là thể hiện qua một nhận thức mới và một thái độ sống mới, cởi mở, sinh động, đầy tính người, như nhận thức và thái độ sống của Tôn Ngô Không (mà thường bị ngộ nhận bởi Đường Tăng và Bát Giới do bị ràng buộc với các quan niệm giá trị cũ)

Mãi mãi con người xã hội vẫn cần đến thái độ sống nghiêm chỉnh (Giới), kiên trì (Định) và sáng suốt (Tuệ) để hành xử.

---o0o---

Hồi thứ 53, 54 và 55

Hồi 53: “Tam Tạng uống lầm mang thai ghen

Sa Tăng lấy nước phải thai ma”

Hồi 54: “Pháp tính sang Tây Qua nữ quốc

Tâm viên lập mẹo, thoát vòng tình”

Hồi 55: “Dâm tà bốn cột Đường Tam Tạng

Đứng đắn kiên trì chẳng hại thân”

I. Tư tưởng Phật học

- Về mặt đoạn trừ gốc ái, gốc của sinh tử luân hồi, người tu cần lần lượt đi từng bước chế ngự rồi loại trừ dục ái, hữu ái và vô minh hữu ái (như đã đề cập trong phần tông luận). Công phu tu tập giải thoát đến hồi 53 này dù với Trư Bát Giới (với lòng đăm mê sắc dục) cũng đã ổn định tâm giải thoát, giác tỉnh trước sắc đẹp tuyệt trần của nữ chúa Tây Lương. Lòng Trư Bát Giới yên là tâm của phái đoàn Tây du đã hoàn toàn ổn định về dục ái.

- Dù tâm ổn định về dục ái, thì cái gốc chủng tử dục ái chiêu tập qua nhiều đời sinh tử vẫn còn nằm sâu trong tâm thức người tu, nên cần phải trực cho sạch gốc rễ dục ái ấy. Ngô Thừa Ân diễn đạt tư tưởng Phật học ấy bằng sự nhờ làm uống phải nước kết thai trên dòng Tử mẫu của Đường Tăng và Bát Giới. Gốc của ái chỉ có Định và Tuệ sâu mới trực được, như phải nhờ đến Tôn Ngô Không và Ngô Tịnh cùng đến am Tụ Tiên để lấy nước Giải Dương trực thai. Dương đã gải thì âm không còn tồn tại để quấy rối. Từ đây, phái đoàn Tây du chỉ còn tập trung công phu vào việc cắt đứt hữu ái và vô hữu ái.

- Kết quả cắt lia dục ái đã được trải nghiệm qua nạn ma nữ tiếp theo ở am Tỳ Bà. Đường Tăng biểu tượng của tâm giải thoát và lý tưởng giải thoát, đã đứng vững trước các thủ đoạn quyến dụ của yêu nữ có sắc nước hương trời với lòng xuân mênh mang như bễ.

Bước giải thoát này thật đáng kể đối với hành giả sau khi vượt qua nhiều ma nạn!

II. Quan niệm về con người

- Trong nền văn hóa nhân bản, Vô ngã, con người gắn liền chặt chẽ với xã hội. Con người phục vụ cho mục tiêu hạnh phúc của bản thân đi đôi với lý tưởng phục vụ xã hội, mỗi thành viên xã hội cần được tôi luyện ý chí, tình cảm và trí tuệ như là sửa soạn cho một chiến sĩ lên đường vào nhiều mặt trận, nhiều chiến trường. Một trong các chiến trường phải chiến đấu là tình trường. Tình yêu là dung sắc nữ nhi thường làm yếu lòng chiến sĩ. Nước mắt nữ nhi có thể làm mềm gan chiến sĩ. Muốn thành nghiệp lớn, con người cần phải làm chủ tình cảm, nhất là trước các trang tuyệt sắc như nữ chúa Tây Lương hay nữ yêu động Tỳ-Bà

- Cần phân biệt rõ giữa tình cảm cao thượng và dục vọng, đam mê. Tình cảm nào nuôi dưỡng lý tưởng, an lạc, hạnh phúc của cá nhân và tập thể là tốt đẹp; tình cảm nào mà nhận chìm lý tưởng phục vụ nhân quần, làm tối tăm trí tuệ là xấu xa. Tình cảm hướng về vị tha là tốt đẹp; tình cảm đi vào vị kỷ, hưởng thụ thấp hèn. Nghĩa là sống một nhân cách cao thượng không phải đi tìm những cảm giác riêng tư, mà là mở hướng sống an vui cho cuộc đời. Đây cũng là một mặt trận trải dài từ nội tâm đến ngoại giới mãi làm máy động chiếc thiếc bồng của Tôn Hành Giả.

---o0o---

III. Quan niệm về xã hội

- Nền văn hóa bất ổn cũ có bốn tập quán trói buộc quần chúng, đó là: tập quán nhận thức sai lầm, tập quán của tâm hướng thiện mà sai lầm, tập quán tưởng sai lầm, và tập quán tình cảm sai lầm. Cho đến hồi 52, tác giả đề cập đến ba tập quán đầu vốn được văn hóa truyền thống nuôi dưỡng. Nay, hồi 53, 54, và 55, tác giả bàn đến tập quán tình cảm. Mạnh nhất của tập quán tình cảm là tình yêu nam nữ. Tình yêu đó có thể mở ra một hướng tình cảm tốt đi vào nhân ái, vị tha, nhưng cũng có thể mở ra một cánh cửa vị kỷ. Nếu là tình cảm vị tha thì cao thượng có thể xây dựng văn hóa nhân bản và trí tuệ được biểu tượng bằng hình ảnh Đường Tăng quên mình vì hạnh phúc của nhân dân Đông Độ. Nếu là tình cảm vị kỷ, giới hạn giữa đôi nam nữ thì sẽ dễ dàng cuốn trôi các giá trị vị tha của nền văn hóa mới, bởi lẽ lòng vị kỷ sẽ nuôi dưỡng tập quán chấp thủ tự ngã vốn là động cơ xây dựng nền văn hóa nhị nguyên với các giá trị đầy ước lệ và đầy nước mắt.

Ngô Thừa Ân tại đây đã xây dựng hình ảnh Đường Tăng đứng vững trong nền văn hóa vị tha, tách khỏi nữ vương và nữ quái.

- Con người nếu biết từ bỏ tình yêu vị kỷ thì sẽ đi vào tình yêu vị tha đẹp đẽ và hạnh phúc hơn. Từ bỏ tình yêu vị kỷ không phải là một sự hy sinh hay một cách sống thiếu thiết thực, mà là chọn lựa cách sống khôn ngoan của trí tuệ Vô ngã. Lòng vị tha càng lớn thì hạnh phúc càng chấp cánh bay xa. Đây là một sự thật (không phải là nói triết lý huyền đàm) Ngô Thừa Ân muốn hậu thế đi vào thực nghiệm. Khát vọng muôn thuở của con người vẫn là tìm kiếm hạnh phúc và lẫn tránh khổ đau, nên nền văn hóa mới của trí tuệ hẳn là nhằm mở rộng phương trời hạnh phúc cho đến Lôi Âm tự, cảnh giới của chân hạnh phúc.

Phái đoàn thịnh kinh của Đường Tăng là phái đoàn mở đầu cuộc thử nghiệm ấy cho dân Đông Độ, và đã thành công. Đây quả là nền văn hóa và văn minh được chọn lựa cho Đông Độ. Phải chăng thế giới hiện đại sau bao nhiêu thử nghiệm đang hướng về một nền văn minh “hậu hiện đại” của an lạc, hòa bình và thịnh vượng chung của nhân loại, một nền văn minh không chia lìa thiên nhiên và con người, không chia lìa con người và xã hội, không chia lìa tình và ý, không chia lìa tâm và vật, và không chia lìa các màu da chủng tộc trên toàn trái đất? Phải chăng cuộc đại náo của Tôn Ngộ Không đánh thức con người đi vào cuộc sống “tuy hai mà một” đã được Đức Phật chỉ dạy và được Bồ Tát Quán Thế Âm hướng dẫn?

---o0o---

Hồi thứ 56, 57 và 58

Hồi 56: “Diên hồn trừ giặc cỏ

Mê đạo đuổi Hầu Vương”

Hồi 57: “Hành Giả Thực, kẻ khổ núi Lạc Già

Hầu Vương giả, đọc văn Thủy Liêm động”

Hồi 58: “Hai lòng xáo trộn cả càn khôn

Một thế khó tu hành tịch diệt”

I. Tư tưởng Phật học

- Như đã đề cập nhiều lần ở các phần trước, tập khí nghiệp của chúng sinh đã huân qua nhiều kiếp nên khi đoạn xả nhiều lần. Tu tập là công phu huấn luyện tâm lý lập đi lập lại nhiều lần ở mỗi thành quả.

Tập khí nghi ngờ, chấp thủ các tướng (tướng từ, tướng thiện, tướng oai nghi.v.v...) và thỉnh thoảng sân hận, đố kỵ, hiểm khích còn nhiều trong Đường Tăng và Trư Ngô Năng; tập khí ấy tạo nên những xung khắc bất ổn lớn nhất là vụ Đường Tăng đuổi Tôn Ngô Không về núi Hoa Quả sau khi Tôn Ngô Không ba lần đánh chết “Bạch cốt phu nhân” (ma nữ), và nay, ở hồi 56, Đường Tăng lại quá giận Tôn Ngô Không, niệm chú “khẩn cô nhi” nhiều lần xua đuổi Tôn Ngô Không khỏi phái đoàn Tây du. Lần này Tôn Ngô Không sầu não không biết đi đâu, đã phải qua Nam Hải bộc bạch sự tình oan khuất với Bồ Tát Quán Thế Âm. Mỗi lần xung khắc là mỗi lần phái đoàn cảm nhận sự nguy hiểm của xung khắc và sự nguy hiểm thiếu vắng Tôn Ngô Không. Cảnh tình ấy có lẽ cần được lập lại nhiều lần mới giúp được phái đoàn Tây du giác tỉnh ra khỏi các tập khí kia. Hy vọng lần xung đột tối nguy hiểm này là xung đột cuối cùng trên đường đến Lô Âm tự .

Khi xung đột chìm lắng là khi biểu tượng sự điều hòa Giới, Định, Tuệ, điều hòa đại bi và đại trí, hành giả sẽ tiến nhanh đến giải thoát.

- Tại lần xung đột này, phái đoàn Tây du mắc vào các sai lầm sau đây:

* Đường Tăng mắc sai lầm nặng nhất như lời Tôn Ngô Không nhận xét, trình Bồ Tát Quán Thế Âm: “... vị sư trưởng bội nghĩa vong ơn, chỉ mê một tấm thiện duyên không xét đến cái khổ đen trắng” (tập 3, tr.202, sđd).

* Với sai lầm của Tôn Ngô Không, Bồ Tát Quán Thế Âm bảo: “Như nhà người đã có thần thông vô biên, cần gì phải giết nhiều giặc cỏ! Bọn chúng tuy là bất lương, kết cục vẫn thân người, không nên đánh chết... theo ta công bình mà luận, nhà ngươi là người bất thiện (sđd. tr. 203, tập 3)

* Về Trư Ngô Năng, thì như chúng ta đã biết, tâm tư nhỏ hẹp, trí tuệ nông cạn, hay đố kỵ, ganh ghét.

* Về Sa Ngô Tịnh, thì định lực chưa sâu nên tuệ cũng chưa tỏ, chưa có khả năng dàn hòa các xung đột; chưa thấy rõ lòng của Ngô Không.

Các sai lầm trên còn mắc phải là do hành giả chưa thực hành nhuần nhuyễn Giới, Định, Tuệ. Rơi vào ma nạn ở hồi 56, 57, và 59 là vì thế.

- Trong mỗi người tu hành luôn luôn xuất hiện hai con người trong từng bước đi giải thoát: một con người của thanh tịnh, vô trước vượt thắng đến giải thoát; một con người của tập khí sinh tử làm trí tuệ giải thoát.

Với Trư Ngô Năng, khi thì chân chất dễ cảm, khi thì càn dở khó coi.

Với Sa Ngô Tịnh, khi thì cảnh giác, khi thì nghi ngờ, bất định.

Với Đường Tăng, khi thì minh mẫn đầy đức cảm, khi thì u tối, cố chấp.

Với Tôn Ngô Không, khi thì xử sự tế nhị, khéo cơ, khi thì hành động vội vàng, nóng nảy.

Hai con người ấy trong ấy trong mỗi thành viên của phái đoàn Tây du cứ thay đổi chỗ nhau trên cuộc hành trình tâm thức khi tâm thức chưa đạt đến tâm giải thoát và tuệ giải thoát.

Cái hư tâm của tâm giữ giới thì dễ thấy; cái vọng niệm của thiền giả cũng dễ nhận; cái chấp của tâm Từ cũng dễ soi; nhưng cái thủ trước tế nhị của trí tuệ thì khó nhận, như sự kiện xuất hiện một Tôn Hành Giả đã làm náo loạn cả trời đất, chỉ có trí tuệ toàn giác của Như Lai mới biện rõ.

Tại đây Ngô Thừa Ân đã khéo léo dựng lên hai phái đoàn Tây du (một thật, một giả). Nếu người tu không phát hiện và tiêu trừ phái đoàn Tây du giả thì việc thỉnh kinh sẽ không thành tựu. Nếu vọng tâm chưa trừ sạch, thì chân tâm khó hiện. Có thể nói rằng hành trình là hành trình phá đổ hết thảy vọng tâm để chứng đạt chân tâm, điều này mà mở đầu kinh Kim Cang Bát Nhã Ba La Mật Tôn giả Tu Bồ Đề đã bạch hỏi Đức Phật: “làm thế nào để an trú chân tâm và hàng phục vọng tâm (vân hà ung trụ, vân hà hàng phục kỳ tâm?).

Câu trả lời cho câu hỏi ách yếu đó là cả một công phu tu tập lâu dài an trú tướng Vô ngã để loại trừ hết thảy ngã tướng (ngã tướng, nhơn tướng, chúng sinh tướng, thọ giả tướng, pháp tướng, phi pháp tướng, tướng và phi tướng). Vì thế Ngô Thừa Ân đã để cho chính tay Tôn Ngô Không thật đánh chết Tôn Ngô Không giả (Lục Nhĩ hầu) sau khi được Như Lai chỉ rõ gốc gác của Lục Nhĩ Hầu. Lục Nhĩ Hầu chết là nhân của sinh tử, phiền não diệt.

Từ đây, dù chưa đọc các hồi truyện kế tiếp, độc giả cũng có thể hình dung ra rằng: các xung đột trong phái đoàn Tây du sẽ lắng dịu, Đường Tăng càng ngày càng tin hiểu Tôn Ngộ Không; Trư Ngộ Năng càng ngày càng tuân phục Tôn Hành Giả. Độc giả cũng có thể hình dung ra các hồi truyện tiếp theo sẽ là những hồi đoạn trừ các lậu hoặc, rửa sạch các trần tâm, cắt đứt các kiết sử, khi phái đoàn trở thành một thể thống nhất.

Ba hồi truyện 56, 57 và 58 vừa giới thiệu cái nhìn của Phật giáo:

- Dưới cái nhìn không chấp thủ các tự ngã, các tướng thật sẽ hiện rõ.
- Dưới cái nhìn chấp thủ các tự ngã, cuộc đời hiện ra là hư vọng.

Cái thật và cái hư quện chặt vào nhau, chúng là sản phẩm của tâm thức mà không phải của cuộc đời. Vấn đề chuyển đổi cái nhìn, chuyển đổi tâm thức hay tu tập tâm và giải thoát tâm trở thành vấn đề trọng tâm của cuộc hành trình Tây du.

---o0o---

II. Quan niệm về con người

- Con người là hiện hữu rất phức tạp, đầy biến động. hiểu con người đã khó, giáo dục con người càng khó hơn. Nhưng phức tạp không có nghĩa là không thể hiểu được; khó giáo dục không có nghĩa là không thể giáo dục; khó giáo dục không có nghĩa là không thể giáo dục. Tìm hiểu đúng con người và giáo dục tốt con người là sứ mệnh của nền văn hóa, giáo dục mới như là sứ mệnh thịnh kinh của Đường Tăng cứu độ nhân dân Đông Độ.

- Nói đến con người là nói đến các biểu hiện trí tuệ, tình cảm, tâm lý, ý chí và hành động của con người. Các biểu hiện đó dù dưới hình thức, tướng trạng nào (thiện hay ác) cũng khoắc vào một trong hai giá trị: chánh hoặc tà, thực hay hư. Thực chánh hay thực tà chỉ có trí tuệ Vô ngã mới rọi ra bản tướng, hoặc chỉ có tự thân mới nhận ra động cơ của hành động của mình. Vì thế, nền văn hóa giáo dục nhân bản về trí tuệ sẽ cung cấp cho người đời một cái nhìn mới về giá trị và một sự đánh giá mới. Cái nhìn mới là cái nhìn Vô ngã, vị tha và nhân bản. Sự đánh giá mới là sự đánh giá thật khách quan, sự thành thật tự đánh giá mình, tự trách nhiệm, tự tín, tự giác và tự cải thiện mình, và nó được gọi là nền giáo dục nhân bản và trí tuệ.

Ngô Thừa Ân đã gián tiếp đặt vấn đề với thời đại, rằng:

- Chỉ có Tôn Hành Giả thật và Tôn Hành Giả mới thật sự biết mình là ai. (ngoại trừ Như Lai)

- Chỉ có Đường Tăng, Ngộ Năng, Ngộ Tĩnh và Ngộ Không mới xác định được Đường Tăng giả.

- Như đã được đề cập khi Đường Tăng giả xã hội, giá trị đạo đức của một hành động không thể được đánh giá chỉ qua sự biểu hiện của hành động, mà còn cần căn cứ vào động cơ của tâm hành động và hiệu quả của hành động. hành động biểu hiện giống nhau (như hai Tôn Ngộ Không) mà một là thật, một là giả. Điểm này là một tâm sự mà Ngộ Thừa Ân muốn đối thoại với hệ thống giá trị rất hình thức của đạo Nho đã gây ra nhiều rối rắm cho đời (xáo trộn cả căn khôn).

- Vấn đề sẽ trở nên tế nhị hơn, khó nhận hơn nếu từ mặt trí huệ mà nhìn. Hai hành động có chủ tâm hành động giống nhau, có biểu hiện hết nhau và đi đến kết quả ở mặt hiện tượng giới giống nhau nhằm đem lại lợi ích cho xã hội, nhưng vẫn chuyên chở hai giá trị khác nhau: một hành động chân thật, chánh kiến, một thời hư dối, tà kiến, như hình ảnh xuất hiện hai Tôn Hành Giả. Với Phật giáo, với nền văn hóa giáo dục mới, giá trị của hành động phụ thuộc và chánh kiến chấy tư duy và chánh niệm hay không phụ thuộc vào.

Nếu độc giả thiết tha với Tôn Hành Giả thật và phái đoàn Tây du thật, thì sẽ thiết tha với nền văn hóa giáo dục mới. Nếu độc giả không chấp nhận Lục Nhĩ Hầu với phái đoàn Tây du trá hình bằng pháp thuật của Lục Nhĩ Hầu, thì sẽ khó chấp nhận nền văn hóa pháp thuật của Đạo gia, và nền văn hóa hình thức ước lệ của Nha gia

---o0o---

III. Quan niệm về xã hội

- Tương tự như những gì vừa trình bày về quan niệm con người, quan niệm về xã hội cũng thế.

Một xã hội tốt, nhưng có thể chưa đáp ứng được yêu cầu nhân bản và trí tuệ của nền văn hóa mới.

Nếu xã hội ổn định dưới sự thống trị của một quyền lực phi dân chủ và phi nhân bản, thì không phải là xã hội của nền văn hóa mới.

Nếu xã hội ổn định trong guồng máy dân chủ và nhân bản thì vẫn chưa hẳn là xã hội của nền văn hóa mới, nếu xã hội đó vẫn được điều động bởi các tư duy hữu ngã, bởi sớm hay muộn xã hội đó sẽ rơi vào khủng hoảng tâm lý và xã hội. Một xã hội mới phải là dân chủ, nhân bản, nhân ái và trí tuệ (đặc biệt là trí tuệ) mới thật sự là xã hội tốt đẹp và ổn định lâu dài.

Để đi đến xã hội mong ước đó, con người cần phải trải nhiều công phu xây dựng, như phái đoàn Tây du phải trải qua nhiều cuộc phấn đấu.

---o0o---

Hồi thứ 59, 60 và 61

Hồi 59: “Tam Tạng bị nghiền tại Núi Hỏa Diệm

Hành Giả lần đầu lấy quạt ba tiêu”

Hồi 60: “Ma Vương ngừng đánh đi dự hao duyên

Hành giả hai lần lấy ba tiêu phiến”

Hồi 61: “Bát Giới giúp sức bại ma vương

Hành Giả lần thứ ba lấy quạt”

I. Tư tưởng Phật học

- Những sai lầm của phái đoàn Tây du từ trước cho đến hồi 58 đều do công phu giải thoát chưa nhiếp được “bát phong” (thị phi; được mất; khen, chê; danh vọng và lợi dưỡng), cả đến Tôn Ngộ Không cũng bị quạt “ba tiêu” của bà La-Sát quạt bay xa hơn hai vạn dặm (trong khi đó, với người khác có thể bị bay xa hơn hai vạn dặm (trong khi đó, với người khác có thể bị bay xa đến tám vạn bốn ngàn dặm). Nhờ “định phong đàn” của Như Lai, Tôn Ngộ Không mới đứng vững trước quạt “ba tiêu”. Tại hồi này, phái đoàn Tây du mới hàng phục được “bát phong”.

- Ba lần đoạt quạt “ba tiêu” mới ổn, điều này tựa như ba lần mới đánh chết được “Bạch cốt phu nhân” đã được trình bày về ý nghĩa biểu tượng.

- Hỏa Diệm sơn là biểu tượng của dục và sân (kiết sử thứ tư và thứ năm thuộc năm hạ phần kiết sử), Chỉ khi đoạt được “ba tiêu phiến”, nghĩa là khi đủ định và tuệ để chế ngự “bát phong” thì phái đoàn Tây du mới có khả năng để dập tắt dục và sân. Quả vị chứng đắc tại đây có thể là quả Thánh thứ ba (A-na-hàm), quả vị bất lai.

---o0o---

II. Quan niệm về con người

- Có một số vấn đề vấn đề rất người, rất xã hội và rất trí tuệ được đặt ra về nhân cách con người và giá trị của nhân cách con người trong nền văn hóa mới:

a/ Mọi người (nam hay nữ) đều có tự do quyết định đời sống của mình, nhưng tự do ấy cần được giới hạn trong tương quan với tha nhân, tập thể và xã hội. Trường hợp Ngưu Ma Vương có vợ chính là bà La Sát vừa nhan sắc vừa đức hạnh, lại mê sống với nữ hồ ly khác giàu có mà thiếu đức hạnh nên đã được Ngô Thừa Ân quan tâm để cho Trư Bát Giới đánh chết nữ hồ ly và đốt sạch hang động của bà. Ngô Thừa Ân muốn đề cao chế độ một vợ chồng để bảo vệ phẩm chất con người, nhất là người phụ nữ. Đây cũng là một vấn đề tác giả đang đối thoại với nền văn hóa cũ của Trung Hoa chấp nhận đa thê và trọng nam khinh nữ.

b/ Nhân cách con người sẽ cao quý hơn và tâm hồn sẽ an lạc, hạnh phúc hơn nếu con người sống tự chủ làm chủ được “bát phong”. Ở nghĩa tương đối của đối với đời sống xã hội, chỉ đòi hỏi con người đừng để bị lún sâu vào “tám thứ gió” ấy.

c/ Ham muốn nhiều cũng hạ giảm giá trị nhân cách và đánh mất đi nhiều hạnh phúc. Ham muốn nhiều thì thất vọng sẽ nhiều và đau khổ sẽ nhiều. Càng ham muốn con người càng bị nô lệ bởi ham muốn, tự do tâm lý sẽ bị đánh mất dần, điều mà con người thường vẫn rất mực khát khao.

d/ Sân hận sẽ là nhân tố đầu độc các mối tương giao con người và xã hội. Tương giao xấu sẽ đánh mất tình người và sẽ gieo rắc sầu muộn. Sân hận dễ gây gây đổ công việc, hạ giảm tuổi thọ và dung sắc, và có thể gây ô nhiễm môi sinh. Quạt ba tiêu và hỏa diệm sơn nói lên với độc giả các ý nghĩa vừa bàn. Trong nền văn hóa giáo dục mới, dục sân và “Bát phong” là đối tượng

cần được chế ngự, như Tôn Ngộ Không phải dập tắt Hỏa Diệm sơn đang chặn lối đi Tây Trúc để hoàn thành sứ mệnh độ khổ dân Đông Độ.

- Trong nền văn hóa mới, các nhân tài, các nhân tố cực xây dựng an lạc hạnh phúc cho xã hội, như Ngưu Ma Vương và bà La sát, được tạo điều kiện thuận lợi để đóng góp, để hiểu rõ trí tuệ Vô ngã, vị tha và hạnh phúc của con đường sống này.

---o0o---

III. Quan niệm về xã hội

- Nền văn hóa nhân bản và trí tuệ là nền văn hóa của tình người, hiểu biết và cảm thông, mà không phải là nền văn hóa xây dựng bằng sức mạnh của sân hận. Ngô Thừa Ân vì thế giới thiệu Hồng Hải Nhi từ bỏ “tam muội hỏa” theo hầu Bồ Tát Quán Thế Âm ở Nam Hải. Cả Ngưu Ma Vương và bà La sát đều quay hướng sống từ bị độ đời của Bồ Tát, đóng góp đáng kể và việc dập tắt Hỏa Diệm sơn, và tạo dựng một đời sống hưng vượng cho nhân dân quanh vùng.

- Các chủ nghĩa hưởng thụ, vị kỷ, cá nhân quá khích đều bị quét sạch trong xã hội mới, như nữ hồ ly và cơ sở vật chất của bà bị hủy diệt, hướng sống vị kỷ sẽ được giáo dục chuyển hóa thành vị tha như hình ảnh nữ hồ ly chết dưới đỉnh ba của Trư Bát Giới (người đã giác ngộ rời xa dục vọng thấp kém).

---o0o---

Hồi thứ 62 và 63

Hồi 62: “Giặc bản, rửa lòng, nên quét tháp

Bắt ma trả chủ thính thân tu”

Hồi 63: “Náo Long cung, hai sư diệt quái

Lấy bảo bối, các Thánh trừ tà”

I. Tư tưởng Phật học

- Giáo lý Phật giáo dành cho các tu sĩ và cư sĩ tu tập giải thoát thường bị ngộ nhận là giáo lý tự độ. Thật sự cả hệ thống giáo lý Phật giáo Nguyên Thủy và Phát triển (Đại thừa) đều chủ trương tu tập tự độ và độ tha. Độ tha là giúp đời thấy rõ con đường tự mình đi ra khỏi mọi nỗi khổ. Giáo lý từ bi cũng dạy nạn cứu khổ đời. Vì thế, trên đường thỉnh kinh, Tôn Ngộ Không đã trừ rất nhiều tà ma, quỷ mị để cứu đời. Tại hồi 62, 63 phái đoàn Tây du giúp vua Tề Trại đi ra khỏi quyết định sai lầm, cứu chư Tăng chùa Kim Quang khỏi hàm oan, trừ tà lấy lại quốc bảo cho nước Tề Trại. Ngộ Không và Ngộ Năng tại đây đã không quản lao nhọc hành Phật sự cứu độ, giúp dân ra khỏi khổ nạn. Độ tha là một phần công phu giải thoát của chính phái đoàn Tây du.

- Dục vọng khi được chuyển đổi thì thành dục giải thoát, sức mạnh tinh cần để tự độ và độ tha, như Trư Ngộ Năng đã trở nên năng nổ làm việc thiện mà không cầu danh, cầu lợi.

---o0o---

II. Quan niệm về con người

- Trộm cướp, tham nhũng đều là các hành động gây bất an, rối loạn xã hội; chúng là bất thiện và phi đạo đức. Giáo dục, văn hóa nhân bản kết án nặng nề các hành động ấy nên tác giả Tây Du Ký đã để Ngộ Không và Ngộ Năng đánh chết các người chủ mưu trộm cắp quốc bảo tại chùa Kim Quang. Đánh chết chúng là ý nghĩa dẹp sạch các mầm mống rối loạn.

- Cảnh vua Tề Trại bất minh và bất công, ý quyền uy hành hạ chư Tăng chùa Kim Quang gây căm phẫn trong nhân dân, căm phẫn cho độc giả, và tạo ra một tâm lý oán ghét phong kiến, điều mà Ngộ Thừa Ân mong muốn, tác giả mong xã hội phong kiến Trung Hoa được thay thế bởi một chế độ pháp trị công bằng và dân chủ hơn.

- Tôn Ngộ Không đã lấy về quốc bảo như là biểu tượng nói lên trí tuệ Vô ngã sẽ xây dựng nên nền văn hóa mới tốt đẹp, sẽ định quốc, an dân. Kết quả này mới thật sự là quốc bảo.

---o0o---

III. Quan niệm về xã hội

- Trường hợp chùa Kim Quang bị hàm oan là do các thế lực xấu ở trong bóng tối gây ra. Vua quan Tế Trại vội vã gia hình chur Tăng giữa khi không có bằng cứ buộc tội. Càng vô lý hơn khi kết tội người có trách nhiệm giữ quốc bảo lại đi trộm quốc bảo! Trước nỗi hàm oan lớn ấy, người dân không có quyền kêu oan và không có nơi để bày tỏ nỗi hàm oan. Một xã hội được tổ chức phi lý như vậy thì người dân sẽ không có chỗ dựa, xã hội sẽ không có chỗ dựa, xã hội sẽ đại loạn. Hình ảnh xã hội ấy đã gợi nên trong dân chúng bao day dứt, bao ưu tư về một cơ cấu tổ chức bảo vệ an ninh cho dân, bảo vệ công bằng và đầy tình người...

- Sự kiện Ngô Không và Ngô Năng trừ tà, lấy lại quốc bảo nói lên rằng việc thiết lập an ninh và công bằng xã hội cũng là công tác thịnh kinh của Đường Tăng. Kinh là để giáo dục con người sống hiền thiện, nhân ái, công bằng, tôn trọng sự thật. Nếu được hấp thụ giáo lý nhà Phật thì vua Tế Trại đã không hành xử độc đoán và thiếu nhân tình như thế! Nếu người dân thấm nhuần Phật giáo thì đã không có trộm cắp và các ác hành. nếu nhận thức và giá trị của hành động theo tinh thần Phật giáo thì bản án quốc bảo đã được xét xử cách khác, nỗi hàm oan của chùa Kim Quang đã được giải... Nói tóm, vụ án quốc bảo đã đặt thẳng vấn đề với nhân dân Trung Hoa rằng: Liệu triều đình phong kiến có phải là đối tượng mà nhân dân mong chờ?

---o0o---

Hồi thứ 64

Hồi 64: “Núi Kinh Cức Ngô Năng gắng sức

Am Mộc Tiêu Tam Tạng làm thơ”

I. Tư tưởng Phật học

- Phái đoàn Tây du trải qua bao nhiêu công phu tu Giới, tu Định, tu Tuệ, đã cất lìa dục ái, dục vọng đã được chuyển thành dục giải thoát. Tâm hồn của mỗi thành viên giờ đây thanh thản, đầy hỷ lạc. Cả một vùng núi Kinh Cức 800 dặm rộng với cây cỏ chằng chịt không làm chùn bước Ngô Năng, Ngô Năng đêm ngày tinh cần phát quang cho phái đoàn tiến tới. Ý nghĩa phát

quang ở đây là cắt đứt các ngoại duyên cho tâm dễ định. Đây là một giai đoạn thành tựu tâm giải thoát.

Khi tâm hành giả đi vào bốn cõi định Sắc Thiên, lòng tuy đã rời xa Dục giới nhưng lại đầy khát vọng tồn tại trong cảnh an tịnh, thanh nhàn. Tâm hành giả vì thế bị ngưng trệ trôi buộc tại đây. Ngô Thừa Ân đã dựng tại đây cảnh am Mộc Tiên gồm toàn yêu tinh thảo mộc ưa ngâm vịnh, thưởng thức tiên trà và tiên tửu của cảnh giới sắc ái (hay hữu ái). Cảnh giới này trôi buộc bước chân giải thoát đầy nguy hiểm không kém các ma nạn vừa trải qua. Cái lòng sắc ái tế nhị ấy đã được biểu hiện qua hình dáng Hạnh Tiên thanh nhã của thiên giới. Tại đây, Đường Tăng kịp giác tỉnh không để bị chìm sâu vào cảm thọ hỷ lạc, bèn nhất mực cự tuyệt tình cảm của Hạnh Tiên. Nhưng Đường Tăng không dễ gì thoát ly được cảnh trôi buộc này nếu Tôn Ngộ Không không xuất hiện kịp thời cứu giá.

Đối với hữu ái thì chỉ có trí tuệ Vô ngã, thiên quán Vô ngã mới cắt đứt được nó, như chiếc thiếc bồng của con người trí tuệ Ngộ Không đã đập nát cảnh nạn am Mộc Tiên. Nếu thiếu trí tuệ Vô ngã thì hành giả sẽ dễ bị đốt cháy toàn thân huệ mạng trong các cảm thọ. Nguy hiểm thay!

---o0o---

II. Quan niệm về con người

- Giáo dục con người toàn diện cần chú trọng đến mặt giáo dục về rèn luyện ý chí và quyết tâm, Ý chí và quyết tâm là sức mạnh của tâm lý thể hiện ra hành động để đạt đến mục tiêu của cuộc đời.

Con người có khuynh hướng thích nhàn, phóng túng và đầy ham muốn như hiện thân của Trư Bát Giới vào những ngày đầu Tây du. Được Đường Tăng thu phục và được Ngộ Không kiềm chế, Trư Bát Giới đã trở thành Tôn Ngộ Nặng có sức mạnh mở đường vào giải thoát. Ý chí cũng thế, nếu được rèn luyện tốt cũng có khả năng mở đường đi đến các mục tiêu xã hội.

---o0o---

III. Quan niệm về xã hội

- Xã hội Trung Hoa, qua lịch sử nhiều nghìn năm thể nghiệm triết lý sống của Đạo gia và Nho gia, đã nhận ra rằng:

* Triết lý Nho gia thì tích cực dẫn thân vào xã hội, nhưng tư duy về con người và cuộc đời thì thiên lệch đề ra một nguồn máy phong kiến nặng nề, và đề ra các giá trị ước lệ đầy hình thức và câu thúc, trói buộc con người; tất cả đó tạo ra một cuộc “hỗn thế” (theo Ngô Thừa Ân) thường xuyên bất ổn.

* Triết lý Lão gia thì lánh đời, các người tài đức thì ẩn sâu vào các nơi cô tịch, rừng núi, chỉ chú tâm vào cái nhân nhĩ của tự thân, vui thú với tự nhiên giới.

Giữa hai thái độ sống đi về hai thái cực ấy, Ngô Thừa Ân giới thiệu đạo Phật, con đường sống trung đạo vừa thể hiện giải thoát tự thân vừa cứu đời, thoát ly các trói buộc của cuộc đời ngay giữa lòng đời. Tác giả Tây Du Ký tin tưởng con đường văn hóa giáo dục của Phật giáo sẽ đưa xã hội Trung Hoa đến thành công, an hưởng thái bình hạnh phúc, thịnh trị, như phái đoàn Tây du sẽ về đến Tây Trúc yết kiến Phật Tổ.

Các hồi trước thì Ngô Thừa Ân trình bày các cảnh loạn lạc, chướng ngại của xã hội phong kiến Nho gia; hình ảnh am Mộc Tiên thì biểu hiện nếp sống của các Đạo gia, cái nếp sống mà tác giả không muốn nó tồn tại trong xã hội Trung Hoa, đã mượn chiếc Đinh ba và Thiếc bồng của Ngô Năng, Ngô Không để phá hủy.

Các quan niệm sống trên thường xuất hiện trong tâm thức con người. Mỗi người cần được soi sáng nhận thức để có những chọn lựa đúng thái độ sống vị tha và tích cực.

---o0o---

Hồi thứ 65 và 66

Hồi 65: “Yêu tà đặt Tiểu Lôi Âm giả

Bốn vị rơi vào nạn ách to”

Hồi 66: “Các thần gập tay độc ác

Di Lạc tróc nã yêu ma”

I. Tư tưởng Phật học

- Người tu giải thoát, theo Phật giáo phải đi qua nhiều cảnh giới tâm thức. Tâm lý đi sâu dần vào định, vào các cảm giác hỷ, lạc, thanh lương và khởi lên nhiều cái thấy biết khác nhau ở các cấp độ tâm thức khác nhau. Chúng là vô thường và chịu sự tan rã. Sự tan rã nào cũng để lại các khổ đau. Vì thế hành giả cần luôn giữ tâm an trú vào chánh niệm, tỉnh giác, nghĩa là an trú vào xả tâm và vào cái thấy biết trực tiếp về Duyên sinh Vô ngã từ dòng tâm lý và vật lý của chính mình. Nuôi dưỡng chánh niệm ấy, thấy biết ấy là nuôi dưỡng tâm và tuệ giải thoát. Rời khỏi chánh niệm Vô ngã trên thì hành giả liền rơi vào vọng niệm mà tác giả Ngô Thừa Ân biểu thị bằng các ma cảnh, ma nạn. Đường Tăng bị thất niệm trong các cảm thọ tiên cảnh nên sa vào nạn Am Mộc Tiên, rồi lại tiếp tục bị rơi vào cảnh Tiểu Lôi Âm, chỉ vì thiếu giác tỉnh Vô ngã mà Ngô Thừa Ân diễn đạt bằng thái độ không biết nghe theo ý kiến của Tôn Ngộ Không.

Đường Tăng, Ngộ Năng và Ngộ Tịnh đều thiếu trí tuệ Vô ngã nên thường bị các huyễn ngã huyễn tướng đánh lừa. Cảnh Tiểu Lôi Âm biểu hiện rất rõ nét về chuyện ngã tướng đánh lừa ấy khiến cả phái đoàn Tây du thêm một phen lộn độn, khôn độn.

Đường Tăng với tập khí tín ngưỡng Tam Bảo, tôn sùng các sắc tướng của đạo nên dễ dàng bị Tiểu Lôi Âm che khuất trí tuệ. Nói khác đi, trong tâm thức của Đường Tăng, Ngộ Năng và Ngộ Tịnh lúc bấy giờ (tại Tiểu Lôi Âm) chỉ có sự hiện diện của các ngã tướng về thực tướng, mà không có cái tuệ thấy thực tướng Vô tướng. Do tâm thức còn mơ màng về thực tướng như vậy nên Ngô Thừa Ân bèn dựng nên cảnh Tiểu Lôi Âm để đánh thức phái đoàn Tây du, đánh thức Đường Tăng.

- Tôn Ngộ Không thì tự tâm phân biệt rõ thực tướng và giả tướng, nhưng vì còn tập khí sinh tử nên cũng bị hệ lụy với Đường Tăng. Bị khôn độn vì Tiểu Lôi Âm, bị tóm vào “túi vải” và bị giam vào cái “chuông vàng”.

Ý nghĩa tôn kính Tam Bảo đúng nghĩa là tôn kính tu tập Giới, Định, Tuệ, mà không phải là lễ kính các pho tượng, chư Tăng và các bản kinh. Theo giáo nghĩa Kim Cang Bát Nhã, phàm cái gì là ngã tướng thì hư vọng. Đường Tăng bị vướng mắc cái ngã tướng (cái tướng thiện) nên rơi vào nạn Tiểu Lôi Âm.

- Cái “túi vải” và cái “não vàng” của Bồ Tát Di Lặc là biểu tượng của cảnh giới vô hạn lượng của thực tướng Vô ngã tướng. Phái đoàn Tây du, gồm cả Tôn Ngộ Không, chưa rửa sạch tâm chấp thủ tự ngã nên tất cả không tìm được lối thoát ra khỏi “túi vải” và “não vàng”.

---o0o---

II. Quan niệm về con người

- Giáo dục trí tuệ cho con người là phần giáo dục giúp cho con người thấy rõ sự thật của các hiện hữu, như là:

* Các hiện tượng vật lý, gồm thân sắc mình và người, đều do nhân duyên sinh. Vì do các duyên mà sinh nên các hiện hữu không tự có, không có tự ngã, chúng rỗng không tự ngã gọi là Vô ngã.

Người đời thì cho rằng các hiện hữu có tự ngã khiến tâm sinh ái luyến hay ghét bỏ. Với các hiện hữu ưa thích thì mong nắm giữ, mong chúng tồn tại không mất; nhưng sự thật thì chúng biến dịch trong từng sát na để đi dần đến hoại diệt, tan rã. Sự kiện tan rã này gây ra các nỗi khổ đau tâm lý.

* Các hiện tượng tâm lý cũng thế, cũng do duyên sinh, chúng là vô thường và dẫn đến tan rã, khổ đau.

Con người cần được giáo dục kỹ, cần quán sát tư duy mãi, quán sát, tư duy nhiều lần sự thật Duyên khởi, Vô ngã để vui bớt khổ đau hay tiêu đi nỗi khổ đau trước dòng sống vô thường. Đó là thái độ sống, thái độ nhìn cuộc sống khôn ngoan, chế ngự được nhiều phiền não khổ đau.

* Quan trọng hơn cả là cần luôn cảnh giác rằng tất cả hiện tượng tâm lý và vật lý kia rất dễ dàng đánh lừa cá nhân, tráo đổi cái hư làm thật, nếu cá nhân thiếu cái nhìn trí tuệ. Các ngã tướng của hiện tượng vốn là không thật, vốn là gốc tạo ra khổ đau nếu cá nhân nắm giữ, ái luyến chúng. Sống là sống với cái thật, cái chân thật, bởi chỉ có cái chân thật mới đem lại an lạc, hạnh phúc chân thật, và sống là sống với hiện tại. Điều này có nghĩa là con người cần sống với sự thật Vô ngã, với nền văn hóa giáo dục Vô ngã.

Ngô Thừa Ân phải chăng đã đặt ra vấn đề đó với xã hội Trung Hoa khi dựng nên ma nạn Tiêu Lô Âm để cảnh giác Đường Tăng và cuộc đời?

Phượng chi, đương khi mắc nạn Tiểu Lôi Âm, thấy rõ cái nguy hiểm của các giả tướng, ngã tướng, Đường Tăng tỉnh ngộ biết lỗi mình không nghe lời can của Ngô Không (trí tuệ Vô ngã) mà nói rằng: “Đồ đệ hãy cứu ta một lần này nữa, từ đây về sau, mọi việc ta sẽ nghe theo con, không dám cưỡng nữa.” (sđd, tr 335, tập 3, 1988)

- Suốt cả bộ truyện Tây Du Ký nói nhiều đến sự việc người đời thường đánh giá người khác qua cái tướng trạng bên ngoài, đều sợ hãi cái tướng xấu của ba đồ đệ của Đường Tăng. Ngô Thừa Ân đã xác nhận về Ngô Không, Ngô Năng và Ngô Tịnh rằng: “tướng xấu và tâm tốt, làm được việc”. Hình như tác giả Tây Du Ký muốn tạo một tướng trạng tương phản với nền văn hóa Trung Hoa vốn chuộng từ chương và các tướng nhân, nghĩa, trung, hiếu... bên ngoài, vừa đánh thức dậy tâm thức dân tộc (Trung Hoa), vừa muốn gây sự chú ý đến giá trị của cái tâm và cái tuệ. Hạnh phúc và nghĩa sống nằm ở cái tâm, cái tuệ ấy.

---o0o---

III. Quan niệm về xã hội

- Xã hội nào, đoàn thể nào cũng cần phải hành động nhân danh con người và hạnh phúc của con người. Có những tổ chức và những hướng hành động sai mà người đời dễ thấy rõ. Có những nhân danh tốt mà hành động sai thì người đời cần lượng định để tránh. Có những nhân danh tốt và hành động đúng mà được thực hiện với giả tâm thì người đời cũng cần biết để tránh xa, như trường hợp Lục Nhĩ Hầu, Đường Tăng giả, hay Tiểu Lôi Âm.

- Một nhân danh tốt được thể hiện bằng hành động đúng, và được thể hiện với tâm tốt, trí tuệ, thì hẳn là tốt. Một xã hội tốt, một tổ chức tốt phải hội đủ các duyên ấy.

- Con đường văn hóa mới không vào danh nghĩa, chiêu bài, mà vụ vào thực chất trí tuệ đem lại an lạc và hạnh phúc lâu dài cho đời.

Đây là hoài bão của tác giả Tây Du Ký phải chăng?

---o0o---

Hồi thứ 67

Hồi 67: “Cứu xóm Đà-La, lũng vững đạo

Thoát đường ô-úế, tính càng thanh”

I. Tư tưởng Phật học

- Con đường tâm thức của phái đoàn Tây du đến hồi 67 là khá ổn định. Thành viên thiếu ổn định là Trư Ngô Năng bây giờ đã rất tinh tấn, hòa hợp và sống rất tri túc, đã rất tinh tấn, hòa hợp và sống rất tri túc, đã có công lớn phát dọn cây gai mở 800 dặm đường đến am Mộc Tiên. Ở hồi 67 này, Ngô Năng hết lòng dọn sạch con đường qua núi Thất Tuyết đầy thối tha, ô uế cho Đường Tăng đi qua, vui vẻ mà không than thở. Thế là phái đoàn đủ điều kiện để vượt qua các trở ngại tâm thức đến tâm và tuệ giải thoát.

- Con đường trái cây thối rụng xuống quá nhiều năm tháng làm nghẽn lối đi là biểu tượng của tập khí nghiệp do các đời sinh tử quá khứ để lại. Dọn sạch con đường này là dọn sạch các lậu hoặc (dục lậu, hữu lậu và vô minh lậu). Công phu đoạn trừ các lậu hoặc sẽ kéo dài cho đến khi tuệ giải thoát xuất hiện. Đoạn đường lấy lợi quả thối này là mở đầu của công phu đó vậy.

Các yếu tố tác động sinh thành các lậu hoặc chính là con quỷ đại mạng xà đã nhiều năm gieo rắc khổ đau tại xóm Đà-La, Mạng xà vương ấy là biểu tượng của dục vọng cám dỗ con người (nói đủ là tham lậu hoặc, sân lậu hoặc và si lậu hoặc). Ngô Không cùng với Ngô Năng giết được mạng xà là biểu tượng đã dứt được gốc tham, sân, si (nhờ Giới, Định, Tuệ). Các thượng phần kiết sử còn lại (hữu ái, vô hữu ái, mạn, trạo cử và vô minh) chỉ là tập khí sẽ dần dần tự tiêu. Nếu khéo tu thì sẽ đốt cháy chúng tức thì trong hiện tại.

- Sau cái chết của quỷ vương mạng xà, nhân dân địa phương vô cùng an vui, hạnh phúc, tiêu hết các sợ hãi, âu lo. Đây là tâm ảnh an lạc, giải thoát của công phu tu tập Giới, Định, Tuệ cho đến mức độ giải thoát này.

- Cây thị có bảy điểm gọi là thất tuyệt:

1/ Sống lâu. 2/ Có bóng rợp mát. 3/ Chim không làm tổ. 4/ Không có sâu bọ trên cành, lá. 5/ Lá vui mắt. 6/ Quả ngon. 7/ Cành, lá to mập.

Cũng vậy, người tu hành đến đây có 7 sự thành tựu:

- 1/ Đoạn trừ các ngã tướng, thấy thời gian Vô ngã. Đây là ý nghĩa sống lâu.
- 2/ Có khả năng chỉ đường tu cho người khác (# có bóng rợp khác)
- 3/ Tâm vô chấp, không tham đắm các ngã tướng (# chim không làm tổ)
- 4/ Tâm bất thoái, duy tác, không tạo ra lậu hoặc nữa (# không có sâu bọ trên cành lá)
- 5/ Thân và tâm khinh an (# lá vui mắt)
- 6/ Đi vào quả Thánh (# Quả ngon)
- 7/ Trí tuệ giải thoát dần dần hình thành (# cành lá to mập)

---o0o---

II. Quan niệm về con người

- Nhân cách con người cần được giáo dục qua 2 mặt:

* Mặt tự độ: loại bỏ tính ích kỷ, các tâm lý tham, sân, si và sợ hãi do chấp ngã sinh.

* Mặt độ tha: Quan tâm đến hạnh phúc và khổ đau của tha nhân và xã hội, giúp đỡ tha nhân.

Thể hiện hai mặt sống ấy là xây dựng kiện toàn nhân cách. Ngô Thừa Ân đã dựng nên cảnh núi cây thị và cứu xóm Đà-La là nói đến hai mặt giáo dục ấy.

Xây dựng con người cũng cần dựa vào căn bản của Giới, Định, Tuệ (kỷ luật, thiền định, hiểu biết, trí tuệ) như cả ba Ngộ Không, Ngộ Năng và Ngộ Tịnh kết hợp làm nên ngôi nhà trú ẩn.

---o0o---

III. Quan niệm về xã hội

- Một Nước tốt đẹp (ý nghĩa Tiểu Tây Thiên) nếu chưa là một Nhà nước lý tưởng (Đại Tây Thiên) thì cũng cần có bảy đặc điểm gọi là “thất tuyệt”:

1. Được lòng dân nên tồn tại lâu dài (# sống lâu)
2. Nhân dân tin tưởng, công bằng và vì dân (bóng mát)
3. Tổ chức tốt, không phát sinh các nhóm tà mi (# chim không làm tổ)
4. Không dung dưỡng hạng sâu dân một nước (# cacthf lá không có sâu bọ)
5. Các tổ chức và nhân sự tốt (# cành lá vui mát)
6. Tổ chức thành công về văn hóa, giáo dục, kinh tế, an ninh... (# hoa quả ngon).
7. Phát triển xứ sở hưng vượng (# cành lá mập to).

Để được các thành quả trên, Nhà nước cần giải quyết vấn đề an cư lạc nghiệp cho dân, như phái đoàn Tây du cứu an xóm Đà-la; trừ các nhân tố gieo rắc khổ đau cho nhân dân; như Ngô Không đánh chế mãng xà; giáo dục theo tinh thần giáo lý nhà Phật như phái đoàn Đường Tăng đem ai vui đến cho vùng núi Thất Tuyết.

Hẳn nhiên là ở mỗi hồi truyện Ngô Thừa Ân đã chuyển vào các thao thức của ông ta về việc xây dựng con người và xã hội Trung Hoa trên nền tảng văn hóa Phật giáo. Hy vọng người viết đã không có quá nhiều tưởng tượng đi xa các hàm ý của tác giả.

---o0o---

Hồi thứ 68, 68, 70 và 71

Hồi 68: “Nước Chu Tử, Đường Tăng bàn lịch sử.

Chữa Quốc Vương, Hành giả làm lương y”

Hồi 69: “Tâm chủ thâu đêm hoàn xong thuốc tế

Quân vương tên tiệt thuật chuyện yêu tà”

Hồi 70: “Bảo bối yêu ma tung khói lửa.

Muru mô Đại Thánh trộm nhạc vàng”

Hồi 70: “Đại Thánh giả danh thu quái vật

Quan Âm hiển tượng bắt tà yêu”

I. Tư tưởng Phật học

- Về mặt sự thật của nhân quả, giá trị của một hành động phụ thuộc vào nhiều nhân duyên, không có một công thức thiện ác ước lệ nào. Cùng một hành động ác mà kết quả khác nhau ở hai người làm khác nhau. Về hành động thiện cũng thế. Vua nước Chu Tử phạm tội sát nhưng vì tâm ác tác động lên hành động không mạnh; lại sau khi đã làm sám hối nên kết quả của nghiệp báo nhẹ đi: chỉ khổ tương tư ba năm trong hạnh phúc. Có người khác, như loài quỷ, yêu, thì bị đền mạng và đọa lạc ngay.

- Về sự giữ giới trong giáo lý Phật giáo cũng được hành với chánh kiến, chánh tư duy và chánh niệm. Có trường hợp lường gạt, nói dối mà không phạm, như trường hợp nói dối để trừ yêu quỷ, cứu người. Ngô Thừa Ân nêu lên ý nghĩa đó qua nhân vật Ngô Thừa Ân nêu lên ý nghĩa đó qua nhân vật Ngô Không thường dối gạt tía lịa. Thực tế Tôn Ngô Không đã làm chủ tâm thức luôn hành động để trừ tà, hành động đã vượt lên thiện, ác, trở nên duy tác.

- Tôn Ngô Không đến đây dù không tạo thêm nghiệp mới, nhưng tập khí tham, sân, si (thượng phần kiết sử) vẫn còn nên không dám đương đầu với cái Lục Lạc của quỷ vương núi Kỳ Lân, động Giải Trãi. Lục lạc này phóng ra ba loại: lửa, khói và cát vàng là biểu tượng của sân, tham và si cội gốc của sinh tử. Bồ Tát Quán Thế Âm tại đây dạy cho Tôn Ngô Không bài học rằng: muốn vào trí tuệ Ba la Mật, Tôn Ngô Không phải vận dụng thiền quán thấy rõ tham, sân, si và sự tồn tại, sự hoại diệt và sự sinh khởi của chúng, chỉ khi ấy mới có thể đoạn diệt chúng lấy được “lục lạc” và thắng được yêu tà.

- Chiếc áo tiên mà Trương Tử Dương trao cho chánh hậu để bảo vệ trinh tiết là biểu tượng của chánh niệm và Thánh giới uẩn. An trú vào chánh niệm hay an trú Thánh giới thì ngoại tà không xâm nhập được. Đây là đặc tính của pháp. Pháp vốn như vậy.

II. Quan niệm về con người

- Nếu sự chấp thủ, ái trước các nội thọ, ngoại thọ của người tu giải thoát ngăn trở sự phát triển trí tuệ giải thoát như thế nào, thì sự đam mê, ái trước của con người về danh, lợi, tình, quyền lực cũng trói buộc con người làm suy yếu tinh thần và trí óc của con người xã hội như thế ấy.

Vua nước Chu Tử quá yêu vì Kim Hậu nên khi Kim Hậu bị quỷ giam giữ ba năm đã khiến nhà vua lâm bệnh tương tư nặng, lòng khổ sầu khôn nguôi, rất trầm trọng. Đây là bài học về giáo dục tình cảm con người. Con người cần biết làm chủ tình cảm trước dòng sống vô thường, nếu không thì sẽ đau khổ nhiều.

- Nỗi khổ của vua Chu Tử là do quỷ vô thường, tham, sân, si gây ra mà phương thức đối trị là trí tuệ Vô ngã (trí tuệ thấy rõ Vô ngã, Vô thường, Khổ đau) như nhà vua đã được Tôn Hành Giả chữa trị.

- Vì vậy, nền văn hóa giáo dục nhân bản và trí tuệ phải là nền văn hóa đem lại an lạc, hạnh phúc cho con người cả hai mặt vật chất và tâm lý. Quan tâm đến an lạc của thân nhân, tập thể cũng là gia tăng hạnh phúc cho bản thân. Sự thật này cần được các cá nhân chứng nghiệm.

- Bốn hồi truyện 68, 69, 70 và 71 xác định rằng danh vọng và đời sống vật chất sung mãn chưa đủ đáp ứng yêu cầu hạnh phúc của con người. Cả khi con người có đủ các yêu cầu của đời sống, bao gồm tình yêu, thì vô thường và nỗi ám ảnh của vô thường cũng gây đau nhức tim, óc con người. Vấn đề căn bản để con người sống an lạc là biết nhìn và biết sống. Đây là một yêu cầu quan trọng trong việc giáo dục con người.

---o0o---

III. Quan niệm về xã hội

- Xã hội hưng thịnh hay suy yếu đều do yếu tố con người. Mọi hành động gây xáo trộn tâm lý cá nhân, xáo trộn gia đình và xã hội chung quy đều do các tâm lý tham, sân, si và sợ hãi gây ra. Do vậy, giáo dục con người để chế ngự tham, sân, si, sợ hãi là yêu cầu giáo dục thiết yếu. Nền văn hóa mới cần được xây dựng để phục vụ mục tiêu giáo dục này. Đây là bài học kinh nghiệm lịch sử Trung Hoa từ thời đại Tam Hoàng, Ngũ Đế, và Nghiêu Thuấn hưng thịnh, thái bình cho đến thời suy thoái từ Thành, Chu, Tống, Tề, Lương, Trần. Đường Thế Dân, vị vua anh minh, đức độ, có nhiều trung thần

tài giỏi, bắt đầu nghĩ đến công cuộc canh tân, muốn đưa văn hóa Phật giáo vào văn hóa Trung Quốc nên đã cử phái đoàn Đường Tăng đi Tây Trúc thỉnh kinh (sđd. tr 396, tập 3, Hà Nội 1988). Đây là câu chuyện lịch sử được bàn bạc giữa Đường Tăng và vua nước Chu Tử; đây cũng là tâm sự của Ngô Thừa Ân muốn có một cuộc cải tổ, canh tân văn hóa cổ Trung Quốc.

- Căn bệnh tương tư của vua nước Chu Tử là biểu tượng của căn bệnh trầm kha của nền văn hóa Nho học của Trung Quốc. Nền văn hóa ấy như đã đánh mất những gì của chất liệu sống như vua Chu Tử bị mất Kim Hậu. Phải chăng chất liệu sống làm hồi sinh được văn hóa Trung Hoa là Phật giáo? hệt như Tôn Ngộ Không đã bốc thuốc giúp vua Chu Tử hồi sinh, chất liệu sống làm hồi sinh văn hóa này cần được các nhà lãnh đạo đánh giá cao như thế vua Chu Tử đánh đổi Kim Hậu bằng ngai vàng. Tại đây, xã hội cần chú ý bảo vệ giá trị nền văn hóa mới hơn là bảo vệ ngai vàng.

---o0o---

Hồi thứ 72 và 73

Hồi 72: “Động Bàn Ty bảy tình làm mê gốc

Suối Trạc Cầu, BátGiới suýt quên mình”

Hồi 73: Giận cũ vì tình gây độc ác“

Tâm viên diệt quỷ phá Kim Quang”

I. Tư tưởng Phật học

- Phần tư tưởng Phật học của hai hồi 72 và 73 này đã được đề cập ở phần Tổng luận. Tại đây, một vài điểm nhận xét khác sẽ được bàn đến.

- Bảy yêu nhèn nhện là biểu tượng của “thất tình” (hi, nộ, ái, lạc, ái, ó, dục). Chúng nhả ra các đường tơ mịn bắt trói Đường Tăng, Bát Giới và vây hãm Ngộ Không. Tại đây, đối với phái đoàn Tây du thì thất tình chỉ biểu hiện ở cấp độ “vô hữu ái”, như bảy yêu nhèn nhện không ham dục ái hay thiên ái mà chỉ mong nhờ suối trời “Trạc Cầu” rửa sạch câu bẩn của tâm, và chỉ mong ăn thịt Đường Tăng để được thoát ly cõi hữu trong sinh tử. Thế là chúng rơi vào vô hữu ái.

Ái vô hữu cũng là một loại tâm ái tinh tế trói buộc tâm giải thoát và tuệ giải thoát, vì thế Ngô Thừa Ân đã để cho các đường tơ nhện trói Đường Tăng và Bát Giới.

Chỉ có trí tuệ Vô ngã sắc bén của Tôn Ngộ Không mới cắt đứt các đường tơ ấy, dẹp tan bảy yêu nữ nhện nhện.

- Nhưng gốc của vô hữu ái vẫn là vô minh chấp cái “ngã vô”, như bảy yêu nhện nhện dựa vào sức mạnh của Bách Nhỡn ma quân mà quây phá. Bách Nhỡn ma quân là biểu tượng của si mê. Vô minh (Bách nhỡn ma quân có thần lực lớn, thấy biết rất nhiều ngã tướng mà không thấy thật tướng).

Với gốc vô minh tinh tế này thì với trí tuệ và định lực của Tôn Hành Giả chưa đủ khả năng hàng phục. Cần có trí tuệ Bát Nhã thâm sâu, nhuần nhuyễn mới trừ được vô minh vi tế ấy, như cần đến công phu tu luyện, luyện từ con mắt Mặt Trời thành cây kim trí tuệ của Mão Nhật Tinh Quân mới có thể chọc mù mắt vô minh của Bách Nhỡn. Đây là công phu thiền quán thâm hậu mà hành giả cần thực hiện để đi đến Lôi Âm tự .

---o0o---

II. Quan niệm về con người

1- Có hai nhóm tình cảm làm khuất mờ nhân trí là:

* Thất tình: hỉ, nộ, ái, lạc, ái, ố và dục.

* Lục dục: ham muốn sắc, thanh, hương, vị, xúc và pháp.

Các thứ tình cảm ấy che khuất trí tuệ như bảy yêu nhện nhện trói chặt Bát Giới và Đường Tăng.

Tình người vị tha và sự sáng suốt của tâm sẽ sáng chói, nếu các thứ tình cảm trên được khắc phục. Giáo dục để chế ngự các tình cảm ấy là giáo dục tâm lý, huấn luyện tâm lý và khai mở nhận thức Vô ngã. Khi mà con người đã hấp thụ sâu sắc nền văn hóa mới thì tự khắc có khả năng chế ngự thất tình lục dục, như chiếc áo của Trương Tử Dương (hồi 70) bảo vệ Kim Hậu khỏi thất tiết vì quỷ vương tại núi Kỳ Lân.

---o0o---

III. Quan niệm về xã hội

- Cái tình cảm của quần chúng đối với các giá trị của nền văn hóa cũ, tập quán sống và tư duy cũ, là một thứ tình cảm tinh tế được hình thành trong tâm thức người dân, như những đường tơ nhện nhện mịn màng. Cần vận dụng trí tuệ Vô ngã, thiết thực để cắt đứt thứ tình cảm “dù lia ngó ý còn vương tơ lòng” ấy, và cắt đứt đến tận gốc rễ thì nền văn hóa mới, mới có nhân duyên phát triển mạnh.

- Các đạo sĩ thường được các vua chúa trọng dụng và sử dụng để giữ vững ngai báu Ngô Thừa Ân quan niệm văn hóa của cá Đạo gia không có chân đứng trong nền văn hóa nhân bản và trí tuệ nên cho các đạo sĩ về giữ vườn cho Bồ Tát Tỳ Lam, nghĩa là chỉ giữ một vai trò hỗ trợ nhỏ.

---o0o---

Hồi thứ 74, 75, 76, và 77

Hồi 74: “Trường Canh truyền báo nhiều ma dữ

Hành giả ra tay lăm phép tài”

Hồi 75: “Bình âm dương Ngô Không khoan thùng

Đạo chân như ma chúa theo về”

Hồi 76: “Hành giả về nhà, ma trở mặt

Ngô Năng cùng đánh, quái hoàn nguyên”

Hồi 78: “Lũ ma lừa bản tính

Tất cả lạy chân như”

I. Tư tưởng Phật học

- Hồi 75, 76, 77 và 78 là các hồi thử thách về công phu giải thoát sâu xa của phái đoàn Tây du. Tại núi Sư Đà này có ba đại quý vương vốn là sư tử của Bồ Tát Văn Thù, bạch tượng của Bồ Tát Phổ Hiền và Đại Bàng thuộc thân thích với Phật cảnh. Đường Tăng, Ngô Năng và Ngô Tịnh thì thân thông

chưa xa ba đại quý vương, không phải là đối thủ. Chỉ trừ Ngô Không (đại trí) mới chiến thắng lão ma (biểu tượng của chấp thủ kiến), vượt qua được sự chấp thủ các tri kiến; Ngô Không cũng chiến thắng được quý vương thứ hai (biểu tượng của đại định). Tôn Ngô Không vốn tánh năng động, phóng khoáng nên nhẹ về công phu tri giới nên bị kẹt vào cạm bẫy của quý vương thứ ba. Tuy nhiên, Ngô Không biết cách khắc phục nhược điểm của mình bằng cách cầu cứu nguyên liệu và được nguyên liệu khai ngộ.

Đường Tăng thì tại đây còn chấp tướng Giới, tướng Tịnh và chấp Kiến nên bị cả ba quý vương đánh bại suýt tiêu mạng. Nạn này là một trắc nghiệm về công phu Giới, Định, Tuệ của phái đoàn Tây du. Sau nạn này, phái đoàn càng hành sâu Giới, Định, Tuệ mới có thể đến Lôi Âm tự.

- Tai nạn này, các quý vương đều không có yêu khí tỏa ra nên Ngô Không không nhận ra. Chúng lại khôn ngoan tương kế, tựu kế đánh lừa Tôn Hành Giả. Vì thiếu định lực sâu nên Ngô Không thiếu tâm cảnh giác mà rơi vào bẫy của quý vương. Quý Đại Bàng vốn có tài đăng vân nhanh như Ngô Không nên kẹp bắt được Tôn Ngô Không (ma lực cũng bằng chân lực; hay định ngoại đạo cũng tương tự chánh định, chỉ khác về trí tuệ). Sau nạn này, Ngô Không dễ thức tỉnh để đoạn trừ các mạn, trạo cử và vô minh (các thượng phân kết sử) của tự thân.

- Đối với trí tuệ toàn giác thì Ngô Không còn cách xa, nhưng đối với các pháp hữu vi như cái bình âm dương của lão ma thì Tôn Ngô Không dễ dàng phá hỏng nhờ vào bửu bối mà Như Lai đã ban. Dù vậy, Ngô Không cần tu tập nhiều về Định uẩn và Tuệ uẩn mới có thể tiến gần toàn giác.

- Tại đây Ngô Thừa Ân giới thiệu thêm một điểm tế nhị khác thuộc giáo lý Phật giáo: ở trong chiếc bình âm dương của lão ma, nếu hành giả lặng lẽ đừng phát âm ra tiếng Người (nghĩa là đường tư duy; cần tịnh lự; đừng khởi lên các ngã tướng) thì ở mãi trong bình vẫn cảm thấy mát mẻ; nếu nói ra tiếng người thì bình sẽ nung nóng với ba con rồng phun lửa (hồi 75).

Nói ra tiếng người là khởi lên các ngã tướng; khởi lên các ngã tướng thì tham, sân, si dấy khởi. Đây là hình ảnh biểu tượng ba con rồng phun lửa thiêu cháy người.

Không nói ra tiếng người là không khởi lên các ngã tướng; không khởi lên các ngã tướng thì tham, sân, si chìm lắng nên tâm mát lạnh

Tôn Ngộ Không nhờ có ba sợi lông mà Như Lai đã ban (biểu tượng của Vô ngã, Vô thường, Khổ đau - 3 pháp ấn.) mà hành thiền quán thấy rõ thực tướng của các hiện hữu, chọc vỡ được chiếc bình hữu vi, đoạn diệt tham, sân, si. Đây là nội dung của bài kệ cuối kinh Kim Cang: “Nhất thiết hữu vi pháp, như mộng huyễn, bào ảnh, như lộ diệt như điện, ung tác như thị quán:.

---o0o---

II. Quan niệm về con người

- Qua bốn hồi truyện này (và các nhiều hồi trước đó), tác giả luôn phơi bày bản chất của phái tà, ma, quỷ, mị là tham lam, sân hận, ích kỷ, cá nhân, hưởng thụ, ngã mạn và hung ác. Bản chất đó trái ngược với các đức tính giải thoát nên gây cản trở bước chân của phái đoàn Tây du.

---o0o---

III. Quan niệm về xã hội

- Một nền văn hóa mới của vị tha, nhân ái, trí tuệ... thì bản chất khác hẳn bản chất của nền văn hóa cũ. Nếu xã hội ghét bỏ các tà tâm và những gì dung dưỡng các tà tâm thì xã hội cần tách khỏi các giá trị, tư duy của nền văn hóa cũ và dần dần xây dựng nền văn hóa mới của công bằng nhân ái, vị tha và an lạc.

- Cái bình âm dương của Lão ma đã nói rõ vấn đề chính là cải tạo nhận thức, tâm thức con người trước vấn đề cải tạo xã hội, điều kiện sống của con người của con người, hết như Tôn Ngộ Không biết giữ mình an lạc, thanh lương trong chiếc bình âm dương.

- Cũng thế, khổ đau dấy khởi từ tâm thức con người hơn là từ ngoại cảnh. Con người làm chủ quyết định khổ đau hay hạnh phúc của chính mình. Giáo dục cái tâm trở thành trọng điểm giáo dục của nền văn hóa giáo dục mới của nhân bản và trí tuệ.

---o0o---

Hồi thứ 78 và 79

Hồi 78: “Nước Tỳ kheo, thương trẻ khiến âm thầm

Điện Kim Loan, yêu ma bàn đạo đức”

Hỏi 79: “Tìm động bất yêu ma gặp sao Thọ

Giữa triều dạy vua, thấy trẻ con”

I. Tư tưởng Phật học

- Giáo lý Phật giáo là trí tuệ, nhân ái và thiết thực, nhưng phần truyền vào dân gian thì thường là phần tín ngưỡng nặng hình thức tôn giáo, lại pha lẫn với Nho, Lão và các tín ngưỡng dân gian. Các nhà chân tu Phật giáo lại ở ẩn trong những cánh rừng u tịch, xa quần chúng. Chánh pháp vì thế vắng mặt ở đời. Ngô Thừa Ân quan niệm Phật giáo cần đi vào xã hội thể hiện đúng chân tinh thần cứu khổ độ đời, như phái đoàn Tây du tích cực cứu triều đình và các trẻ em nước Tỳ kheo.

Vì giữ lòng vô tham, vô dục, người Phật tử mới có thể lấy cái dục của thiên hạ làm cái dục của mình, lấy cái tâm thiên hạ làm cái tâm của mình. Vì sống vị tha, thấy hạnh phúc từ cái tâm của mình, vì sống vị tha, thấy hạnh phúc từ cái tâm vị tha, nên mới có thể vui với cái vui thiên hạ. Vì giác tỉnh vô ngã mới có thể khởi tâm vô úy sống vì hạnh phúc của nhân quần xã hội. Vì thấy rõ Vô thường nên tích cực làm nhiều điều thiện. Những yếu tố tích cực ấy cần được đưa vào nội dung giáo dục con người.

- Đối với nhà Vua, Tôn Ngộ Không khuyên: “Tâu bệ hạ, từ đây chớ tham sắc dục, tích nhiều ân đức...” (tập 3 tr. 180 sđd)

---o0o---

II. Quan niệm về con người

- Vấn đề giáo dục con người, giáo dục tuổi trẻ là một vấn đề lớn của quốc gia. Thế hệ trẻ là tài sản của quốc gia, vô cùng quý giá, cần được giáo dục một cách trân quý. Nếu nhà vua (hay cấp lãnh đạo) nghe theo lời sàm tấu xem thường thế hệ trẻ thì sẽ là họa lớn cho quốc gia. Về mặt này, theo Ngô Thừa Ân, Đạo gia và Nho gia không quan tâm đúng mức bằng Phật giáo (Ngô Thừa Ân đã giới thiệu Tôn Ngộ Không cứu trẻ trong khi các đạo gia, nho gia thì mưu hại trẻ).

---o0o---

III. Quan niệm về xã hội

- Song song với việc giáo dục con người về ý sống, xã hội cần xác định rõ rằng: Sắc đẹp và tình yêu là lẽ sống của con người, nhưng không phải là lẽ sống duy nhất. Con người còn có giá trị sống khác cao quý hơn như sống vì tập thể, xã hội, quê hương, vì an lạc và hạnh phúc của số đông. Trường hợp sa đọa của vua nước Tỳ-kheo là một trường hợp điển hình cần được nêu gương cho người đời để tránh.

- Vấn đề hưng suy của một xã hội có mối liên quan mật thiết với vấn đề giáo dục đạo đức cá nhân và xã hội. Nhiều cá nhân tốt mới xây dựng nên một xã hội tốt. Vấn đề đạo đức của cấp lãnh đạo cũng cần được đặc biệt quan tâm. Nhà lãnh đạo cũng cần sống vì hạnh phúc của trăm họ, là nơi nương tựa của trăm họ.

---o0o---

Hồi thứ 80, 81, 82 và 83

Hồi 80: “Gái trẻ thềm chồng tìm bạn lứa

Ngộ Không giữ chú biết yêu tà”

Hồi 81: Chùa Trấn Hải, Ngộ Không biết quái“

Rừng Hắc Tùng, đồ đệ tìm thầy”

Hồi 82: “Gái trẻ gạ trai chay

Nguyên thần giữ đạo lớn”

Hồi 83: “Hành giả biết được đầu mối

Gái tơ lại về kiếp xưa”

I. Tư tưởng Phật học

Người tu tập theo giáo lý nhà Phật, khi chưa trừ sạch các lậu hoặc thì các kiết sử vẫn còn, ít nhất là còn năm bay ba thượng phần kiết sử. Kiết sử còn thì vô minh còn. Vô minh còn thì vẫn chưa phân biệt rõ thực, hư. Vì thế, Đường Tăng trên suốt đường hành trình mãi rơi vào chạm bẫy của ác ma, Sa

Tăng và Bát Giới cũng thế. Chỉ có Ngô Không là thấy rõ chánh, tà; nhưng lại khó thuyết phục Đường Tăng tin theo. Dù đã kinh qua nhiều thất bại chua xót, Đường Tăng vẫn đắm mê vào các tướng thiện, tướng từ, tướng khái niệm, và do vậy rơi vào vọng tưởng bị ác ma chế ngự, Đường Tăng cần kinh qua nhiều thể nghiệm cái nguy hiểm của chấp thủ mới nghe theo Ngô Không.

Tại núi Hãm Không, động Vô Đề Đường Tăng đang rơi vào mê lầm, rơi vào một mặt chấp ngã khác, cho rằng thực tướng Không tướng như là một tướng khác với các ngã tướng nên Ngô Thừa Ân gọi là rơi vào động Hãm Không. Chấp hữu đã là khổ nạn, mà chấp Không lại là đại khổ nạn, còn nguy hiểm hơn. Rơi vào đó thì khó thấy lối ra, như là rơi vào động Vô Đề (không đáy) thăm thăm mịt mù.

Đây là một biểu hiện của tâm ái gọi là Vô sắc ái hay Vô hữu ái. Đối trị với vô sắc ái thì chỉ có trí tuệ thiên quán Vô ngã thâm sâu. Ngô Không chưa vào sâu định nên thật vất vả trong việc đối phó với yêu nữ ở động Vô Đề này.

Nếu với thiên quán Vô ngã thấy được gốc của vô sắc ái là vô minh (thượng phần kiết sử) thì liền nhổ được gốc của nó, như khi Ngô Không tìm ra manh mối nữ yêu Vô Đề là con nuôi của T, ch Tháp Thiên Vương Lý Tịnh thì liền có ngay giải pháp đối phó, giải ách nạn cho Đường Tăng.

- Hình ảnh gái, trai, nam, nữ ân ái ở cảnh nạn này chỉ là biểu tượng cho tướng nhị thủ (năng và sở). Nỗ lực thoát ly động Vô Đề là nỗ lực đoạn trừ hết thấy ngã tướng (dù là tướng về Vô hữu), đoạn trừ tướng nhị thủ ấy. Trừ sạch tướng nhị thủ là trừ sạch chấp thủ, trừ sạch vô minh (gốc của vô sắc ái).

---o0o---

II. Quan niệm về con người

- Giáo dục về nhân ái là giáo dục về tâm nhân ái, hành động nhân ái và ý chí nhân ái, hành động nhân ái và ý chí biểu hiện hành động để cứu giúp tha nhân.

Nói đến hành động nhân ái là nói đến đối tượng đón nhận ái thì chỉ có một mà sự biểu hiện thì qua nhiều hình thái khác nhau tùy theo chủ thể, từng đối tượng, từng hoàn cảnh. Tác giả nêu ra trường hợp điển hình về nữ yêu quái động Vô Đề đã giả vờ mắc nạn để đánh lừa Đường Tăng. Vì thiếu trí tuệ xét đoán chính xác đối tượng cần được cứu giúp, Đường Tăng đã để lại tai họa lớn cho phái đoàn Tây du. Lòng nhân ái cần được phát khởi từ trí tuệ Vô

ngã, mà không phải thể hiện một cách hình thức đầy ước lệ. Đây là nội dung nhân ái của nền văn hóa, giáo dục mới luôn đem lại an lạc, hạnh phúc cho đời; đem lại an vui, chánh kiến cho đối tượng đón nhận lòng nhân ái.

---o0o---

III. Quan niệm về xã hội

- Nếp sống văn hóa nhân bản và trí tuệ của một xã hội mới cần tạo cho quần chúng một nếp tư duy về giá trị nhân ái, đạo đức đúng, thực, mà không mang tính chất hình thức ước lệ (về nhân, nghĩa, hiếu, tình... cũng thế) của xã hội phong kiến cũ.

Đường Tăng thật sự có lòng nhân ái và thật lòng yết Phật thỉnh kinh hay không là do chính lòng của Đường Tăng, và Đường Tăng tự biết (căn bản là Đường Tăng tự biết), mà không phụ thuộc vào câu nói đầy vẻ hình thức của yêu nữ rằng: “gặp người gặp nạn mà không cứu thì làm sao mà đi về Tây Trúc thỉnh kinh được”. Đường Tăng đã bỏ trống tâm mình và vướng mắc vào vòng lý luận lý hình thức đầy gian dối của nữ yêu đầu! Đường Tăng thiếu hẳn chánh niệm tinh giác và trí tuệ soi sáng vấn đề giá trị nên bị rơi vào ma nạn. Người của nền văn hóa mới cần phân biệt rõ sự thật của tâm biểu hiện trong cuộc sống thì khác với ý tưởng trong ngôn ngữ.

- Nếu bạn đọc cảm thấy đau đớn tức tưởi trước thái độ nhân ái của Đường Tăng đối với yêu nữ thì hẳn bạn đọc cũng cảm thấy đau đớn tức tưởi như vậy đối với nền văn hóa phong kiến với các giá trị ước lệ.

- Sống là sống với cuộc sống, chứ không phải nói về cuộc sống. Nói về cuộc sống là ngôn ngữ, lý luận hay triết lý. Sự sống là triết lý siêu đẳng và là ngôn ngữ siêu đẳng. Nền văn hóa nhân bản và trí tuệ là nói và nghĩ bằng chính cuộc sống!

---o0o---

Hồi thứ 84, 85 và 86

Hồi 84: “Khó diệt nhà sư tu chính quả

Pháp vương thành đạo thể theo giới”

Hồi 85: “Hành Giả trên Bát Giới

Chúa ma mưu bắt sư”

Hồi 86: “Bát Giới giúp oai trừ quái vật

Ngộ Không hóa phép diệt yêu tà”

I. Tư tưởng Phật học

- Theo Phật giáo, tâm con người vốn có đủ chủng tử của tất cả cảnh giới thiện và ác, tùy theo nhân duyên và sự vận dụng của mỗi người mà các cảnh giới tâm hiện hành. Có thể nói rằng tâm lý của con người vốn Vô ngã nên bất định tính, tùy theo sự huấn luyện giáo dục mà tâm hình thành. Tâm vốn không phải là “tánh bản ác” hay “tánh bản thiện”, cũng không phải do thiên mệnh hay định mệnh. Con người có khả năng làm chủ tâm mình và thuần hóa tâm mình như người huấn luyện ngựa thiện xảo có thể huấn luyện con ngựa chứng thành ngựa thuần.

Ngô Thừa Ân trình bày các ý nghĩa trên qua sự việc vua nước Diệt Pháp do căm tức các sãi mà truyền lệnh giết 10.000 vị sư (đã giết 9.996 vị). Với ông vua độc ác như thế mà chỉ qua một đêm Tôn Hành Giả với kỹ thuật giáo dục thiện xảo đã chuyển hóa tâm ông ta. Sáng hôm sau, vua và cả triều thần đều trở thành các Phật tử mộ đạo.

Tất cả sự việc thiện, ác ấy đều do nhân duyên mà sinh, và do con người chủ động. Vấn đề hưng suy của một xã hội cũng thế, do con đường văn hóa, giáo dục quyết định.

- Vạn hữu, dù tâm hay vật, đều do duyên mà sinh. Trí tuệ thấy thẳng sự thật Duyên khởi này gọi là Tự nhiên trí. Tôn Ngộ Không có trí tuệ về thực tướng của các hiện hữu, nhưng chưa chứng đắc được Tự nhiên trí. Vì thiếu Tự nhiên trí nên Ngộ Không còn bị lầm lẫn các tướng, rơi vào kế “chia hoa mai” của quỷ Nam Sơn Đại Vương, và rơi vào kế trá đầu người (trá đầu người khác làm đầu Đường Tăng). Mãi cho đến khi Tôn Ngộ Không, ngưng tâm vận dụng hết sức mạnh của trí tuệ mình dò xét mới biết Đường Tăng vẫn bình yên, rồi nỗ lực phá tan ma nạn này.

Từ Tự nhiên trí, hành giả tiếp tục an trú vào thiền quán Vô ngã để đi đến trí tuệ giải thoát tối hậu. Ma nạn này nhắc nhở Ngộ Không tiếp tục công phu thiền quán để mở đường vào Tam minh.

---o0o---

II. Quan niệm về con người

- Trí tuệ Vô ngã và sự thật Duyên khởi và cơ sở giá trị của nền văn hóa nhân bản, thiết thực và trí tuệ. Trí tuệ ấy là linh hồn của nền văn hóa giáo dục mới. Con người cần thường xuyên giác tỉnh an trú vào cái nhìn trí tuệ ấy. Thiếu nó thì con người sẽ rơi ngay vào vùng giá trị phi nhân bản, phi thực tại, hệt như Tôn Ngộ Không thiếu định lực và thiên quán sâu xa thì phải rơi vào bẫy của ác ma.

- Một tinh thần giáo dục khác của nền văn hóa mới là tinh thần “tùy duyên nhi bất biến” hay “Dĩ bất biến ứng vạn biến”. Tinh thần này không cố chấp vào các hình thức cứng nhắc của văn hóa cũ (chẳng hạn sự việc Quan Vân Trường từ khước “về tiểu lộ” để phải vong mạng). Tất cả giá trị là vì con người và hạnh phúc của con người.

Đến đây thì Đường Tăng đã tỉnh ngộ về sự trói buộc của các hình thức giá trị cũ, đã chịu nghe theo Tôn Ngộ Không cải trang thành lái buôn để vượt qua kinh thành nước Diệt Pháp (chỉ thay đổi chiếc áo, mà không phải thay đổi tâm hồn người tu sĩ). Con người sẽ bị chết đuối trong các giá trị hình thức!

---o0o---

III. Quan niệm về xã hội

- Ngộ Thừa Ân, tại các hồi truyện này, phơi bày một sự thật phi lý và phi nhân: Vua truyền lệnh chém giết một vạn nhà sư vô cớ và vô tội vạ.

Nếu nhà vua và các triều thần hiểu rõ nhân quả trong giáo lý Phật giáo thì sẽ nghĩ đến hậu quả mỗi khi quyết định một công việc, và sẽ không hành động vì sân hận, ganh ghét hay đố kỵ.

Giáo lý nhân quả sẽ là một triết lý làm cơ sở cho tinh thần trách nhiệm tự thân và cho các hành vi đạo đức.

- Chính Tôn Ngộ Không đã cảnh tỉnh được vua Diệt Pháp nên tên nước đã được đổi thành Hưng Pháp (làm cho nước thêm hưng thịnh. Thế nên có nghĩa là, theo Ngộ Thừa Ân Phật giáo sẽ giúp xã hội phong kiến trung hoa phát triển hưng vượng.

---o0o---

Hồi thứ 87

Hồi 87: “Quận Phụng Tiên đối trời bị nạn Tôn Đại Thánh khuyến thiện làm mưa”

I. Tư tưởng Phật học

- Ngô Thừa Ân đã vạch ra sai lầm của lối hành xử của xã hội cũ ở hồi 87 này rằng:

* Thương Quan quận Phụng Tiên giận việc nhà mà làm hỏng việc dân là một sai lầm lớn.

* Ngọc Hoàng lẽ đáng trừng phạt Thương quan lại gây hạn hán ba năm làm khổ dân lành. Hành phạt như vậy không đúng đối tượng mắc vào một sai lầm lớn khác. Theo quy luật nhân quả, và theo luật pháp công minh, thì đúng lẽ là ai làm người ấy chịu trách nhiệm. Phái đoàn Tây du, tiêu biểu cho tiếng nói của nền văn hóa mới sửa lại sai lầm đó bằng cách đem mưa về cứu dân.

Nền văn hóa mới như thế được xây dựng phù hợp với các vận chuyển của trời, đất, với quy luật nhân quả.

- Tại quận Phụng Tiên,phái đoàn Tây du đang hành đạo Bồ Tát, quan tâm sâu xa đến đời sống nhân dân trước mắt.

---o0o---

II. Quan niệm về con người

- Vấn đề thiện, ác và giúp nhân dân sống thiện tránh ác là vấn đề đạo đức. Nền đạo đức thiết thực, nhân bản và trí tuệ không phải là một hệ thống các mệnh lệnh đến từ các đấng uy quyền, thiêng liêng, mà là tiếng nói đích thực của quy luật tự nhiên giới (quy luật nhân quả), của an vui và hạnh phúc của các cá nhân và xã hội. Ngô Thừa Ân đã dựng lên cảnh các thiên thần khích lệ con người hành thiện, là ca ngợi điều thiện chính là đạo đức và chính là hạnh phúc. Đây là sửa chữa vững chắc của đạo đức, bởi con người có thể bằng các tướng trạng giả dối, trá hình để chạy trốn dư luận, chạy trốn pháp luật, nhưng con người không thể trốn chạy lương tâm và luật nhân quả.

Các cá nhân đạo đức sẽ hình thành một xã hội đạo đức. Một xã hội đạo đức thì sẽ hưng thịnh, và sẽ là xã hội mà muôn thuở con người mong ước.

- Giáo lý nhân quả còn giúp con người thường xuyên giác tỉnh sống với tinh thần trách nhiệm cá nhân, cơ sở trưởng thành của một nhân cách, và là cơ sở phát huy tinh thần trách nhiệm đối với tập thể xã hội.

---o0o---

III. Quan niệm về xã hội

- Xã hội cần được tổ chức trật tự và ổn định trật tự nhờ vào luật pháp công minh. Luật pháp sẽ được thi hành hữu hiệu nếu quần chúng sống chân thật và hướng thiện, biết sợ quả báo của các hành động bất thiện, biết giữ gìn các giới cấm và biết chế ngự tâm lý. Giáo lý nhân quả sẽ giúp quần chúng ham hành thiện, tránh ác; giới (giữ giới) sẽ giúp con người chế ngự các hành động của thân và lời; thiên định sẽ giúp chế ngự ý. Thế là Phật giáo quả cần thiết để giáo dục quần chúng xây dựng một xã hội ổn định và hưng vượng. Điều này là điều mà Ngô Thừa Ân muốn đưa vào văn hóa Trung Hoa và gọi là để cứu khổ dân Đông Độ (Trung Hoa).

---o0o---

Hồi thứ 88, 89 và 90

**Hồi 88: “*Sur đến Ngọc Hoa làm phép lạ
Ngô Không, Bát Giới dạy con vua*”**

**Hồi 89: “*Tinh sư tử võ hội yến Đình Ba
Ba đồ đệ đại nào núi Đầu Báo*”**

**Hồi 90: “*Sur tử bắt thầy trò Tam Tạng
Thiên Tôn thu yếu quái cứu đầu*”**

I. Tư tưởng Phật học

- Tại Bốc Sa Đình của Ngọc Hoa Vương, Ngô Không và Ngô Năng và Ngô Tịnh (biểu tượng của Huệ, Giới và Định) đã mở tâm cho ba tiểu vương (con vua Ngọc Hoa Vương) thấy rằng các giá trị chân thật không ở nơi các tướng trạng biểu hiện. Bên trong ba thân hình xấu xí của ba đồ đệ Đường Tăng là ba tâm hồn đẹp đẽ, trong sáng và đầy thần lực. Cái tập quán người đời đánh giá con người qua hình tướng là một thiếu sót lớn.

Khi thấy rõ chân giá trị của Ngô Không, Ngô Năng và Ngô Tịnh, ba tiểu vương liền thi lễ và cầu xin thụ giáo để trở thành ba nhà lãnh đạo giỏi của nhân dân.

- Con sư tử chín đầu hiệu là Cửu linh Nguyên Thánh là con vật cưỡi của Thái Ất Nguyên Tôn cứu khổ; nó đã đắc đạo, và là biểu tượng chín cảnh giới của tâm chúng sinh đã được chuyển hóa tâm giải thoát. Tại đây Ngô Không và cả phái đoàn Tây du chưa vượt khỏi chín cảnh giới tâm nên không thể chiến thắng con sư tử chín đầu ấy. Phái đoàn (hay hành giả) cần hướng tâm giải thoát đến Phật trí (được biểu tượng bằng Thái Ất Thiên Tôn Cứu Khổ) và tinh cần tu tập cho đến khi thuần thực giải thoát các lậu hoặc mới có thể vượt khỏi chín cảnh giới tâm ấy. Bởi thế, Tôn Ngô Không đã phải đến cầu cứu với Thái Ất Thiên Tôn mong ngày thu phục sư tử chín đầu mới giải thoát được Đường Tăng, Ngọc Hoa Vương và Tam Tiểu Vương.

Ma nạn bấy giờ không phải do yêu tinh trần thế, mà là tinh ở thượng thượng giới. Trở ngại là do chính cảnh giới tâm mà hành giả đang an trú. Sự trôi buộc này quả thật là khó. Hành giả mỗi lần đi vào một cảnh giới Định và Tuệ mới thì liền đó cảnh giới ấy trở thành chướng ngại bước chân giải thoát mà hành giả cần vượt qua. Cứ thế, công phu giải thoát cần phải được liên tục phát triển với tuệ Vô ngã và tâm Vô trước. Tâm dính trước thì liền bị các chướng ngại. Sự dính trước vào mỗi cảnh giới tâm được biểu hiện bằng hình ảnh người chằm sư tử say rượu mê ngủ để sư tử sổng chuồng xuống hạ giới quấy phá. Ngô Thừa Ân quả thật là sành Phật lý!

- Từ đây nhìn lui lại các ma nạn do con sâu cưỡi của Bồ Tát Quán Thế Âm, chú tiểu đồng của Bồ Tát Di Lặc, hay con trâu xanh của Thái Thượng Lão Quân gây ra đều là các cảnh biểu tượng có lên sự thiếu chánh niệm tỉnh giác của hành giả trong công phu hành giải thoát đến Tâm và Tuệ giải thoát. Mất

cảnh giác công phu phát triển trí tuệ mà Ngô Thừa Ân trình bày biểu trưng bằng các ma nạn.

---o0o---

II. Quan niệm về con người

- Con người của xã hội mới cần được soi sáng về giá trị chân thật của hành động và giá trị chân thật của con người để nuôi dưỡng giá trị đó. Nuôi dưỡng các nhân tố tích cực trong việc xây dựng nền văn hóa mới, như trường hợp ba tiểu vương làm lễ bái sư với Ngô Không, Ngô Năng và Ngô Tịnh để học võ thuật và thân thông (của Tuệ, Giới, Định).

- Như đã đề cập, cái tốt và cái xấu gắn liền nhau trong xã hội và trong mỗi cá nhân. Với xã hội của nền văn hóa mới, các quan niệm cũ của xã hội đã trở thành lực của việc xây dựng xã hội mới; như sư tử vàng và sư tử chín đầu là trở lực của phái đoàn Tây du, và là trở lực của việc học tập võ thuật của ba tiểu vương vậy.

Sự cọ xát giữa hai quan niệm giá trị hẳn phải có. Nỗ lực để chiến thắng của quan niệm mới cần được kiên trì vận dụng cho đến thời điểm thành công, thời điểm thuyết phục được các quan điểm bảo thủ.

- Trở lực lớn nhất là sự bảo thủ của hàng ngũ Vua quan. Lực lượng cải tổ văn hóa cần vận động đổi mới tư duy ở hàng ngũ này, như Ngô Không, Ngô Năng và Ngô Tịnh đã thuyết phục ba tiểu vương.

---o0o---

III. Quan niệm về xã hội

- Thay đổi quan điểm ở một cá nhân đã là khó, thay đổi các tập tục lạc hậu phi văn hóa còn khó hơn. Sức phản kháng và đối với nền văn hóa mới mạnh nhất mà ta thấy trong tác phẩm Tây Du Ký là ở hàng ngũ vua quan và các thế lực được hàng ngũ đó cung dưỡng. Khi phái đoàn Tây du cảm hóa được Ngọc Hoa Vương và ba Tiểu vương thì liền phải đối đầu với lực lượng sư tử chín đầu nguy hiểm. Lực lượng sư tử này không vì lý tưởng bảo vệ giá trị của nền văn hóa cũ, nhưng tự trung thì nó cũng thuộc hệ văn hóa hữu ngã, bảo vệ quyền lợi của phe nhóm đầy tham vọng cá nhân.

Chính nghĩa của xã hội, bao giờ cũng vị tha, nhân ái vì hạnh phúc dài lâu của số đông, như đã được phái đoàn Tây du biểu hiện. Con đường cải tổ văn hóa Tây du biểu hiện. Con đường cải tổ văn hóa không thể không gặp các kháng cự mạnh mẽ. Trở lực sau cùng sẽ là trở lực lớn nhất bùng lên như ngọn đèn trước khi tắt. Bạn đọc hãy tiếp tục theo dõi các hồi còn lại.

---o0o---

Hồi thứ 91, 92, 93, 94 và 95

Hồi 91: “Phủ Kim Bình, vui xem đèn Tết

Động Huyền Anh phải khai khẩu cung”

Hồi 92: “Ba nhà sư đánh núi Thanh Long

Bốn vì sao bắt ma ma Tê Giác”

Hồi 93: “Vườn Cấp Cô, hỏi cũ bàn nguồn

Nước Thiên Trúc châu vua được võ nọ”

Hồi 94: “Sư dự yến vườn hoa

Quán mong vui tình dục”

Hồi 95: “Xem hình biết quả bắt ngọc thố

Giúp chính về chân rõ nguồn gốc”

I. Tư tưởng Phật học

- Sư tử chín đầu là nạn tập khí tâm thức của chín cảnh giới trước khi đến cảnh giới Phật. Tập khí đó bốc cháy lên lần sau cùng trước sức mạnh của thiên chỉ và thiên quán Vô ngã của hành giả. Tập khí đó là sự huân tập qua nhiều kiếp sinh tử phát sinh từ tâm ái. Phải chờ đến lúc ngọn lửa Ái sau cùng bị dập tắt thì các nhân tố của sinh tử mới bị đoạn tận, khổ đau mới được dứt trừ. Tại đây, hành giả mới làm xong những gì cần làm.

- Vì thế, tại đây Đường Tăng lại tiếp mắc vào nạn Ngọc Thố ở cung Hằng trả làm công chúa để ép duyên người về giải thoát, vừa để trả thù Tố Nga (công chúa thật).

Nạn ái dục này là thuộc tâm khát ái có từ thuở tâm vọng động dấy khởi lên các ngã tướng, như từ cái tát tai của Tố Nga đánh con Ngọc Thố. Nó là hư vọng.

Khi Tôn Ngộ Không tìm ra gốc gác của Ngọc Thố, thì Ngọc Thố liền bị thu về cung Hằng. Đây là biểu tượng nói lên rằng khi hành giả bằng thiền quán thấy rõ Ái là do duyên sinh, là giả tướng, không thật thì Ái liền tiêu mất. Tâm thức hiện rõ tuệ Vô ngã và tâm sạch phiền não lậu hoặc. Màn ảo thuật của sinh tử chấm dứt ngang đây.

- Công phu giải thoát của Đường Tăng ngang đây đã rất thiện xảo, đã thoát khỏi các chấp thủ ngã tướng, nên đã linh động thỏa hiệp tạm thời gá nghĩa với công chúa giả (Ngọc Thố) để chờ Ngộ Không mở đường thoát thân, đi đến Lôi Âm tự .

Đường Tăng vốn là hiện thân của chấp thủ ngã thế mà ở đây Đường Tăng đã tự tại với các ngã tướng, nói lên rõ ràng đây là trở ngại tâm thức sau cùng

---o0o---

II. Quan niệm về con người

- Vấn đề giáo dục truyền đạt các giá trị của nền văn hóa nhân bản và Vô ngã là vấn đề rất tinh tế. Khi hình thành nền văn hóa này, thì tâm lý con người có khuynh hướng chấp thủ nó và biến nó thành một giá trị đối lập với các giá trị cũ. Vô hình trung con người rơi trở lại tình trạng tâm thức của nền văn hóa hữu ngã và ước lệ cũ, như là Tố Nga ở cung Hằng bỗng động lòng trần giáng thế tạo nên một cuộc can qua mới. Do vậy, ở đây giáo dục mới cần xác định rõ ràng giá trị của nền văn hóa Vô ngã không phải đối lập với giá trị hữu ngã. Thế giới giá trị Vô ngã là bất định; vì bất định nên không thể đóng khung nó trong một phạm trù khu biệt nào; vì bất định nên nó tùy duyên mà hiện ra các giá trị như giá trị hữu ngã. Vì nó là Vô ngã, nên nó hiện ra tất cả ngã tướng nhằm đem lại an lạc, hạnh phúc cho mọi người, cho số đông. Nó là giá trị sống.

---o0o---

III. Quan niệm về xã hội

- Một xã hội của nền văn hóa Vô ngã là một xã hội mở, dung nhiếp các dị biệt thế nào để đoàn kết, thống nhất để xây dựng và phát triển hưng thịnh xã hội, và để mỗi người sống hạnh phúc rất là Người.
- Vì là xã hội Dân chủ mở nên nó không chấp nhận các hình thức chuyên chế độc tài.
- Vì là xã hội Dân chủ mở nên nó không chấp nhận các hình thức chuyên chế, độc tài.
- Vì là nhân bản, nên không chấp nhận mệnh lệnh từ các nhân danh thần quyền. Con người hành động theo ý thức tự giác, tự nguyện vì an lạc, hạnh phúc của số đông. Lý tưởng cao cả để phục vụ là con người và hạnh phúc của con người ở đời này và là của xứ sở, mà không phải sống phục vụ cho các mục tiêu trừu tượng, tưởng tượng của suy lý. Mọi giá trị xã hội đều xoay quanh giá trị cơ bản là nhân bản, thiết thực Vô ngã và trí tuệ nhằm loại trừ càng nhiều càng tốt các khổ đau trần thế.

Đích đến là Lôi Âm tự, nguồn văn hóa chỉ đạo cho văn hóa ở Đông độ

---o0o---

Hồi thứ 96 và 97

Hồi 96: “Khấu Viên ngoại mừng đái cao Tăng

Đường Trưởng lão không ham phú quý”

Hồi 97: “Trả của cải gây thêm ách họa

Hiện U hồn cứu giúp chân tu”

I. Tư tưởng Phật học

- Theo Phật giáo, vụ Đường Tăng bị hàm oan ở nhà Viên ngoại phải bị ở tù mấy hôm chỉ là phần nhân quả của các kiếp quá khứ để lại. Đây không phải là nạn của vọng thức. Vì thế, Tôn Hành Giả đã chủ động giải tỏa nhẹ nhàng.

Có nhiều người khi được giải thoát thì chầm dứt luôn nhân quả các kiếp quá khứ để lại. Đây không phải là nạn của vọng thức. Vì thế Tôn Hành Giả đã chủ động giải tỏa nhẹ nhàng.

Có nhiều người khi được giải thoát thì chầm dứt luôn nhân quả ngoại giới; có trường hợp như trường hợp của Đường Tăng còn chịu vương vãi hệ lụy bởi thân sắc hệ lụy, còn tâm thì không.

---o0o---

II. Quan niệm về con người

- Giá trị thực của một hành động đạo đức, như đã được bàn, được quyết định do tâm hành động (bao gồm nhận thức, lòng chân thật, vị tha và ý chí hành động). Viên ngoại bố thí cúng dường àm nặng lòng vị kỷ và hiếu danh hiếu lợi nên hậu quả là chiêu họa vào tự thân và liên lụy đến Đường Tăng.

Với người thực hiện nền văn hóa mới mà thực hiện với tấm lòng của nền văn hóa cũ thì kết quả cũng sẽ tương tự việc làm của Viên ngoại.

- Giá trị của hành động đạo đức theo giá trị của nền văn hóa mới không thể đơn thuần căn cứ vào hậu quả của hành động để đánh giá, như không thể căn cứ vào hậu quả của Viên ngoại Đường Tăng nhận chịu để đánh giá việc bố thí, cúng dường, bởi vì hậu quả đó một phần do nghiệp quá khứ của Viên ngoại, một phần do Viên ngoại chưa thực hành đúng pháp.

---o0o---

III. Quan niệm về xã hội

- Về giá trị của nền văn hóa mới cũng thế. Thành quả của xã hội mới gồm một phần do hậu quả của xã hội cũ để lại, một phần do xã hội chưa thể hiện đúng chân giá trị của nền văn hóa mới. Đây là bài học kinh nghiệm dành cho những người làm văn hóa lưu tâm.

- Trong xã hội, các thành viên xã hội không có sự giác ngộ đồng đều về nền văn hóa mới, và không có sự nhất trí trong các công tác xã hội nên không thể chờ đợi mọi kết quả tốt đẹp, như sự việc xảy ra trong gia đình Viên ngoại. Thành quả của văn hóa bao giờ cũng đến chậm hơn và kém hơn khả năng mà nền văn hóa ấy có thể đem lại.

Đây cũng là một kinh nghiệm khác đáng được lưu tâm để ổn định tâm lý mạnh dạn xây dựng các giá trị mới.

---o0o---

Hồi thứ 98, 99 và 100

Hồi 98: “Vượt thuộc, ngựa thần, vừa thoát xác

Công thành, hạnh đủ, gặp chân như”

Hồi 99: “Tám mươi một nạn yêu ma hết

Công hạnh tu tròn, đạo lớn thành”

Hồi 100 : Về thẳng phương Đông“

Năm Thánh thành Phật”

I. Tư tưởng Phật học

- Ở hồi 98, đến quán Ngọc Chân Đường Tăng mới thực sự hội diện với thực tướng. Ở đây các tập khí sinh tử còn thiếu sót lại (gọi là hơi hám sinh tử) được tẩy sạch (biểu tượng phái đoàn tắm gội nước thơm).

- Đến Lôi Âm tự có hai lối đi: một lối đường mây mà Tôn Ngộ Không thường biết. Đây là lối đến bằng trí tuệ giải thoát, trí tuệ Vô ngã. Trí tuệ Vô ngã cũng diện kiến được cảnh giới Phật ngay tại đây ở đời này, như Tôn Ngộ Không có thể dùng cân đầu vôn đến bất cứ lúc nào muốn. Một lối đến bằng tâm giải thoát, bằng thiền định, phải vượt qua nhiều cảnh giới tâm như lối mà Đường Tăng đi qua nhiều cảnh giới tâm như lối mà Đường Tăng đi qua với 81 ma nạn.

- Lôi Âm tự là nơi hội diện của hai lối đi ấy, nơi hội diện tâm giải thoát và tuệ giải thoát (gọi là toàn phần giải thoát).

- Thấy cảnh giới Phật bằng tâm và tuệ giải thoát là thấy như thật (thấy chân như)- chân đế.

Nếu thấy chỉ bằng tâm hay tuệ giải thoát thì chưa được gọi là thật thấy. Với các hành giả này, việc chỉ bày cảnh giới Phật chỉ có ý nghĩa “tục đế”.

Con đường tuệ là con đường mây; con đường tâm là con đường bộ.

- Với Phật giáo, từ khi có tuệ Vô ngã cho đến khi thể nhập sự thật Vô ngã là một công phu tu tập dài để trừ sạch tập khí, điều mà Tôn Ngộ Không nói lên rằng: “Trông thấy rồi còn chạy đồ ngựa nữa kia”.

- Cho đến khi Đức Bảo Tráng Quang Vương Phật chèo đò đưa Đường Tăng qua con sông cuối cùng (con sông ngăn đôi bờ ngã tướng và thực tướng, hay nói khác đi con sông nổi đôi bờ ngã tướng và thực tướng). Đường Tăng qua con sông cuối cùng (con sông ngăn đôi bờ ngã tướng và thực tướng) Đường Tăng mới thực giải thoát, để lại cái xác ngã tướng huyền mộng trên dòng sông Ái, Thủ.

Chiếc thuyền lướt trên sông nước Ái, Thủ là thuyền trí Vô ngã (hay gọi là trí tuệ không chấp thủ, hoặc trí tuệ ba la mật)

- Kinh văn viết về thế giới thực tướng phải là sự kinh vô tự, bởi hữu ái thì chuyên chờ khái niệm của ngã tướng. Nhưng nếu là vô tự không chuyên chờ khái niệm ngã tính thì tư duy khái niệm của người đời làm sao có thể thể nhận? Do vậy, Đức Như Lai truyền dạy trao kinh hữu tự giới thiệu con đường bộ về Tây Trúc như Đường Tăng đã trải qua vậy. Sự thật mà người đời có thể đón nhận qua kinh chỉ là Tục đế. Sự thật không có trong những dòng kinh, nhưng qua công phu tu tập Giới, Định, Tuệ mà các dòng kinh chỉ dạy thì thật tướng liền xuất hiện ngay trong tâm hành giả, như đã xuất hiện trong tâm Tôn Ngộ Không tại núi Linh Đài Phương Thốn, động Tà Nguyệt Tam Tinh.

- Cuộc hành trình của phái đoàn Tây du thực ra là cuộc hành trình giải thoát cho mỗi người đời mà ba tạng kinh mà Đường Tăng sẽ thỉnh về Đông Độ từ Tây Trúc. Cuộc hành trình phải tiêu trừ tập khí của 81 cảnh giới tâm để hiển lộ chân tâm bất diệt gọi là Phật tâm, Phật cảnh hay Phật tri kiến. Khi đã về đến Phật cảnh, hay nói cách khác khi chân tâm hiển lộ thì tất cả thế giới tâm thức bấy giờ thành thanh tịnh, Vô tướng. Toàn bộ phái đoàn Tây du (gồm năm thầy trò Đường tăng - bao gồm Tiểu Long mã) đều thành Phật, đều an trú cảnh giới Phật. Con đường giải thoát là con đường chuyển hóa tâm thức, thanh tịnh hóa tâm thức hay gọi là thăng hoa tâm thức từ cấu sang tịnh, từ ngã tướng qua Vô Tướng. Vì thế Đường Tăng khi thành tựu có hiệu là Chiên Đàn Công Đức Phật, tỏa ngát hương giải thoát như hương Chiên Đàn; từ hương đạo đức muốn cứu khổ chúng sinh trong dòng sinh tử trở thành hương giải thoát của một bậc giác ngộ đạo vàng.

- Tôn Ngô Không, trong cuộc đấu tranh tiêu trừ các ma nghiệp trên hành trình tu tập, đã luôn luôn lập công đi đầu qua các ma nạn, nay thành tự đạo - ở đỉnh cao của chiến thắng ma nghiệp, nên có hiệu là Đấu Chiến Thắng Phật.

- Trư Ngô Năng suốt lộ trình tu tập giải thoát phải đấu tranh với chính dục vọng, tính lười biếng và tính tham ăn của mình, nên khi đến đích giải thoát, cuối đường phấn đấu trở thành Tịnh Đàn Sứ Giả (làm chủ vật thực, hoa quả).

- Sa Ngô Tịnh, suốt đường tu ổn định tâm lý, kham nhẫn khó khăn nên khi thành đạo, tâm ấy hiển lộ ánh sáng tâm giải thoát sáng chói, có tên là A-la-hán mình vàng (kiên cố, bất hoại).

- Tiểu Long mã, suốt cuộc chiến đấu với ma quân luôn luôn là phương tiện đưa đường cho Đường Tăng, luôn luôn phù trì hạnh nguyện độ sinh, nên khi thành chánh quả có hiệu là Thiên Long Bát Bộ tiếp tục cứu độ giải khổ cho chúng sinh.

- Sự việc sau cùng khi Tôn Giả Ca Diếp và Tôn giả A Nan đòi phẩm vật dâng cúng khi trao chân kinh mang dáng dấp mà người đời gọi là “hồi lộ” đã khiến nhiều độc giả ưu tư, là sự kiện biểu hiện pháp tổ chức truyền thống thể hiện tại thế gian vốn đã được Đức Phật sắp đặt để Phật pháp có thể tồn tại lâu dài ở đời. Đây là ý nghĩa phân công phân nhiệm rất công bình trong tứ chúng đệ tử của Đức Phật: hàng xuất gia thì hành trì giải thoát và giảng dạy Pháp cho hàng tại gia; đáp lại hàng tại gia lo tứ sự cúng dường (chỗ ở, thực phẩm, thuốc men, y áo).

Chỉ có điều bất toàn là ngôn ngữ diễn đạt và thái độ phản ứng của Ngô Không và Ngô Năng đối với yêu cầu quà tặng của Tôn Giả Ca Diếp, A Nan hơi nặng nề. Lẽ đúng, sau khi tắm gội nước thơm sạch sẽ thì các tập khí thô động cũ đã được trừ bỏ. Thái độ tỏ nét ưu tư của Đường Tăng lúc bấy giờ (đòi quà tặng) cũng khá lạ so với tâm và tuệ giải thoát của Đường Tăng. Người viết nghi ngờ đoạn kết ấy là đoạn bị xen kẽ về sau.

Dù sao thì đây vẫn là đoạn kết của Tây Du Ký và không thể thiếu cảnh cuối là cảnh đòi hồi lộ. Tác giả Ngô Thừa Ân đã rất thâm hiểu Phật giáo và rất muốn có một đạo Phật đi vào cuộc đời nên mới dựng ra cảnh đòi vật cống trước khi trao kinh. Thực tế, hai Tôn Giả Ca Diếp và A Nan có đại thần thông đâu còn có đến bình bát vàng.

---o0o---

II. Quan niệm về con người

- Việc giáo dục, đào luyện nhân cách con người cũng tương tự việc đào luyện nhân cách giải thoát, nhưng chỉ giới hạn ở cấp độ thông tục. Nhà giáo dục cần nhận thức rõ tâm lý của mỗi người luôn có mặt hai khuynh hướng đối lập: dục và ly dục, vị kỷ và vị tha, thiện và ác, đố kỵ và tùy hỷ, tình thương và hận thù. Để phát triển khuynh hướng vị tha, tình người, thiện..., con người cần được sống trong môi trường Giới, Định, Tuệ. Xã hội cần tạo dựng môi trường sống cho cá nhân, gia đình và tập thể phát triển. xây dựng môi trường sống cho cá nhân, giáo dục và tập thể phát triển. xây dựng môi trường sống đó đòi hỏi thời gian và nhiều công phu. Nhưng, dù gian khó đến đâu xã hội cũng nỗ lực thực hiện như cuộc hành trình Tây du vậy. Đó là chọn lựa duy nhất và trí tuệ, và là trí tuệ ở đỉnh cao của Hi Mã Lạp Sơn (Himalaya). Con người hay thế giới, qua nhiều biến động rồi cũng quay về môi trường sống ổn định nhất cho hướng phát triển được mở ra từ một trí tuệ toàn giác (Đức Phật). Khó có thể mong chờ một môi trường sống nào khác.

- Cuộc đời luôn có mặt khổ đau. Cá nhân cũng cảm nhận khổ đau này hay cách khác. Đây là sự thật. Vì thế, chỉ còn cách tốt đẹp nhất là truyền đạt cho cá nhân cái nhìn trí tuệ Vô ngã, cái nhìn mà có thể hóa giải khổ đau, tạo dựng sức sống của an lạc, hạnh phúc. Sau khi thâm nhập văn hóa nhân bản và Vô ngã ấy, con người có thể trút bỏ các phiền não khổ đau khỏi mình và xã hội như Đường Tăng đã để lại cái xác ngã tướng, ngã niệm bành bồng trên sông nước sinh tử.

Nếu sống là phấn đấu và chọn lựa thì giáo dục mới cần giới thiệu với đời phấn đấu và chọn lựa nền văn hóa nhân bản và Vô ngã, như Ngô Thừa Ân đã chọn lựa cho nền văn hóa Trung Hoa ấy

---o0o---

III. Quan niệm về xã hội

- Qua toàn tập Tây Du Ký, Ngô Thừa Ân đã trình bày với độc giả nhiều quan niệm tốt về nhân sinh và xã hội. Bạn đọc có thể nhận ra ngay xã hội ấy là một xã hội dân chủ được tổ chức trật tự, chặt chẽ, đề cao tính người, tính trách nhiệm, tự chủ, đề cao tinh thần hiện thực, lòng nhân ái và trí tuệ.

Dòng sông và dòng lịch sử tiếp tục chảy trôi, chảy trôi mãi... nhưng tình người và những ước mơ an lạc hạnh phúc mãi mãi vẫn thế. Sống là sống với

dòng đời trôi chảy và sống hạnh phúc, mà không phải nói về hay mơ ước về. Để thể hiện nghĩa đó, trong đời sống với nhiều giá trị nhận thức, văn hóa giáo dục mới phải nắm giữ vai trò như vai trò của Tôn Hành Giả trong phái đoàn Tây du.

---o0o---

CHƯƠNG BA

Ngô Thừa Ân, hay Tây Du Ký với vấn đề một nền văn hóa hậu hiện đại.

I. Nhìn chung

Tình người, an lạc và hạnh phúc cho con người trong đời sống hiện tại là mơ ước nghìn thu của cuộc đời. Các văn hào, thi hào, nghệ sĩ, đạo sĩ, các nhà xã hội, văn hóa, giáo dục tư tưởng qua các thời đại vẫn tự nhận cái sứ mệnh nói trên niềm mơ ước rất người ấy.

Đức Phật Thích Ca đã dạy: “Ta ra đời vì lợi ích, an lạc của Chư Thiên và loài Người”. Có lẽ Ngô Thừa Ân nghe được lời dạy ấy vọng lên trên từng dòng kinh Phật nên mới sáng tác bộ tiểu thuyết Tây Du Ký để thể hiện sứ mệnh của một tư tưởng lớn giới thiệu một hướng văn hóa đầy tình người, an lạc và hạnh phúc. Tác giả hầu như đặt trọn niềm tin vào đấng Toàn Giác như một nhà đại giải thoát và đại văn hóa của nhân loại, vừa giới thiệu con đường thoát khổ vừa đề bạt một hướng văn hóa mới cho nhân dân Đông Độ.

Ngày nay, xã hội đã ý thức rằng giáo dục làm nên văn hóa và văn minh, công việc xây dựng một nền văn hóa mới là công việc xây dựng một hệ thống giáo dục mới đòi hỏi có sự hoàn bị về lý thuyết nhân tính (Theory of Personality) xác định rõ con người như thế nào là câu hỏi về nội dung giáo dục và kỹ thuật giáo dục. Tại đây cần xây dựng một triết lý về con Người, đề cập đến vai trò của nhận thức, tư duy hữu ngã và vấn đề giá trị, đạo đức của đời sống.

Về con Người, nền văn hóa cổ Hy Lạp và La Mã chưa có tiếng nói thuyết phục; nền văn hóa Trung Hoa cũng thế, chưa có một cái nhìn ổn định. Ngô Thừa Ân nhận thấy cần có cái nhìn mới ấy đang ngự trị Lôi Âm tự, vùng văn hóa Tây Trúc. Nền văn hóa này giới thiệu con người là một tập hợp của Năm uẩn: sắc, thọ, tưởng, hành thức uẩn. Sắc uẩn là phần vật lý; thọ, tưởng,

hành, và thức thuộc tâm lý. Bên trong con người Năm uẩn ấy có mặt trong nguồn năng lực và một trí tuệ vô hạn có thể giúp con người chuyển khát vọng hạnh phúc và chân lý thành hiện thực ngay tại đời sống này.

Sắc uẩn gồm có nội sắc (thân vật lý của mình) và ngoại sắc (thân tha nhân và thế giới vật lý). Thọ uẩn gồm có nội thọ (những cảm nhận hỷ, lạc trong thiền định) và ngoại thọ (các cảm nhận hỷ, lạc qua các giác quan bên ngoài). Tưởng uẩn gồm có tưởng về sắc, thanh, hương, vị, xúc và về pháp. Hành uẩn gồm có tư duy (tác ý) về sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp. Thức uẩn gồm có nhãn thức, tỉ, thiệt, thân và ý thức.

Như vậy, con người theo giáo lý nhà Phật và theo quan điểm của nền văn hóa mới, không phải là một ngã thể độc lập với tha nhân, gia đình, xã hội, thiên nhiên, mà gắn liền với các hiện hữu ấy. Thế giới này, xã hội này là chính cơ thể và tâm thức con người cần được bảo vệ tự thân và hạnh phúc của tự thân.

Với nhận thức Duyên khởi, Vô ngã của nền văn hóa mới, tư duy mới (chánh tư duy) con người, gia đình, xã hội và môi trường là một khối nhất thể, không thể tách ly: con người là con người của gia đình, xã hội và môi sinh; môi sinh là môi sinh của con người và xã hội.v.v... Cái nhìn mới này sẽ đưa ra các giá trị mới, thái độ sống mới là một nền văn hóa, giáo dục mới nhằm đem lại hòa bình, an lạc và hạnh phúc lâu dài cho xã hội.

Hạnh phúc không phải là của quan niệm, khái niệm, mà là của sự sống giác tỉnh trong hòa điệu của Năm uẩn. Hạnh phúc vì thế không phải của các ngã tướng, ngã niệm hay của dục vọng. hạnh phúc và con người là một, và là cái một của tương quan Duyên khởi. Con đường sống của nền văn hóa mới vì vậy là con đường sống của vị tha, của hòa điệu, của sự dập tắt các ngã tướng (với đời sống xã hội thì chế ngự các ngã tướng).

Ngày nay, nền văn minh hiện đại đã mạnh mẽ nói lên rằng văn minh vật chất càng phát triển thì cần phải tổ chức tốt nền văn minh tinh thần. Cuộc khủng hoảng về dân số, đạo đức và ô nhiễm môi sinh hiện tại đang đặt ra những thách thức lớn. Làm sống ung thư và sida đang ám ảnh con người. Nếu Tất cả (mọi người) đều thấy rõ sự thật của Duyên sinh hay Năm uẩn thì sẽ ý thức rằng khổ đau, rồi ren ở chỗ này là khổ đau rồi ren của chỗ kia, của toàn trái đất, và sẽ cùng nhau mở đường đi ra khỏi cuộc khủng hoảng cùng nhau bảo vệ trái đất như bảo vệ chính mình. Cái thấy biết sự thật ấy đang trông cậy vào vai trò của văn hóa giáo dục “hậu hiện đại”.

Các xã hội nếu được xây dựng trên cơ sở Duyên sinh Vô ngã thì chiến tranh sẽ dần dần biến mất, các tệ nạn xã hội (cướp bóc, tham nhũng...) sẽ dần dần biến mất. Con người nếu rõ Duyên sinh, Vô ngã thì sẽ nhận ra, qua thể nghiệm, dục vọng là khổ đau, vị kỷ là khổ đau, si mê là khổ đau, và sẽ tự động tách rời khỏi chúng. Tại đây con người sẽ sung sướng nhận ra rằng: cuộc sống đang còn nguyên ở đó tràn đầy những âm thanh và màu sắc; lẽ sống của mỗi cá nhân không phải là ham muốn; và hạnh phúc phải là thảo mãn các ham muốn, mà là sự biết sống, biết nhìn, biết đủ và biết rằng cuộc sống chính là mình. Mọi sự vẫn tiếp tục trôi chảy; con người tiếp tục sống như đang sống, nhưng sống với sự giác tỉnh nói trên.

Từ đây, từ sự thật Duyên khởi, con người sẽ không bàn đến hệ tư tưởng cho rằng có một đấng toàn năng tạo ra vũ trụ, và giữ quyền thưởng phạt con Người. Từ đây, con người trở về chính mình sống nương tựa mình và nương tựa sự thật Duyên khởi; trở về với sự hòa điệu của tim và óc, của cá nhân và xã hội, của thiên nhiên và con người trở về với sự tách rời khỏi các nhân tố gây ra khổ đau cho mình và người (như chấp ngã, dục vọng, ích kỷ, đố kỵ.v.v...).

Đây là một số ý niệm tổng quát, Ngô Thừa Ân đã nở ra một cuộc Tây du vượt qua 81 ma nạn trước khi đặt chân tới Lôi Âm tự, thì nền văn hóa giáo dục hậu hiện đại cũng cần thời gian để giáo dục con người và tổ chức xã hội theo nhận thức, tư duy mới (nhân bản và trí tuệ) để hình thành nếp sống văn hóa mới, phải vượt qua nhiều khó khăn trước khi nhìn thấy quả. Có nhiều việc làm mà chúng ta sẽ lần lượt bàn đến.

---o0o---

II. Sự thật của con người và cuộc đời.

Sự thật và hạnh phúc là vấn đề lớn mà nhân loại mãi tìm kiếm. Còn tìm kiếm có nghĩa là còn chưa thấy. Vì chưa thấy rõ sự thật của cuộc đời nên con người tiếp tục nói về, bàn về cuộc đời. Vì sự thật của con người là khổ đau nên con người khát vọng tìm kiếm hạnh phúc. Tìm kiếm hạnh phúc là vai trò của văn hóa và giáo dục.

Cách đây 26 thế kỷ, thái tử Siddhattha (người xứ Ấn) đã tự mình tìm kiếm lời giải đáp cho hai vấn đề lớn nói trên. Sau một thời gian hành sâu thiền định và sáu năm hành khổ hạnh, thái tử vẫn mịt mờ trước sự thật. Nhưng sau bốn (hay bảy) tuần lễ thiền quán dưới cội cây bồ đề, thái tử đã chứng ngộ sự

thật Duyên khởi, thấy rõ gốc của khổ đau và con đường dẫn đến đoạn diệt khổ đau, và thái tử bấy giờ trở thành bậc Toàn Giác, Phật, Thế Tôn.

Sự thật mà Đức Phật đã chứng ngộ có thể được tóm tắt như sau:

- “Do cái này có mặt nên cái kia có;

Do cái này sinh, nên cái kia sinh.

Do cái này không có mặt, nên cái kia không có,

Do cái này diệt, nên cái kia diệt”

- Do vô minh mà có hành, do hành mà có thức, do thức mà có danh sắc, do danh sắc mà có lục nhập, do lục nhập mà có xúc, do xúc mà có thọ, do thọ mà có ái, do ái mà có thủ, do thủ mà có hữu, do hữu mà có sinh, do sinh mà có lão tử, sầu, bi, khổ, ưu, não. Đây là sự tập khởi của toàn bộ khổ uẩn”. (Tương Ưng II, bản dịch của HT Thích Minh Châu, 1982, tr. 4)

Vô minh là chi phần đầu của 12 nhân duyên, nhưng không phải là nguyên nhân đầu tiên; nó cũng do duyên mà sinh. Vô minh đã được Đức Phật định nghĩa:

“Và này các Tỷ kheo, thế nào là vô minh? Đây các Tỷ kheo, không biết rõ về khổ, không biết rõ về khổ tập, không biết rõ về khổ diệt, không biết rõ về khổ tập, không biết rõ về khổ diệt, không biết rõ về con đường đưa đến khổ diệt. Đây các Tỷ kheo, đây gọi là vô minh”. (sđd. tr.4)

Từ định nghĩa trên, vô minh có thể được hiểu là do không hiểu Tứ đế, không hiểu duyên khởi, hay do chấp thủ các ngã tướng. Giờ chúng ta thử quan sát sự vận hành của vô minh trong mỗi cá nhân hiện tại trong nền văn hóa hiện đại.

1. Nhóm Vô minh và Hành.

Nền văn hóa phổ biến hiện nay của nhân loại là sản phẩm của tư duy hữu ngã. Tư duy này đặt để các ngã tính cho mọi hiện hữu để thiết lập trật tự cho tư duy và cuộc sống. Như vậy ở đó có mặt Vô minh và Hành. Nói khác đi, nền văn hóa ấy đang biểu thị sự vận hành của Vô minh.

Con người chịu ảnh hưởng của văn hóa, tư duy được định hình bởi văn hóa, nên mặc nhiên xem tự ngã như là có thật.

Thế là Vô minh xâm nhập và ngự trị các hành động thân, lời và ý của con người.

2. Nhóm Thức và Danh sắc.

Giáo dục làm nên văn hóa. Văn hóa đã là hữu ngã thì giáo dục cũng mang tính chất hữu ngã thì giáo dục cũng mang tính chất hữu ngã. Giáo dục thì truyền đạt các kiến thức, rèn luyện tư duy, nên kiến thức và tư duy ấy là hữu ngã và là Vô minh. Thức là hữu ngã là vô minh. Nếp sống của con người Danh sắc hình thành nghiệp thức và mở ra dòng sống à chuyên chở Vô minh và khổ đau.

Thế là, cái gọi là sống của mỗi cá nhân chỉ là sự biểu hiện của những ý niệm hữu ngã, đã đánh mất sự sống.

3, Nhóm Lục nhập, Xúc, Thọ.

Lục nhập, Xúc, Thọ chỉ là sự biểu hiện của Thức và Danh sắc là hiện hành của Vô minh của nền văn hóa hữu ngã. Cái gọi là cá nhân xúc, thọ thật sự chỉ là Vô minh xúc, thọ. Và, vì thế gọi là “tôi khổ đau” chỉ là một vọng tưởng ám ảnh cá nhân.

4. Nhóm Ái, Thủ

Lòng khát sống của cá nhân trước cuộc sống bốc cháy các khát khao ngũ dục lạc (hay dục ái) các khát khao tồn tại (hữu ái) và các khao khát vĩnh cửu (vô hữu ái). Khát khao ấy thúc dục cá nhân nắm chặt đối tượng khát khao. Đây là Chấp thủ. Hậu quả của Chấp thủ là các cuộc xung đột, chiến tranh, kỳ thị tôn giáo, mà da và phái tính... mở ra một cuộc diện bất an hiện nay.

Lòng khát ái thì dẫn đến các hiện tượng phát triển “sex”, kinh doanh “sex”, đẩy con người chìm sâu vào các thụ hưởng thấp kém làm rã dần nền đạo đức cá nhân, gia đình và xã hội.

Khi mà Tham ái và Chấp thủ phát triển mạnh, thì các tâm lý vị tha, nhân ái, công bằng, khoan dung phải co mình lại, xã hội lâm vào các nguy kịch của các tệ trạng, của sự tàn phá rừng, biển và ô nhiễm môi sinh, của sự khai thác

vô độ lòng dục ái và tinh thần cạnh tranh, tách xa dần hướng giáo dục nhân bản.

Trước sự thật cuộc sống đang đi vào băng hoại ấy, các nhà giáo dục cần cấp thiết mở ra các hướng giáo dục thoát khổ, hướng giáo dục Duyên Khởi vận hành để đoạn trừ Vô minh, như Đức Phật đã dạy về Duyên Khởi, và đã mở đường rằng:

“Nhu vậy này các Tỷ kheo, Vô minh duyên Hành, Hành duyên Thức, Thức duyên Danh sắc, Danh sắc duyên Lục nhập, Lục nhập duyên Xúc, Xúc duyên Thọ, Thọ duyên Ái, Ái duyên Thủ, Thủ duyên Hữu, Hữu duyên Sinh, Sinh duyên Khổ, Khổ duyên tìn, tìn duyên hân hoan, hân hoan duyên hỷ, hỷ duyên khinh an, khinh an duyên lạc, lạc duyên định, định duyên tri kiến như chân, tri kiến như chân duyên yếm ly, yếm ly duyên ly tham, ly tham duyên giải thoát, giải thoát duyên trí về đoạn diệt. (Tương Ứng II, sđd, tr. 37)

Giáo dục cần chỉ cho con người thấy rõ các nguy hiểm của nền văn hóa có chiều hướng đang bị vận hành bởi Vô minh, bởi những ý niệm chấp ngã, chấp “tôi” để mở lòng tin về một nền giáo dục duyên khởi loại bỏ Vô minh, mở hướng vào an lạc và hạnh phúc trong hiện tại.

5. Nhóm Hữu, Sinh, Lão tử, Sầu, Bi, Khổ, Ưu, Não.

Do Vô minh, nền văn hóa hiện tại đang hiện hành với những hiện tượng xã hội báo động. Đây là Hữu, Sinh, Lão tử, Sầu, Bi, Khổ, Ưu, Não, là sự sinh khởi của Vô minh và khổ đau.

Con đường xây dựng hạnh phúc cho đời vì vậy cần được vận hành bởi Minh hay chánh kiến, trí tuệ. Đây là sự vận hành của nhận thức Vô ngã sẽ mở ra hướng sống nhân ái, vị tha, vì hạnh phúc an lạc của số đông, và sẽ mở ra một nếp sống đạo đức nhân bản, hiện thực và trí tuệ cho cá nhân, gia đình và xã hội..

Suốt hơn bốn mươi năm giáo hóa, Đức Phật chỉ nói khổ và con đường diệt khổ cho đủ mọi căn cơ xuất gia và tại gia, vì thế toàn tạng Kinh, Luật, Luận của Phật giáo cũng chỉ kết tập về những lời dạy tập chú về việc trình bày khổ và con đường diệt khổ và nói đến nếp sống, nếp nghĩ thế nào để đạt hạnh phúc trong hiện tại và trong tương lai.

Giáo lý của Phật đã giới thiệu rất nhiều nếp sống phù hợp với mọi căn cơ ở đời đi đến hạnh phúc, nên đạo Phật cần được giới thiệu, phổ biến rộng rãi

cho đời, trong thế giới học đường. Đây là một nội dung mà các hệ thống văn hóa, giáo dục hiện đại đang tìm kiếm.

---o0o---

III. Một nền giáo dục Duyên khởi.

Hơn ba phần tư nhân loại hiện nay không biết đến đạo Phật, hay không nghiên cứu đạo Phật. Số còn lại có sống với, có tìm hiểu, có nghiên cứu hay quan sát sinh hoạt của Phật giáo.

Các nhà xã hội học, các nhà văn hóa, tư tưởng hay giáo dục hiện đại vẫn chưa có nhân duyên tìm hiểu cặn kẽ, sâu xa giáo lý Phật giáo. Với những vị có nghiên cứu sâu thì chỉ nghiên cứu đạo Phật như như một hệ thống tư tưởng triết lý. Với những vị này chỉ thiếu điều kiện thực hành nên cũng khó nhận ra chân giá trị của đạo Phật. Hầu hết cứ định ninh rằng Phật giáo là một tôn giáo, vì thế Phật giáo chỉ dành cho lãnh vực tín ngưỡng, mà xa lạ với các nếp sống con người khát vọng tạo dựng hạnh phúc trần gian. Hoặc giả định ninh rằng Phật giáo cứ nói mãi về khổ đau thì là tiếng nói bi quan; hay Phật giáo chủ trương ly dục là một chủ trương không thiết thực, xa lạ với con người.v.v... Thật là đầy ngộ nhận! Làm sao người ta có thể tin rằng Phật giáo có thể giới thiệu với đời một đường hướng giáo dục rất thiết thực, nhân bản và trí tuệ?!

Vào thế kỷ XVI, Ngô Thừa Ân, qua tiểu thuyết Tây Du Ký, tin tưởng rằng Phật giáo sẽ giúp cải thiện đường hướng văn hóa, giáo dục của xã hội Trung Hoa, ông đã viết những suy nghĩ của ông thành bộ tiểu thuyết Tây Du Ký bất hủ, nhưng những tâm sự, suy nghĩ, hoài bão của ông vẫn được gói kín trong 100 hồi truyện cho đến ngày nay. Những tư duy phát hiện giá trị đạo Phật đầy trân quý của ông chỉ để giúp đời giải trí sau các ngày giờ làm việc mệt mỏi, bởi vì đây là tiểu thuyết, mà không phải là giáo dục, tư duy và tâm lý. Kinh Phật thì chỉ để dành cho tu sĩ Phật giáo và để tôn quý, bởi vì đó là tôn giáo mà không phải là văn hóa giáo dục. Thật là đáng tiếc!

Giáo dục có hai mục tiêu chính:

1. Giáo dục con người tự thân hiểu mình và biết hướng dẫn đời mình đi đến hạnh phúc ngay trong hiện tại.
2. Giáo dục con người xã hội hiểu biết xã hội mình đang sống và đáp ứng các yêu cầu của xã hội và lịch sử với các mục tiêu tức thời và lâu dài.

Về mục tiêu thứ nhất của giáo dục, thì đạo Phật đáp ứng trọn vẹn, nếu không nói là rất lý tưởng. Về mục tiêu thứ hai của giáo dục là giảng dạy cung cấp cho học viên, sinh viên các kiến thức chuyên môn để xây dựng và phát triển xã hội. Trong mục tiêu này, xã hội và lịch sử còn yêu cầu học đường dạy một tinh thần đoàn kết dân tộc kéo sơn thể hiện ngay trong học đường và ngoài xã hội. Về yêu cầu này, học đường cần có một triết lý giáo dục như thế nào vừa nhân bản vừa dân tộc, vừa có thể vượt qua các dị biệt. Hẳn là giáo lý Duyên khởi, Vô ngã đáp ứng yêu cầu này. Duyên khởi là sự thật của vạn hữu, nên không thuộc riêng của ai hay của dân tộc nào, vì vậy nó là của mọi người. Vì Vô ngã nên khi một người chấp nhận Duyên khởi, Vô ngã thì dễ dàng hòa hợp với các ngã, với các tư duy tín ngưỡng hữu ngã; do vậy dễ dàng đến với mọi người, dễ dàng hòa hợp đoàn kết. Vì có nhận thức Vô ngã nên có thái độ sống vô chấp, không bảo thủ, khoan dung, nên cũng dễ dàng đoàn kết, thống nhất với mọi người, mọi khuynh hướng vì đại nghĩa xã hội, dân tộc.

Ngoài hai đóng góp quan trọng trên, Duyên khởi là toàn bộ giáo lý Duyên khởi và toàn bộ giáo lý Giới, Định, Tuệ của Phật giáo có thể có rất nhiều đóng góp rất hữu ích khác nhau cho giáo dục như giáo dục tinh thần tự trị, tự giác tự trách nhiệm, độc lập, tùy duyên, tự trọng, tinh thần phê phán, tinh thần thiết thực hiện tại, nhân bản, thiên định và sáng tạo, tinh thần khích lệ.v.v...

Về triết lý giáo dục, giáo lý Duyên khởi và Ngũ uẩn có thể giúp học đường xây dựng một lý thuyết về nhân tính ổn định và giá trị. Hai giáo lý này có thể là cơ sở để hình thành nhận thức luận và giá trị luận sáng giá.

Về tâm lý, đạo Phật là con đường đoạn diệt phiền não, lo âu, vốn là vai trò chính của ngành tâm lý giáo dục hiện đại.

Với một số ưu điểm tiêu biểu vừa đề cập, chúng ta có thể đi đến kết luận rằng văn hóa Phật giáo có nhiều điểm thể hiện các giá trị nhân bản phù hợp với các chuẩn mực đạo đức và văn hóa mà chúng ta đang xây dựng.

Kinh nghiệm lịch sử Việt Nam dưới triều đại Lý, Trần (từ thế kỷ XI đến cuối thế kỷ XIV) cho thấy văn hóa Phật giáo làm chủ đạo cho văn hóa Việt Nam thời bấy giờ và đã tạo nên một sức mạnh dân tộc phi thường; Bắc thẳng Tống, Nam bình Chiêm dưới triều Lý; ba lần đại phá quân Nguyên Mông dưới đời Trần, đạo quân xâm lược rất hùng mạnh đã đánh bại Trung Hoa và nhiều nước Châu Âu đương thời.

Trong thời kỳ lịch sử cận đại và hiện đại, bên cạnh sự phát triển khoa học, tinh thần giáo lý từ bi và thiền định Phật giáo đã đóng góp rất nhiều cho sự hùng mạnh của nước Nhật Bản.

Vẫn còn rất nhiều bài học hữu ích, giá trị cần thiết cho con người và cho lịch sử dân tộc rút ra từ pt, chúng ta cần công phu nghiên cứu, vận dụng trong sự nghiệp giáo dục văn hóa nước nhà.

---o0o---

IV. Triết lý Giáo dục

Một đường hướng giáo dục, ngoài lý thuyết về nhân tính, còn có triết lý giáo dục của nó để từ đó hình thành một mẫu người giáo dục và nội dung giáo dục.

Có ba vấn đề chủ yếu hình thành một đường hướng triết lý nói chung và triết lý giáo dục nói riêng đó là vấn đề bản thể, vấn đề nhận thức và vấn đề giá trị cần được bàn đến đối với giáo lý Phật giáo.

1. Vấn đề bản thể (ontology)

Hệ tư tưởng Âu, Mỹ chịu ảnh hưởng của tư duy nhị nguyên (tư duy ngã tính) đã nêu ra vấn đề bản thể khi đi tìm hiểu sự thật của con người và cuộc đời. Đặt ra vấn đề bản thể là đặt vấn đề nguồn gốc của sự vật, hay vấn đề bản chất, hoặc bản tính của sự vật, hoặc vấn đề nguồn gốc hay nguyên nhân đầu tiên.

Sự vật được tìm hiểu ở đây trở thành đối tượng của tìm hiểu mà chr thể tìm hiểu của nó là tư duy của con người hoạt động qua các giác quan giới hạn sự ghi nhận của các giác quan về các hiện hữu vốn giới hạn, khó phản ánh được sự thật của các hiện hữu. Tư duy thì hoạt động qua nguồn tin tức mà các giác quan cung cấp, cộng thêm với khả năng phối kiểm tổng hợp đầy ngã tính. Thế nên, dưới cái nhìn trí tuệ như thật của Phật giáo, sự thật của các hiện hữu không có mặt trong các câu hỏi và trong các câu trả lời của hệ thống (cơ cấu) tư duy ấy. Nói khác đi, qua sự thật Duyên khởi đã được Đức Phật chứng ngộ dưới cội bồ đề, thì vấn đề bản thể, bản chất hay nguồn gốc theo nghĩa “ontology” ấy không phù hợp với giáo lý nhà Phật. Nó thuộc tư duy nhị nguyên, mà không phải của thực tại. Phật giáo phủ nhận các câu hỏi về bản thể, bản chất, nguồn gốc hay nguyên nhân đầu tiên ấy. Câu hỏi đã đi xa khỏi thực tại, thì câu trả lời cho câu hỏi đó càng đi xa hơn khỏi thực tại.

Vì phủ nhận nguyên nhân đầu tiên của các hiện hữu, nên giáo lý Duyên khởi phủ nhận các quan điểm cho rằng có đấng sáng tạo vũ trụ, đấng Thượng đế hay Phạm thiên tạo ra loài người.

Vì là Duyên khởi, Vô ngã, nên giáo lý Phật giáo không chấp nhận, không chủ trương duy tâm, không chủ trương duy vật, duy linh.v.v... Vũ trụ và con người là do duyên sinh. Tâm, Vật, Linh.v.v... là do duyên sinh.

Với Phật giáo, vũ trụ và vạn hữu đang là, là duyên sinh:

“Do cái này có mặt, nên cái kia có.

Do cái này sinh, nên cái kia sinh”.

“Do cái này không có mặt, nên cái kia không có,

Do cái này diệt, nên cái kia diệt”.

Vì do duyên mà sinh nên mọi hiện hữu dù là ý niệm như lông rùa, sừng thỏ, hay thái dương hệ, đều rỗng không tự ngã và được gọi là Vô ngã, Vô Tánh hay Không Tánh.

Nhưng, vũ trụ, vạn hữu đến với mỗi người thì không còn như chúng hiện hữu, đã bị méo mó đi nhiều do sự can thiệp của các giác quan con người, tư duy tình cảm và các định kiến khác. Chỉ khi nào loại ra khỏi cái nhìn của con người các nhân tố can thiệp ấy thì vũ trụ vạn hữu mới xuất hiện như thật, như chúng đang là.

Cái thấy biết ngã tính của con người như vậy là sai lầm (sai với thực tại) và được giáo lý nhà Phật gọi là điên đảo kiến.

Cái tâm của con người hoạt động, tác ý trên các ngã tướng là không thật và được gọi là điên đảo tâm.

Cái niệm tưởng của con người là ngã tính và niệm tưởng về các ngã tướng gọi là ngã tướng nó sai lầm và được gọi là điên đảo tưởng.

Thói quen tình cảm của con người sống với các ngã tướng, ngã tướng, sống với các dục niệm khiến trở ngại chánh kiến, chánh niệm nên được gọi là điên đảo tình.

Phật giáo với vai trò giáo dục chỉ rõ cho người đời thấy rõ bốn thứ điên đảo ấy và tu tập tâm để thoát ly chúng. Khi bốn thứ điên đảo ấy được nhiếp tịnh, thì vũ trụ và con người chân thật xuất hiện. Vấn đề giáo dục ở đây không phải giới thiệu vũ trụ và con người chân thật là gì, mà là giới thiệu những gì đang ngăn che tâm con người và huấn luyện tâm để làm sụp đổ các ngăn che ấy. Khi các ngăn che sụp đổ, thì các thật tướng xuất hiện. Con người sống đúng nghĩa là sống với thực tại, sống với sự thật ở ngoài các ngăn che.

2. Vấn đề nhận thức (Epistemology)

Tư duy con người hoạt động dựa vào các tin tức được cung cấp từ các giác quan tại, mắt, mũi, lưỡi, thân và ý căn, dựa vào kinh nghiệm của giác quan và dựa vào kinh nghiệm tư duy gán cho sự vật. Ngã tính ấy là hệ quả của ba nguyên lý căn bản làm nền tảng để tư duy có thể hoạt động. ba nguyên lý đó là:

a/ Nguyên lý đồng nhất: Một vật được gọi là A thì mãi là A như thế thì tư duy mới làm việc được.

b/ Nguyên lý cấm mâu thuẫn: Một vật được gọi là A hoặc được gọi là B, chứ không thể khi thì A khi thì B. Ôn định tên gọi như vậy thì tư duy mới có thể vận động.

c/ Nguyên lý triệt tam: Một vật có thể được gọi là A hay B, chứ không thể vừa là A vừa là B. Có vậy tư duy mới có thể hoạt động. Ba nguyên lý trên hàm ý rằng (hay giả định rằng) mọi hiện hữu đều phải có tên gọi riêng và có ngã tính bất biến. Thế là yêu cầu để tư duy có thể hoạt động là gán cho mỗi hiện hữu một ngã tính. Vậy nên tư duy này được gọi là tư duy hữu ngã, tư duy ngã tính hay tư duy nhị nguyên (chủ thể nhìn và đối tượng nhìn đều có ngã tính độc lập). Trong khi đó, thực tại thì trôi chảy liên tục, bạn không thể đặt chân hai lần trên một dòng nước. Như thế hoạt động tư duy của con người thì khác với thực tại. Đây là điểm đầu nguồn quyết định thân phận con người, luôn luôn đặt con người ngoài thực tại, mâu thuẫn với thực tại để làm dây sinh vô số khổ đau, phiền não, tham, sân, si dục vọng và các phiền não đều dây khởi từ tư duy hữu ngã ấy.

Các căn thì được cấu tạo có điều kiện, khả năng đón nhận sự vật rất hạn chế, đã cung cấp tin tức cho tư duy rất giới hạn, có khi sai lạc hẳn. Đây là một điểm khác nói lên giới hạn và sai lầm của tư duy.

Nhận thức, hiểu biết của con người là đến tư duy và giác quan giới hạn ấy, nên dẫn con người đến các thấy biết hạn hẹp, sai lầm, che mờ sự thật, sự thật của vạn hữu thực tại. Giáo dục có vai trò chỉ cho con người thấy cái giới hạn của nhận thức, và vạch mở con đường giúp con người thấy sự thật và thấy hạnh phúc tại trần gian.

Phật giáo rất tuyệt vời trong việc đảm nhận vai trò giáo dục này. Đức Phật dạy có năm cấp độ thấy biết thực tại:

a/ Tưởng tri (Sannajànati): khả năng phân biệt các sự vật hiện hữu, khả năng kinh nghiệm, ghi nhớ và hồi tưởng.

b/ Thức tri (Vinnajànati): khả năng ghi nhận sự hiện diện của các pháp qua mắt, tai, mũi, lưỡi, thân và ý căn.

c/ Tư duy (Mannajànati): khả năng nối kết, phân tích tổng hợp, phối kiểm và suy luận lên các dữ kiện, tin tức do các giác quan cung cấp.

d/ Thắng tri (Abhijànati): là cái thấy biết sự vật trực tiếp bằng sự quán sát của tâm thức trong thiền định (không có mặt tư duy). Cái thấy biết của thắng tri tương tự như trực giác triết học của phương Tây. Tại đây, con người thấy sự vật như sự vật đang trôi chảy.

đ/ Liễu tri (Parijanàti): Tiếp nối cái thấy biết của thắng tri cho đến khi thật nhuần nhuyễn, khi mà tâm tham, sân, si đều rụng đổ hết, thì cái thấy biết bấy giờ gọi là liễu tri. Liễu tri mới là cái thấy biết sau cùng, như thật, như chân mọi hiện hữu.

Ba cấp độ thấy biết đầu là thuộc nhận thức, tri thức và các tri kiến của con người và của thế giới học đường cũ. Học đường ngày nay, hay nền văn hóa “hậu hiện đại” cần giáo dục con người đi vào hiểu biết thắng tri và liễu tri, và thực hiện thắng tri, liễu tri. Sự thật và hạnh phúc chân thật có mặt trong thắng tri và liễu tri này.

Học đường cũng cần vạch rõ: mỗi loại tri thức đem lại cho con người một loại hiểu biết và được vận dụng vào một lãnh vực xã hội tương ứng. Tất cả đều cần thiết nếu con người không chấp thủ chúng.

3. Vấn đề giá trị, đạo đức.(Axiology)

Nói đến giá trị là nói đến sự đánh giá. Chủ thể của sự đánh giá là nhận thức, tư duy của con người. Như được trình bày ở mục nhận thức trên, nhận thức và tư duy đã là giới hạn và sai lầm nên các giá trị, vấn đề thiện, ác, đạo đức do tư duy ngã tính đặt để cần được xét lại. Giá trị của một hành động là do nhiều nhân duyên kết hợp mà thành gồm sự chủ tâm tác ý, ý chí thực hiện, tình cảm thực hiện và cả kết quả của hành động. nếu chỉ căn cứ vào cái tướng biểu hiện ở bên ngoài mà đánh giá thì rất thiếu sót, dễ sai lầm. Ví dụ như một bà mẹ diễn đạt sự rất âu yếm người con trẻ mà nghiêng rằng nói rằng: “ta ghét mày quá!” (như nói với tấm lòng rất đỗi là âu yếm). Nếu căn cứ vào cái tướng và lời diễn đạt kia thì quả khó thấy được giá trị của hành động ấy (ở đây sự âu yếm là động cơ của hành động). Hai người cùng làm một việc giống nhau mà giá trị lại khác nhau. Ví như hai người cùng giúp đỡ một người nghèo một số tiền bằng nhau, nhưng một người giúp vì tình thương, một người giúp vì có ý đồ lợi dụng; như vậy một người là thiện lương, người kia là không thiện lương.

Cùng một con người làm cùng một hành động ở hai hoàn cảnh hay thời điểm khác nhau thì có giá trị khác nhau. Chẳng hạn ăn cơm đúng bữa là tốt, ăn cơm lúc khỏe là bình thường, mà ăn cơm lúc đau thương hàn thì có thể dẫn đến cái chết.v.v...

Do đó, không thể có một bảng liệt kê giá trị ấn định sẵn các giá trị của các hành động con người. Người ta cũng không dễ dàng phê phán đúng hành động của những người khác khi không lên hành động của người đó. Vì thế, giá trị nhân bản là mỗi người tự biết mình, đánh giá mình, và rất cẩn trọng khi đánh giá việc làm của những người khác. Giá trị nhân bản là hành động nhằm đem lại an lạc hạnh phúc cho số đông trong hiện tại và tương lai vì chính con người, mà không phải vì nhân danh một quyền lực hay một đảng thần linh nào khác. Tiêu chuẩn giá trị phải là con người và hạnh phúc của con người. Giá trị chính là đạo đức, và đạo đức chính là hạnh phúc. Ở đâu có đạo đức, ở đó có mặt hạnh phúc; ở đâu có hạnh phúc ở đó có mặt đạo đức. Vì thế, đạo đức và hạnh phúc còn đồng nghĩa với vị tha và từ bi (hay lòng nhân ái); và đi xa hơn, đạo đức và hạnh phúc còn đồng nghĩa với sự chế ngự chấp thủ bản ngã, với sự chế ngự dục vọng; càng ít dục vọng càng hạnh phúc nhiều. Đây là loại giá trị của thực tại đòi hỏi con người thực nghiệm để nhận chân giá trị mà không phải là loại giá trị sản phẩm của tư duy tính.

Vấn đề giá trị của nhận thức, vấn đề tư duy và đánh giá các giá trị, hay vấn đề giá trị nói chung, đã được ntga đưa vào nhiều hồi truyện Tây Du Ký và đã

được người viết bàn đến nhiều. Hẳn đây là một vấn đề ách yếu của nội dung của nền giáo dục nhân bản và trí tuệ.

Những công thức giá trị mang vẻ ước lệ, hình thức của các nền văn hóa cũ của nhân loại đã gây ra nhiều bi kịch trong cuộc sống mà nhiều văn hào, thi hào nhân bản thế giới đã nỗ lực tháo gỡ (nhưng thiếu tính toàn diện không như Ngô Thừa Ân) như câu chuyện Le Cid (Pháp), các tiểu thuyết kiếm hiệp của Kim Dung, và rất nhiều phim ảnh hiện đại.

Phải chăng đã đến lúc các nhà văn hóa, giáo dục nhân bản cần hình thành một nền giáo dục “hậu hiện đại” đem lại nhiều tình người, trí tuệ và hạnh phúc hơn cho nhân loại?

---o0o---

V. Mẫu người giáo dục của nền giáo dục mới “hậu hiện đại”

Khi nhà giáo dục thấy rõ quy luật sinh diệt của các hữu, thấy rõ duyên khởi trong tất cả hiện hữu, thấy rõ con người ngũ uẩn của tương quan mật thiết với gia đình, tập thể, xã hội và môi sinh, thấy rõ các hiện tượng xã hội hiện hữu tương duyên với nhau, thấy rõ vai trò của tư duy, dự vọng đối với con người và hạnh phúc của con người, thì nhà giáo dục sẽ hình dung ra được một nội dung giáo dục con người như thế nào.

Một nền giáo dục hiện thực và nhân bản phải là một nền giáo dục tạo ra một môi trường và một nội dung giáo dục thế nào để mọi người tiếp thu đều có điều kiện phát triển kiến thức, tình cảm và trí tuệ tốt nhất nhằm đáp ứng hai yêu cầu chính: cá nhân và xã hội.

Dòng sông là trôi chảy. Con người cũng phát triển không ngừng về tâm thức.

Bên cạnh nội dung giáo dục con người cá nhân như thế, học đường còn hoạch định nội dung giáo dục con người xã hội để đáp ứng các yêu cầu của xã hội và lịch sử. Phần này cần được điều hợp với phần giáo dục ở trên thế nào để thể hiện tinh thần giáo dục rằng: “cá nhân là cá nhân của xã hội, và xã hội là xã hội của cá nhân”.

Về văn hóa truyền thống của dân tộc cũng là một vấn đề quan trọng mà nhà giáo dục nhân bản và hiện đại cần quan tâm xét đến.

Giáo dục của một xứ sở cần đáp ứng các yêu cầu lịch sử của xứ sở ấy (yêu cầu phát triển kinh tế, an ninh, quốc phòng...) Cần bảo vệ văn hóa truyền thống và đề cao truyền thống. Nhưng văn hóa truyền thống cũng chỉ là sản phẩm của con người nhằm phục vụ hạnh phúc của con người xứ sở, nên không thể đặt con người sau văn hóa truyền thống, mà cần xét định những gì của văn hóa truyền thống tốt đẹp và phù hợp với hướng phát triển của lịch sử thì bảo trì và phát huy, những gì thuộc văn hóa truyền thống mà không còn phù hợp với hướng phát triển của con người và lịch sử thì thay đổi. Đây cũng là một đặc điểm của nền giáo dục nhân bản và hiện đại.

Có một yêu cầu giáo dục khác, vừa thuộc yêu cầu của các nhân vừa thuộc yêu cầu xã hội, đó là yêu cầu tín ngưỡng. Con người có quyền tự do chọn lựa thức ăn và màu áo cho mình thì cũng có quyền chọn lựa tín ngưỡng như là màu áo của tinh cảm, tâm hồn. Xã hội và học đường cần đáp ứng tốt yêu cầu tín ngưỡng này. nhưng các tín ngưỡng dị biệt dễ dàng tách rời các cá nhân xa nhau, đây là vấn đề của xã hội: làm thế nào để các cá nhân có tín ngưỡng dị biệt có thể gần gũi nhau và cảm thông nhau thì yêu cầu giáo dục về đoàn kết dân tộc mới thực hiện được. Học đường hiện đại hay “hậu hiện đại”, vì thế cần có một triết lý giáo dục chung vượt lên trên (hay vượt ra ngoài) các dị biệt ấy để có thể thống nhất các dị biệt. Ngô Thừa Ân, tại Ngũ Trang Quán đã mở ra một bữa tiệc nhân sâm để Phật giáo (Bồ Tát Quán Thế Âm và phái đoàn Tây du) và Lão trang, Nho giáo (các thiên tiên, địa tiên) thân mật, đề huề; và để Tôn Ngộ Không cùng vị chủ nhân Ngũ Trang Quán kết nghĩa huynh đệ, sau một hồi tranh chấp xung đột. Đây cũng là một vấn đề lớn của giáo dục. Tất cả đang gặp gỡ nhau, ở địa bàn con người rất người, hạnh phúc con người và cuộc đời (hay môi sinh và xứ sở). Phải chăng đây là cơ sở gặp gỡ của giáo dục để thể hiện mục tiêu giáo dục cảm thông, thương yêu và đoàn kết?

Tất cả đang trông chờ vào vai trò giáo dục ở học đường, tập thể, gia đình và xã hội. Tất cả đang trông chờ vào các phương tiện truyền thông: đài, sách và báo chí, văn nghệ, hội họa... chuẩn bị cho con người của thời đại một nhận thức mới thiết thực, nhân bản và trí tuệ trước hết.

Viết xong ngày 18 tháng 9 năm 1991

Thiền Viện Vạn Hạnh

Tỷ kheo Thích Chơn Thiện

---o0o---

Hết